



2024 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CTCP ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THÔNG DIỆP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lời đầu tiên cho phép tôi thay mặt Hội đồng Quản trị, xin gửi đến Quý cổ đông cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng!

Năm 2024, tăng trưởng kinh tế Việt Nam vượt mức mục tiêu đề ra là 6 - 6,5% GDP, nền kinh tế dần đi vào ổn định. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn tồn tại những hạn chế và tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chính sách tiền tệ thận trọng, kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào lĩnh vực bất động sản, chi phí đầu vào tăng cao, các chính sách của Nhà Nước điều tiết thị trường bất động sản như việc đánh thuế bổ sung với quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất từ bất động sản thứ hai trở lên còn chưa rõ ràng, làm ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư, có người còn phát biểu trên mạng xã hội rằng chỉ nghiên cứu bất động sản chứ không đầu tư. Ngoài ra vẫn là sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường, nguyên vật liệu ngày càng khan hiếm và tăng cao. Trong bối cảnh đó, Công ty chủ động xây dựng giải pháp linh hoạt nhằm phấn đấu thực hiện mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đề ra với

doanh thu thuần năm 2024 đạt 1.867 tỷ đồng, tăng 11,8%, lợi nhuận sau thuế đạt 141,8 tỷ đồng, tăng 21,5% so với cùng kỳ, TICCO tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bê tông thương phẩm, xây dựng thủy lợi và đầu tư phát triển hạ tầng.

Trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển, Công ty luôn không ngừng đổi mới, tối ưu hóa quy trình và nâng cao năng suất lao động. Đặc biệt, TICCO luôn đặt con người vào vị trí trung tâm trong mọi hoạt động, xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, đảm bảo các chính sách phúc lợi. Thu nhập của người lao động được cải thiện qua từng năm, các chế độ đãi ngộ được thực hiện đầy đủ để mọi nhân viên đều có thể phát triển năng lực, gắn bó lâu dài và đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

Là doanh nghiệp tiên phong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, văn hóa doanh nghiệp tại TICCO được xây dựng dựa trên sự minh bạch, hợp tác, trung thực và trách nhiệm. Đồng thời, TICCO luôn cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm hiệu quả,

chống lãng phí; đồng thời hướng hoạt động gắn liền với bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu và năng lượng,... Điều này không chỉ tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng doanh thu mà còn giúp Công ty củng cố niềm tin từ các đối tác, khách hàng và cộng đồng.

Với chiến lược phát triển lâu dài, Công ty tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp và sản xuất bê tông. Chúng tôi đã triển khai thành công các dự án hạ tầng quan trọng, điển hình là Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 và 2, cùng các khu đô thị kiểu mẫu như Mỹ Thạnh Hưng, Khu nhà ở thương mại xã Trung An, Long Thạnh Hưng, Nguyễn Trãi, Trương Định, dự án đường D7, Nguyễn Trọng Dân. Trong lĩnh vực bê tông thương phẩm, Bê tông TICCO đã trở thành thương hiệu tin cậy và quen thuộc trên thị trường xây dựng, sản phẩm tin dùng của nhiều đối tượng, khách hàng từ người dân đến các nhà thầu chuyên nghiệp, Công ty vươn lên trở thành nhà cung cấp dẫn đầu khu vực, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong tỉnh Tiền Giang mà còn mở rộng ra các tỉnh lân

cận.

Chúng tôi cam kết đồng hành cùng sự phát triển của tỉnh Tiền Giang và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, tạo nên những công trình có giá trị lâu dài, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, Quý đối tác và toàn thể cán bộ, nhân viên vì sự tin tưởng, đồng hành và cống hiến không ngừng nghỉ trong suốt thời gian qua. Tôi tin tưởng rằng, với nền tảng vững chắc, tinh thần đổi mới và chiến lược đúng đắn, TICCO sẽ tiếp tục gặt hái thành công và vươn xa hơn trong tương lai.

Xin trân trọng cảm ơn!

TRẦN HOÀNG HUÂN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG

| | |
|---|------------------------------------|
| Doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 | Tăng trưởng doanh thu thuần |
| 1.867,20 tỷ VND | 11,80% |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | Tổng tài sản |
| 141,81 tỷ VND | 2.181,74 tỷ VND |
| Doanh thu bán bê tông | Vốn điều lệ Công ty |
| 1.322,98 tỷ VND | 259,42 tỷ VND |
| Doanh thu thi công công trình xây dựng | Giá trị đầu tư |
| 257,73 tỷ VND | 331,29 tỷ VND |
| Doanh thu bán bất động sản | Vốn hoá Công ty |
| 256,17 tỷ VND | 1.262,59 tỷ đồng |

TẠO NỀN TẢNG VỮNG CHẮC

MỤC LỤC

CHƯƠNG

01

THÔNG TIN CHUNG

- 12 Thông tin khái quát về công ty
- 14 Quá trình hình thành và phát triển
- 20 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 24 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 30 Định hướng phát triển
- 36 Các rủi ro

CHƯƠNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 43 Tình hình sản xuất kinh doanh
- 46 Tổ chức và nhân sự
- 58 Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- 66 Tình hình tài chính
- 72 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- 74 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

CHƯƠNG

03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 85 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất
- 90 Tình hình tài chính
- 93 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 95 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 97 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 98 Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm môi trường, xã hội của công ty

CHƯƠNG

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 102 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của công ty
- 106 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty
- 107 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

CHƯƠNG

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 113 Hội đồng Quản trị
- 130 Ban Kiểm soát
- 132 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

CHƯƠNG

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

- 165 Ý kiến kiểm toán
- 166 Báo cáo tài chính được kiểm toán

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|-------|---|
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| BHTN | Bảo hiểm thất nghiệp |
| BHXH | Bảo hiểm xã hội |
| BHYT | Bảo hiểm y tế |
| BT | Bê tông |
| BKS | Ban Kiểm soát |
| BĐH | Ban Điều hành |
| CCN | Cụm công nghiệp |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| CN | Chi nhánh |
| COP29 | Hội nghị lần thứ 29 của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu |
| CP | Cổ phần |
| CSR | Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp |
| DA | Dự án |
| DXY | Chỉ số US Dollar Index |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng Cổ đông |
| ECB | Ngân hàng Trung ương Châu Âu |
| ERP | Hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp |
| ESG | Môi trường, Xã hội và Quản trị |
| FDI | Đầu tư trực tiếp nước ngoài |
| FED | Cục Dự trữ Liên bang Mỹ |
| FOB | Miễn trách nhiệm Trên Boong tàu nơi đi (Free on Board) |
| FTA | Hiệp định thương mại tự do |

| | |
|----------|---|
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội |
| GTSL | Giá trị sản lượng |
| HĐQT | Hội đồng Quản trị |
| HOSE | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| KDC | Khu dân cư |
| KH | Kế hoạch |
| KTNB | Kiểm toán nội bộ |
| NM | Nhà máy |
| OECD | Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| Q | Quý |
| QCVN | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia |
| ROA | Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (Return on Assets) |
| ROE | Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (Return on Equity) |
| ROS | Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (Return on Sales) |
| SSC | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| TGD | Tổng giám đốc |
| TH | Thực hiện |
| TCVN | Tiêu chuẩn Việt Nam |
| TNHH MTV | Trách nhiệm hữu hạn một thành viên |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| UBKT | Ủy ban Kiểm toán |
| VLXD | Vật liệu xây dựng |

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG

12

THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

14

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

20

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

24

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

30

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

36

CÁC RỦI RO



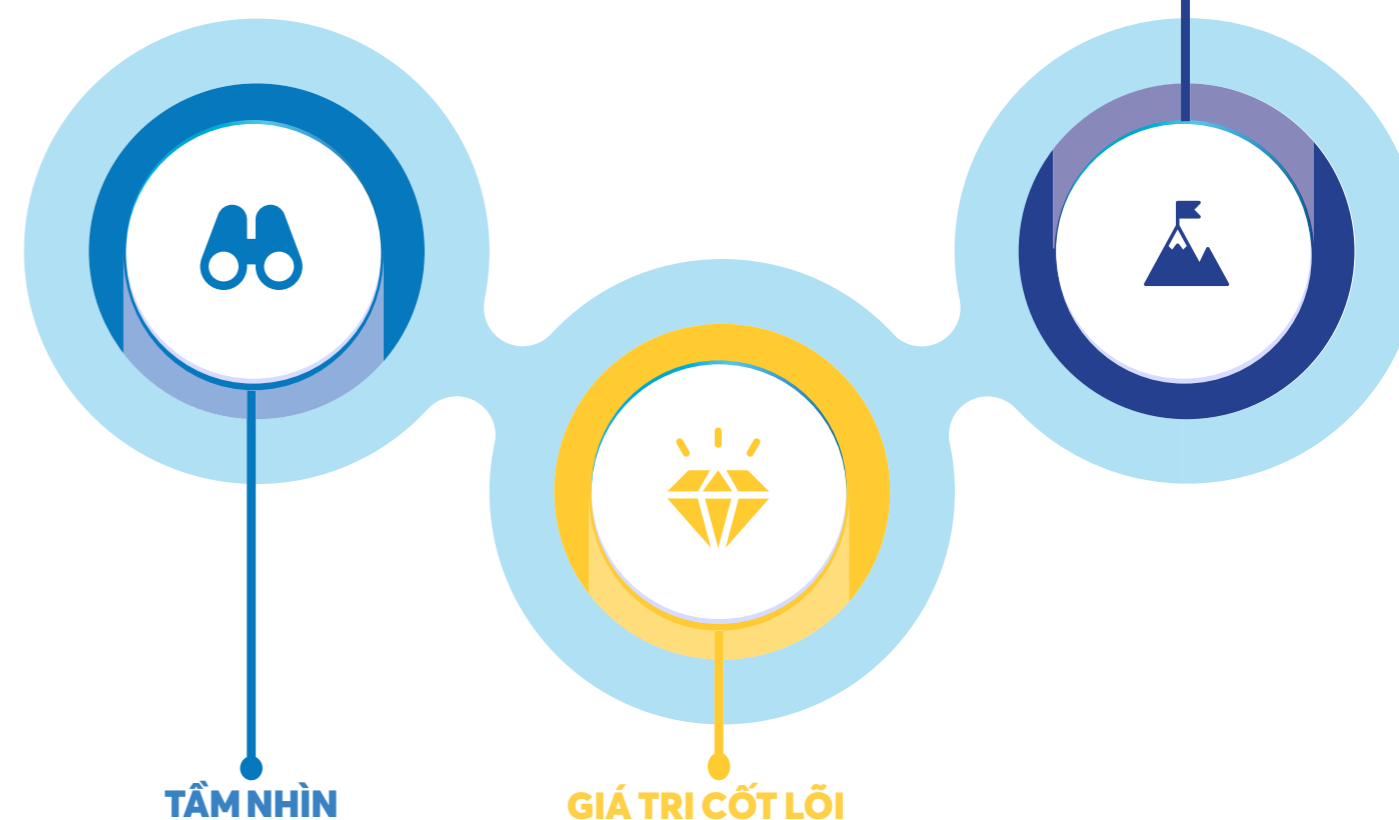


| | |
|--|--|
| Tên tiếng Việt | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang |
| Tên tiếng Anh | Tien Giang Investment and Construction Joint Stock Company |
| Tên viết tắt | TICCO |
| Mã cổ phiếu | THG (niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số | 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 19/07/2024 |
| Vốn điều lệ | 259.418.870.000 đồng |
| Địa chỉ | 46 - 48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam |
| Số điện thoại | 02733872878 |
| Website | https://ticco.com.vn |
| Email | ticco@ticco.com.vn |

SỨ MỆNH, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sứ mệnh của TICCO là đem lại sự an tâm và giá trị gia tăng với những sản phẩm, dịch vụ có ưu điểm vượt trội, đạt tiêu chuẩn cao về kỹ thuật, mỹ thuật cùng với sự trân trọng, trách nhiệm cao của mình đến xã hội và cộng đồng.

SỨ MỆNH



TÂM NHÌN

Công ty tập trung phát triển mạnh trên các lĩnh vực:

- **Bất động sản**
- **Sản xuất kinh doanh Bê tông**
- **Thi công xây dựng**

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Công ty tập trung phát huy các giá trị:

- **Chuyên nghiệp**
- **Trách nhiệm**
- **Trung thực**
- **Tận tâm**
- **Linh hoạt**

THÔNG điệp CỦA CÔNG TY

Với tâm huyết và nỗ lực không ngừng, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên tất cả các lĩnh vực: xây dựng công trình, bất động sản và bê tông. Chúng tôi tin tưởng rằng TICCO sẽ tiếp tục phát triển ổn định và bền vững, mang lại giá trị cao cho khách hàng, đối tác và cộng đồng

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

GIAI ĐOẠN 1977 - 2010

1981

Ban tiếp nhận nguồn hàng viện trợ ADB được chuyển thành Xí nghiệp Thi công cơ giới Thủy lợi.

1996 - 1997

1996: Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang chuyển đổi thành Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang
1997: Đầu tư phát triển Khu công nghiệp Mỹ Tho.

2004 - 2006

2004: Đầu tư phát triển Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, TP. Mỹ Tho. Khu dân cư hiện đại đầu tiên của tỉnh Tiền Giang. Thành lập Trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc (EIC).
2006: Đầu tư dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gạo với quy mô 23 ha. Tăng vốn điều lệ công ty lên 60.000.000.000 đồng.

2008

2008: Mua Công ty Xây dựng Thủy lợi An Giang (DNNN) và tổ chức lại thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng, trong đó, TICCO nắm giữ 65% vốn điều lệ.

1977 - 1980

1977: Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang được thành lập.
1980: Ban tiếp nhận nguồn hàng viện trợ ADB ra đời, theo chương trình triển khai dự án tiền phong Gò Công - Tân An, thuộc Sở Thủy lợi Tiền Giang

1983

1983: Xí nghiệp Thi công Cơ giới Thủy lợi sáp nhập với Công ty Xây dựng Thủy lợi thành Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang

2000 - 2003

2000: Thành lập Xí nghiệp bê tông, mở ra lĩnh vực kinh doanh mới về các sản phẩm bê tông.
2003: Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang được cổ phần hóa theo Quyết định của UBND tỉnh Tiền Giang và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với vốn điều lệ 19.621.100.000 đồng.

2007

Thực hiện dự án tái cấu trúc quản lý Công ty.
Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO và Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao Thông TICCO với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng; Công Ty TNHH MTV Bê tông TICCO, vốn điều lệ 38.000.000.000 đồng.
Thành lập các đơn vị kinh doanh trực thuộc: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng.

2009 - 2010

2009:
Thành lập Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal)
Sàn giao dịch bất động sản đầu tiên tại Tiền Giang.
2010: Sáp nhập Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông TICCO vào Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO và tăng vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng. Phát hành thêm vốn cổ phần, nâng vốn điều lệ toàn Công ty 80.000.000.000 đồng.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

GIAI ĐOẠN 2011-2024

2013

Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 4:1, nâng vốn điều lệ toàn Công ty lên 100.000.000.000 đồng.

2016

Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi).

Thành lập Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa).

Thành lập Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (TICCO PILE) trực thuộc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO.

Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 119.999.070.000 đồng.

2014

Tháng 02/2014, thành lập Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi. Tháng 09/2014, thành lập Xí nghiệp Thi công Cơ giới.

2017 - 2018

2017: Thành lập nhà máy bê tông Tân Phước.

2018: Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO chuyển đổi loại hình sang Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO. Thành lập Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng

2019 - 2020

2019: Thành lập công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước.

2020: Thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

2021 - 2022

2021: Tăng vốn điều lệ lên 159.713.060.000 đồng từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2022: Tăng vốn điều lệ lên 199.638.930.000 đồng từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2023 - 2024

2023: Tăng vốn điều lệ lên 229.578.960.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022

2024: Tăng vốn điều lệ lên 259.418.870.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2023.

2011

Niêm yết 8.000.000 cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).



CÁC THÀNH TỰU CỦA CÔNG TY



- ★ Năm 1991 : Huân chương Lao Động hạng Nhì
- ★ Năm 1996 : Huân chương Lao Động hạng Nhất
- ★ Năm 2000 : Danh Hiệu Anh hùng lao động
- ★ Năm 2003 : Huân chương Độc lập hạng Ba
- ★ Liên tục 2 năm (2008 - 2009) được tặng thưởng “Bảng vàng doanh nghiệp uy tín, chất lượng”
- ★ Năm 2010 : Huân chương Độc lập hạng Nhì
- ★ Chính phủ, Bộ, Ngành Trung ương và UBND tỉnh Tiền Giang tặng thưởng 20 Cờ thi đua, 30 Bằng khen
- ★ Năm 2023 : Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam
- ★ Năm 2024 : Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam, Top 5 doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất (nhóm vốn hoá nhỏ)



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hiện tại, doanh thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang đến từ các lĩnh vực đầu tư xây dựng công trình hạ tầng; sản xuất và kinh doanh bê tông; bất động sản. Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh các ngành nghề kinh doanh được đăng ký gồm:

| Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|----------|--|
| 0111 | Trồng lúa |
| 0112 | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác |
| 0113 | Trồng cây lấy củ có chất bột |
| 0118 | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa |
| 0119 | Trồng cây hàng năm khác |
| 0121 | Trồng cây ăn quả |
| 0128 | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm |
| 0129 | Trồng cây lâu năm khác |
| 0131 | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm |
| 0161 | Hoạt động dịch vụ trồng trọt |
| 0163 | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch |
| 0210 | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp |
| 2220 | Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite |
| 2395 | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn |
| 2592 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi |
| 3011 | Đóng tàu và cầu kiện nổi Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan |
| 3511 | Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời |
| 3512 | Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội) |



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thị trường kinh doanh chính của TICCO là đồng bằng Sông Cửu Long, trọng điểm là khu vực giữa Sông Vàm Cỏ và Sông Hậu và định hướng phát triển kinh doanh khu vực Đông Nam Bộ, Trung Bộ và Tây Nguyên.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP THEO)

| Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|--------------|---|
| 3600 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước |
| 3700 | Thoát nước và xử lý nước thải |
| 3811 | Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Trừ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình |
| 3812 | Thu gom rác thải độc hại |
| 3821 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại |
| 3822 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại |
| 4101 | Xây dựng nhà để ở |
| 4102 | Xây dựng nhà không để ở |
| 4211 | Xây dựng công trình đường sắt |
| 4212 | Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước |
| 4222 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước |
| 4291 | Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: trạm bơm, cống đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương. (trừ thiết lập, vận hành duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải) |
| 4299 (Chính) | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp - Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật |
| 4312 | Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng |
| 4661 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan |
| 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp |
| 4669 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite |
| 4730 | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh |

| Mã ngành | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|----------|--|
| 4752 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng |
| 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ |
| 4940 | Vận tải đường ống |
| 5022 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa |
| 5210 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa |
| 5222 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy |
| 5224 | Bốc xếp hàng hóa |
| 5225 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ |
| 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh kết cấu cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu tái định cư, nhà ở công nhân. Cho thuê lại đất, kho tàng nhà xưởng, bến bãi; - Mua bán nhà ở. Cho thuê nhà ở, cho thuê văn phòng, cho thuê kiốt; - Quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư và nhà ở công nhân; - Kinh doanh bất động sản. (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng) |
| 6820 | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản. Định giá bất động sản. Tư vấn bất động sản. Quản lý bất động sản. Trừ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ quản tài viên. |
| 7110 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi. Tư vấn đấu thầu, giám sát. Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi |
| 7310 | Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo bất động sản |
| 7710 | Cho thuê xe có động cơ |
| 7730 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển |
| 8110 | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp |
| 8130 | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan |

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TIỂU BAN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN

VĂN PHÒNG HĐQT

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty có 02 đơn vị phụ thuộc là: Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở tại 46 - 48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm dịch vụ công nghiệp TICCO, địa chỉ tại Cụm Công nghiệp Gia Thuận, ấp 3 xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, Công ty có 01 Văn phòng đại diện có trụ sở đặt tại Số 388 đường Nguyễn Trọng Dân, khu phố Long Mỹ, phường Long Chánh, Tp Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang được thiết kế theo mô hình tổ chức và quản lý tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát.

Việc quản lý của Công ty được xây dựng theo nguyên tắc từ trên xuống dưới. Phân công quyền hạn/trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận/cá nhân một cách công khai, minh bạch, đúng người đúng việc. Các bộ phận/cá nhân cũng có thể hỗ trợ nhau trong quá trình thực thi, triển khai công việc để đạt hiệu quả nhanh và cao nhất.

Phòng Nhân sự - Hành chính

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

Phòng Kinh doanh

Sàn giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOREAL)

Ban Đầu tư và Quản lý dự án

Ban Đầu tư và Quản lý dự án 2

Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO

CÔNG TY CON CẤP 1:

- Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO (TICCO LAND)
- Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO

CÔNG TY CON CẤP 2:

- Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (TICCO PILE)
- Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO
- Công ty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO

CÔNG TY CON

CÔNG TY LIÊN KẾT
Công ty Cổ phần TESTCO

BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng Cổ đông, cụ thể bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc.



Đại hội đồng Cổ đông

Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.



Hội đồng Quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị của Công ty hiện có 6 thành viên, trong đó có 1 thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, và 2 thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.



Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng Cổ đông, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của mình. Ban Kiểm soát hiện tại có 3 thành viên.



Ban Tổng Giám đốc

Là cơ quan điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Ban Tổng giám đốc Công ty bao gồm 1 Tổng Giám đốc và 4 Phó Tổng giám đốc.



Văn phòng Hội đồng Quản trị

Văn phòng Hội đồng Quản trị gồm 02 thành viên, thực hiện các công việc văn phòng, văn thư, thư ký thuộc HĐQT, BKS; ghi chép biên bản và lưu trữ các nghị quyết, quyết định, các văn bản khác của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT, BKS. Tham mưu, đề xuất với HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong việc đưa ra những đường lối, chính sách, quyết định của HĐQT về những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT và Chủ tịch HĐQT.



Tiểu ban Hỗ trợ phát triển

Tiểu Ban Hỗ trợ phát triển trực thuộc Hội đồng quản trị, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về công tác nhân sự, lương thưởng, chiến lược và đầu tư mua sắm.



Ban Kiểm toán nội bộ

Là Ban chuyên môn thực hiện nghiệp vụ kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, báo cáo công việc cho HĐQT. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và giám sát tính thích hợp và hiệu quả của hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ.

CÁC CÔNG TY CON

Công ty con cấp 1



Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO

- Địa chỉ:** Lô 1-6 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh bê tông.
- Giấy chứng nhận doanh nghiệp:** 1200656249
- Ngày cấp:** 04/07/2022
- Vốn điều lệ:** 55.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ Công ty sở hữu:** 100%



Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước

- Địa chỉ:** Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
- Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh bê tông
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** 1201602574
- Ngày cấp:** 04/07/2022
- Vốn điều lệ:** 66.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ Công ty sở hữu:** 100%



CÁC CÔNG TY CON

Công ty con cấp 1 (tiếp theo)



Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO

- Địa chỉ:** 490 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Ngành nghề kinh doanh:** Thi công công trình xây dựng thủy lợi.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** 1201534074
- Ngày cấp:** 05/01/2023
- Vốn điều lệ:** 14.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ Công ty sở hữu:** 100%



Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO

- Địa chỉ:** Số 490 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
- Ngành nghề kinh doanh:** Thi công công trình xây dựng thủy lợi.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** 1200683404
- Ngày cấp:** 06/06/2023
- Vốn điều lệ:** 16.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ Công ty sở hữu:** 66,67%



Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO

- Địa chỉ:** Số 46 - 48, Nguyễn Công Bình, xã Trung An, TP Mỹ Tho, Tiền Giang
- Ngành nghề kinh doanh:** Kinh doanh bất động sản
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** 1201640114
- Ngày cấp:** 11/01/2023
- Vốn điều lệ:** 35.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ Công ty sở hữu:** 100%



Công ty Cổ phần Testco

- Địa chỉ:** Lô 1, 2, 3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Ngành nghề kinh doanh:** Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** 1200673607
- Ngày cấp:** 16/04/2018
- Vốn điều lệ:** 1.300.000.000 đồng
- Tỷ lệ Công ty sở hữu:** 20%

Công ty con cấp 2



Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO

- Công ty con của:** Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
- Địa chỉ:** Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
- Ngành nghề kinh doanh:** Thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** 1201534099
- Ngày cấp:** 16/11/2022
- Vốn điều lệ:** 3.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ Công ty sở hữu:** 100%



Công ty TNHH MTV Cọc TICCO

- Công ty con của:** Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- Địa chỉ:** Lô 1-6 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Ngành nghề kinh doanh:** Đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** 1201537131
- Ngày cấp:** 29/09/2022
- Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ Công ty sở hữu:** 100%



Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO

- Công ty con của:** Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- Địa chỉ:** 490 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
- Ngành nghề kinh doanh:** Kinh doanh vật liệu xây dựng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** 1201577198
- Ngày cấp:** 04/01/2023
- Vốn điều lệ:** 3.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ Công ty sở hữu:** 100%



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Trong hơn 40 năm hình thành và phát triển, TICCO luôn dành sự ưu tiên cho chất lượng sản phẩm, sự hài lòng của khách hàng và đồng thời cũng cam kết phát triển bền vững, gắn liền lợi ích kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

Với tầm nhìn dài hạn và giá trị cốt lõi được đúc kết qua nhiều thập kỷ, Công ty cam kết tiếp tục mở rộng và cải tiến các mảng kinh doanh cốt lõi, giúp

mang lại giá trị cho cổ đông, cho khách hàng bằng những sản phẩm, công trình chất lượng, mang dấu ấn vượt thời gian. Dựa trên triển vọng tươi sáng của nền kinh tế Việt Nam, TICCO đặt mục tiêu tiếp tục mở rộng quy mô, thị phần và chú trọng tăng trưởng bền vững trong mảng bê tông, bất động sản và thi công công trình xây dựng. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư, cải tiến công nghệ để nâng cao

năng suất, giúp giảm chi phí và phát triển các sản phẩm bê tông thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu khắt khe của các dự án trọng điểm. Đồng thời kết hợp với việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao giúp đảm bảo tiến độ xây dựng và chất lượng dự án, song song với việc duy trì mối quan hệ hợp tác chiến lược với các nhà cung cấp và nhà phân phối. Ngoài ra, Công ty

cũng ưu tiên việc tập trung phát triển và áp dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh nhằm quản lý hiệu quả hàng tồn kho, dự báo nhu cầu và tối ưu hoá chiến lược kinh doanh giúp Công ty hoạt động hiệu quả hơn.

Mục tiêu cụ thể

- 01** Mở rộng và cải tiến hoạt động kinh doanh cốt lõi
- 02** Đầu tư công nghệ và nâng cao hiệu suất và bảo vệ môi trường
- 03** Phát triển nguồn nhân lực của công ty
- 04** Tăng cường hợp tác chiến lược với đối tác
- 05** Ứng dụng công nghệ số



CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty đề ra chiến lược phát triển cho giai đoạn 2022 – 2026 và định hướng đến 2031 như sau:

Kiên trì thực hiện theo định hướng đã được Đại hội đồng Cổ đông qua các nhiệm kỳ thống nhất thông qua, tập trung đầu tư, phát triển cho lĩnh vực bê tông, phát huy ngành nghề kinh doanh khu, cụm công nghiệp, đầu tư dài hạn cho lĩnh vực bất động sản, lĩnh vực xây dựng tiếp tục duy trì năng lực hiện có; tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, phát triển nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và môi trường.

Trên từng lĩnh vực kinh doanh, công ty đều có mục tiêu chiến lược cụ thể:

Lĩnh vực thi công xây dựng: Củng cố công tác quản lý, áp dụng công nghệ tiên tiến tạo thế mạnh cạnh tranh về giá, chất lượng, mỹ thuật và tiến độ, liên kết với các đối tác chiến lược mở rộng thêm loại hình công trình như: giao thông, xây dựng công nghiệp, xử lý môi trường.

Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông: Phát huy và giữ vững thương hiệu, liên tục cải tiến tạo ra sản phẩm có chất lượng và mỹ thuật công nghiệp đạt chuẩn; Đẩy mạnh tiếp thị vào các thị trường mục tiêu duy trì số lượng khách hàng hiện có, nghiên cứu mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm mới để có được những khách hàng, đơn hàng mới.

Lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản: Thực hiện đúng cam kết và giá cả hợp lý phù hợp với nhu cầu của thị trường và xã hội; Tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư các dự án có tính khả thi cao, đảm bảo tiến độ để đáp ứng kịp thời chiến lược kinh doanh; Thực hiện quản lý tốt các dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục pháp lý theo qui định pháp luật hiện hành; Phối hợp với các địa phương có dự án đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng dự án nhằm đưa sản phẩm vào khai thác, kinh doanh kịp thời, hiệu quả.

CHIẾN LƯỢC
TRUNG VÀ
DÀI HẠN

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TICCO

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (TICCO) đặt mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, vì vậy TICCO chú trọng vào vấn đề phát triển và đổi mới sản phẩm nhằm mục đích tạo ra giá trị và sự hài lòng cho khách hàng. Đồng thời, công ty tận dụng các nguồn lực nội tại và bên ngoài để đảm bảo sự phát triển bền vững và hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Với mục tiêu trên, TICCO xác định những nhiệm vụ cụ thể như sau:

Đi cùng sự phát triển chung của Tỉnh, TICCO chú trọng xây dựng các dự án hạ tầng công nghiệp xanh, sạch, thân thiện với môi trường. Trong quá trình triển khai đầu tư, Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với địa phương, cung cấp đa dạng các loại hình sản phẩm; đề cao việc xây dựng hạ tầng đồng bộ, đảm bảo các yếu tố về môi trường, cây xanh, xử lý tốt rác thải,... Đồng thời, thực hiện tiết kiệm nước, năng lượng và tuân thủ chặt chẽ các định chế của pháp luật về bảo vệ môi trường,...

Đối với các nhà đầu tư vào Cụm CN, TICCO chú trọng gia tăng trách nhiệm của các nhà đầu tư trong việc quản lý chất thải và tái chế chất thải. Ưu tiên các nhà đầu tư bền vững với môi trường, hạn chế các mối nguy về ô nhiễm và thải nhiều khí thải carbon.

Song song với đó, tiếp tục phát huy truyền thống, thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, phục vụ nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt, bảo vệ cây ăn trái, hoa màu, góp phần chống biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước vùng hạ lưu sông Cửu Long và xây dựng nông thôn mới.

Với cổ đông, TICCO luôn phấn đấu bảo vệ lợi ích cho Cổ đông từ sự ổn định và phát triển bền vững, đảm bảo cổ tức được chi trả đầy đủ và luôn cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng.

Với người lao động, TICCO đảm bảo một tương lai nghề nghiệp bền vững, được đào tạo và phát triển kỹ năng làm việc trong một môi trường văn hóa tích cực. Họ được trang bị các phương tiện làm việc cần thiết và có cơ hội thăng tiến công bằng, với mức thu nhập cao hơn so với mức trung bình xã hội.

Với khách hàng, TICCO cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng cao và được cải tiến liên tục, mang lại niềm tin và sự hài lòng. Công ty tạo ra giá trị tương xứng với giá cả và xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững. Với nhà cung cấp, TICCO khuyến khích phát triển và tạo ra nguồn doanh thu ổn định và bền vững, đồng thời xây dựng các mối quan hệ đối tác tích cực.

Với Nhà nước và xã hội, TICCO cam kết đóng góp vào ngân sách Nhà nước, thực hiện trách nhiệm xã hội và môi trường, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.

QUẢN LÝ RỦI RO



Chính sách quản trị rủi ro của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc chủ động nhận diện, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu tác động của các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty cam kết triển khai các biện pháp quản trị rủi ro toàn diện, bao gồm việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ, nâng cao năng lực dự báo, ứng phó linh hoạt với các biến động của thị trường, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và tăng cường tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Quy trình quản trị rủi ro của Công ty được thực hiện thông qua bốn bước, bao gồm:

- Nhận diện rủi ro: Thường xuyên rà soát, đánh giá các yếu tố kinh tế, biến động thị trường và các thay đổi trong khung pháp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.
- Đánh giá và phân tích: Xác định mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra của từng loại rủi ro đối với hoạt động của Công ty.
- Kiểm soát rủi ro: Đề xuất, thảo luận và thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế rủi ro.
- Giám sát và báo cáo: Liên tục giám sát nhằm theo dõi tính hiệu quả của các biện pháp.



RỦI RO CẠNH TRANH

Năm 2024, chi phí nguyên vật liệu cho ngành bê tông như cát, đá, xi măng, thép, ... tăng cao do thiếu nguồn cung và do ảnh hưởng của tiền điện tăng, đa số các doanh nghiệp trong ngành đều gặp khó khăn. Về đầu ra, thị trường bất động sản dù được hỗ trợ bởi các chính sách từ chính phủ tuy nhiên tốc độ phục hồi chỉ ở mức vừa phải, chưa tạo ra nhiều nhu cầu giúp ngành xây dựng. Nhưng nhờ nhu cầu đầu tư công mà nhu cầu sử dụng bê tông vẫn tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, tình trạng cạnh tranh gay gắt là không tránh khỏi do càng ngày càng nhiều doanh nghiệp quan tâm đến chất lượng bê tông và bảo vệ môi trường.

Giải pháp khắc phục

Công ty chú trọng đa dạng hoá nguồn cung nguyên vật liệu, xây dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược đối với nhà cung cấp nhằm giảm thiểu chi phí đầu vào, đồng thời tích cực đầu tư vào các công nghệ xanh để đảm bảo các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường, tận dụng uy tín và thâm niên lâu năm trong ngành để giữ vững và phát triển tệp khách hàng hiện tại của doanh nghiệp.



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, bối cảnh vĩ mô đã trở nên tốt hơn nhờ quá trình cắt giảm lãi suất từ Cục Dự trữ Liên bang (FED), Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) và nhiều ngân hàng trung ương khác. Tuy nhiên, tình trạng lạm phát dai dẳng do ảnh hưởng từ biến động giá năng lượng đang khiến các Ngân hàng Trung ương trở nên thận trọng hơn trong quá trình nới lỏng chính sách tiền tệ. Bên cạnh đó, do căng thẳng từ các cuộc xung đột tại Trung Đông, tình hình chiến sự của Nga và Ukraine và các tranh chấp thương mại đã làm gia tăng áp lực kinh tế toàn cầu, làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới. Điều này đồng thời làm chậm lại đà phục hồi của nền kinh tế toàn cầu và ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ giá và dòng vốn FDI vào Việt Nam. Theo Tổng cục thống kê, dòng vốn FDI đăng ký trong năm 2024 đạt 19,73 tỷ USD, giảm 2,3% so với số liệu năm 2023. Trái ngược với bối cảnh có phần ảm đạm của nền kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam vẫn được HSBC vinh danh là "ngôi sao tăng trưởng" tại Đông Nam Á. Với tăng trưởng GDP ấn tượng trong 15 năm với mức tăng 7,09%, dẫn đầu bởi lĩnh vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng 8,24%, tăng 173% so với cùng kỳ năm ngoái. Đi kèm với dấu mốc tăng trưởng vượt bậc là lạm phát được kiểm soát chặt chẽ ở mức 3,63%, thị trường bất động sản phục hồi và tăng trưởng tín dụng đạt chỉ tiêu 15% nhờ vào các chính sách linh hoạt, phù hợp của chính phủ. Với đặc thù phụ thuộc nhiều vào tình hình vĩ mô, các biến động kinh tế như dòng vốn FDI, đầu tư công, và thị trường bất động sản ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động công ty. Nhờ tình hình thị trường bất động sản và chính sách thúc đẩy đầu tư công năm 2024 được cải thiện đáng kể, doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm nay của TICCO đã tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ.

Giải pháp khắc phục

Trong năm 2024, Ban lãnh đạo công ty tiếp tục theo sát chính sách tài khóa, đầu tư công và động thái điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước để có kế hoạch tài chính và chiến lược kinh doanh phù hợp. Ngoài ra, công ty cũng ưu tiên hướng đến việc tối ưu hóa cơ cấu vốn bằng cách cân đối giữa nợ vay và vốn chủ sở hữu để giúp công ty giảm áp lực tài chính khi kinh tế biến động. Bên cạnh đó, TICCO chủ động xây dựng và củng cố mối quan hệ với các ngân hàng và đối tác nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận vốn với lãi suất ưu đãi. Đồng thời ưu tiên xây dựng quỹ dự phòng tài chính để tăng tính chủ động trong trường hợp thị trường bất động sản tiếp tục suy yếu hoặc các dự án thi công bị trì hoãn.

QUẢN LÝ RỦI RO



RỦI RO LÃI SUẤT

Trong năm 2024, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục duy trì mức lãi suất điều hành thấp nhằm hỗ trợ cho sự phát triển và phục hồi của nền kinh tế, đồng thời nâng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đáp ứng mục tiêu hỗ trợ kinh tế tăng trưởng. Cùng năm FED cũng hạ lãi suất 3 lần, đưa lãi suất từ 5,5% xuống 4,5% nhằm hỗ trợ nhu cầu tiêu dùng phục hồi. Bối cảnh lãi suất thấp tạo điều kiện thuận lợi cho những doanh nghiệp có mô hình kinh doanh thuộc mảng xây dựng và bất động sản như TICCO giảm bớt áp lực từ chi phí lãi vay, do phần lớn nguồn vốn tài trợ cho các dự án là từ nợ vay.

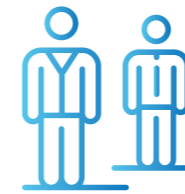
Giải pháp khắc phục

Nhằm hạn chế rủi ro lãi suất, công ty luôn có nhận thức rõ ràng và xây dựng các phương án cụ thể để quản trị rủi ro liên quan, đảm bảo tối ưu hoá nguồn lực tài chính.

Do đặc thù của mô hình kinh doanh thuộc lĩnh vực xây dựng và bất động sản, và là công ty đại chúng được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên hoạt động kinh doanh của công ty gắn liền với các quy định và văn bản pháp lý. Trong năm 2024, thị trường bất động sản được chính phủ hỗ trợ bởi ba luật mới gồm Luật đất đai 2024, Luật Nhà ở 2023, Luật kinh doanh bất động sản 2023 giúp gia tăng tính minh bạch và gỡ bỏ các rào cản pháp lý nhằm tạo điều kiện cho sự phục hồi và phát triển của thị trường bất động sản. Đối với mảng xây dựng, TICCO chịu tác động của các quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam như QCVN 01:2021, TCVN 12846:2020, TCVN 12252:2020, ... và các quy hoạch, định hướng khác về phát triển như Quyết định số 891/QĐ-TTg về quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết số 06-NQ/TW về quy hoạch, quản lý, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Giải pháp khắc phục

Với mục tiêu phát triển bền vững và tinh thần thượng tôn pháp luật, TICCO luôn đảm bảo theo sát và cập nhật thường xuyên các chính sách và quy định mới nhất đồng thời đưa ra kế hoạch và hành động cụ thể, phù hợp nhằm đảm bảo tuân thủ quy định và xây dựng hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực.



RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm 2024 chứng kiến sự tăng giá đồng loạt của nhiều loại vật liệu xây dựng trong bối cảnh giá điện, than liên tục tăng. Cụ thể, việc EVN điều chỉnh giá điện tăng thêm 4,8% không chỉ khiến chi phí sản xuất của công ty cao hơn, mà còn dẫn tới giá bán của các nguyên vật liệu đầu vào như xi măng được điều chỉnh tăng thêm 50.000 đồng/tấn sau 2 năm do các nhà sản xuất gặp áp lực thua lỗ. Trong cùng năm, giá cát không chỉ tăng nhanh mà còn trở nên khan hiếm do thiếu nguồn cung, buộc nhiều doanh nghiệp phải nhập cát thương mại từ Campuchia với giá thành cao hơn. Giá thép mặc dù đã có lúc giảm đáng kể từ trong suốt 3 quý đầu năm nhưng đã có mức tăng nhẹ trở lại vào cuối năm do ảnh hưởng từ chi phí sản xuất cao hơn.

Giải pháp khắc phục

Do đặc thù chi phí nguyên vật liệu chiếm hơn 70% trong cơ cấu chi phí, nên công ty luôn theo dõi biến động giá các nguyên vật liệu như xi măng, cát, đá và nhằm hạn chế rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu. Ban lãnh đạo công ty chủ động xây dựng hệ thống tồn kho linh hoạt và hiệu quả song song với việc theo dõi và đưa ra các hành động thích hợp với biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty luôn có các đánh giá về thời điểm để nhập và xuất hàng, kèm xây dựng mối quan hệ và ký kết các hợp đồng lâu dài với các nhà cung cấp.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh Việt Nam tăng cường đầu tư vào kinh tế xanh và phát triển bền vững. Công ty đối mặt với những rủi ro và áp lực liên quan về vấn đề môi trường như các yêu cầu về giảm phát thải, ô nhiễm không khí, quản lý chất thải và ô nhiễm tiếng ồn tại nơi thi công, ... gây áp lực lên chi phí sản xuất và hoạt động kinh doanh của công ty.

Giải pháp khắc phục

Với mục tiêu phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội. TICCO chủ động đầu tư và cải thiện máy móc, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và môi trường nhằm đáp ứng các tiêu chí mới đồng thời liên tục đào tạo lớp cán bộ và công nhân viên nhằm nâng cao nhận thức về phát triển bền vững.



RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro đã nêu, vẫn còn một số rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, ... tuy nhiên các rủi ro này không mang tính trọng yếu, không gây ra ảnh hưởng quá lớn đến khả năng hoạt động và nội tại công ty.

Giải pháp khắc phục

Phía công ty chủ động làm hạn chế khả năng xảy ra và giảm thiểu thiệt hại bằng cách tăng cường công tác giám sát, chủ động mua bảo hiểm, xây dựng kịch bản và giải pháp cho từng tình huống, ...

CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

43

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

46

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

58

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

71

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

76

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

78

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

T I C C O

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Ngành vật liệu xây dựng năm 2024 đối mặt với nhiều thách thức làm ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành. Tuy nhiên, với sự chuẩn bị từ trước cùng với sự đoàn kết nỗ lực của cả tập thể, Công ty tự hào với kết quả đạt được vô cùng tích cực.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | CHỈ TIÊU | NĂM 2023 | NĂM 2024 | % TĂNG/ GIẢM |
|-----|---|-----------|-----------|-----------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 1.669.780 | 1.867.200 | 11,80% |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 1.287.984 | 1.426.790 | 10,78% |
| 3 | Doanh thu hoạt động tài chính | 8.995 | 5.111 | -43,18% |
| 4 | Phần lãi trong Công ty liên kết | 84 | 87 | 2,99% |
| 5 | Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp | 242.986 | 273.234 | 12,45% |
| 6 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 147.890 | 172.374 | 16,56% |
| 7 | Lợi nhuận khác | (607) | 2.118 | - |
| 8 | Lợi nhuận trước thuế | 147.283 | 174.492 | 18,47% |
| 9 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 116.665 | 141.814 | 21,50% |
| 10 | Lợi nhuận trên giá cổ phiếu (đồng) | 4.317 | 5.139 | 19,04% |

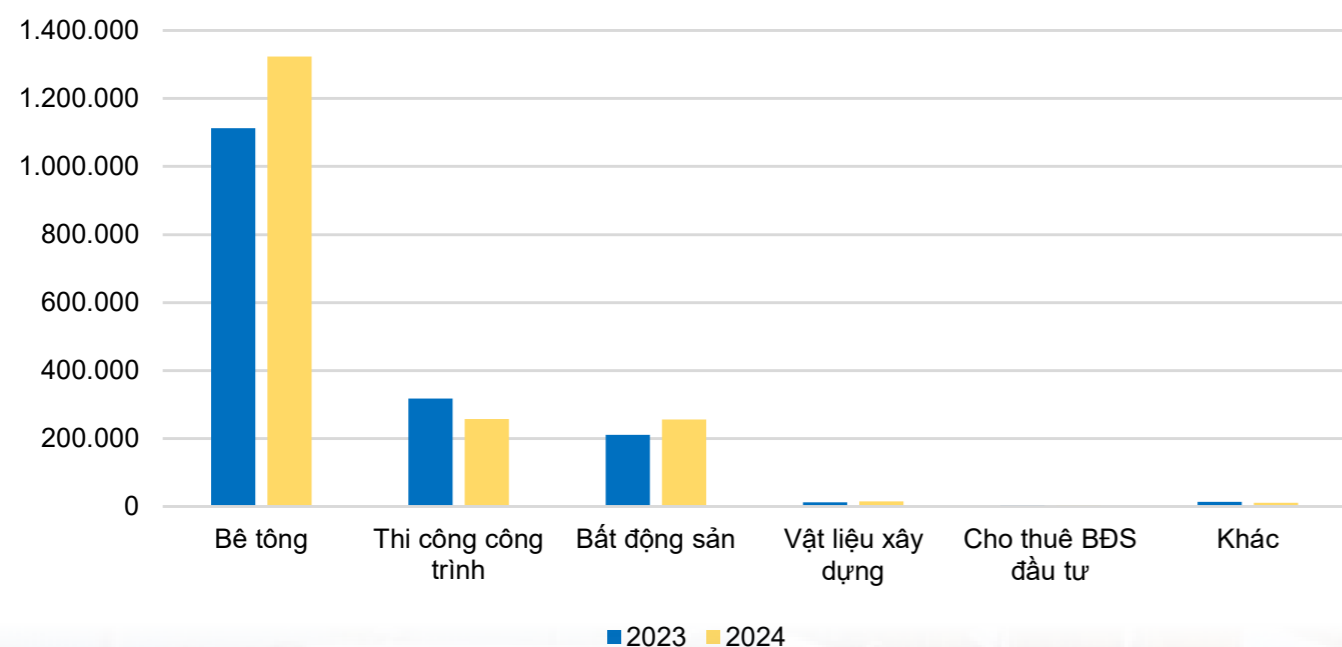
Năm 2024, lĩnh vực bất động sản tiếp tục đóng vai trò chủ lực, duy trì ổn định và đóng góp lớn vào hiệu quả kinh doanh của TICCO. Công ty hoàn thành hạ tầng và triển khai kinh doanh các dự án như Đường D7, Nguyễn Trọng Dân nối dài, CCN Gia Thuận 1 đồng thời xúc tiến nghiên cứu, lập quy hoạch nhiều dự án mới tại Tiền Giang. Trong lĩnh vực bê tông, TICCO giữ vững thị phần, đầu tư cải tiến để đối phó cạnh tranh và biến động giá nguyên liệu, ghi nhận doanh thu tích cực từ sản phẩm đầm cầu và đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất mới tại Tân Phước và CCN Gia Thuận. Lĩnh vực thi công xây dựng được xác định là hỗ trợ cho hai lĩnh vực trên, đầu tư có chọn lọc với điểm nhấn là hoàn thành bổ sung thiết bị thi công cọc ván dự ứng lực, góp phần hỗ trợ dòng vốn cho các dự án bất động sản.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

| CHỈ TIÊU | NĂM 2023 | | NĂM 2024 | | % TĂNG/ GIẢM |
|--|------------------|-------------|------------------|-------------|---------------|
| | GIÁ TRỊ | TỶ TRỌNG | GIÁ TRỊ | TỶ TRỌNG | |
| Doanh thu bán bê tông | 1.112.393 | 66,62% | 1.322.981 | 70,9% | 18,93% |
| Doanh thu thi công công trình xây dựng | 317.242 | 19,00% | 257.725 | 13,8% | -18,76% |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 210.736 | 12,62% | 256.170 | 13,7% | 21,56% |
| Doanh thu bán vật liệu xây dựng | 12.305 | 0,74% | 15.416 | 0,8% | 25,28% |
| Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư | 3.431 | 0,21% | 4.135 | 0,0% | 20,52% |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 13.673 | 0,82% | 10.771 | 0,6% | -21,22% |
| Doanh thu thuần | 1.669.780 | 100% | 1.867.200 | 100% | 11,80% |

Đơn vị tính: Triệu đồng



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

| CHỈ TIÊU | TH 2023 | KH 2024 | TH 2024 | TH2024/ KH2024 | TH2024/ TH2023 |
|-----------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------|----------------|
| Doanh thu thuần | 1.669.780 | 1.745.000 | 1.867.200 | 107% | 112% |
| Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 116.665 | 122.000 | 141.814 | 116% | 122% |
| Giá trị đầu tư | 185.500 | 490.000 | 331.292 | 68% | 179% |
| Vốn điều lệ | 229.579 | 252.500 | 259.419 | 103% | 113% |
| Cổ tức/vốn điều lệ | 43% | 40% | DK 46% | | |

Dù bối cảnh ngành vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức trong năm 2024, nhưng bằng sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ Công ty, TICCO đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm nay của Công ty ghi nhận mức tăng trưởng 11,80% và 21,50%. Đặc biệt, doanh thu từ mảng bê tông và bất động sản đạt kết quả ấn tượng trong năm, tăng lần lượt 18,93% và 21,56%. Nhờ chính sách tháo gỡ khó khăn và chỉ đạo từ phía chính phủ, thị trường bất động sản phục hồi đáng kể trong năm. Gần 81.000 sản phẩm mới được chào bán, tăng 40% so với 2023, với 65.376 sản phẩm ra mắt, gấp ba lần năm trước. Tính riêng trong năm 2024, thị trường bất động sản Việt Nam đã ghi nhận hơn 47.000 giao dịch thành công, tỷ lệ hấp thụ 72%, trong đó căn hộ chung cư chiếm 75%. Bối cảnh thuận lợi của ngành bất động sản giúp cho mảng bất động sản của Công ty tăng trưởng 21,56% so với cùng kỳ.

Ngành vật liệu xây dựng vẫn còn nhiều khó khăn trong năm 2024. Bằng chứng là giá vốn hàng bán của Công ty trong năm 2024 tăng nhanh với mức 10,78%. Nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn bán bê tông tăng 20,1% so với 2023. Trong năm 2024, giá các nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất bê tông như cát, đá và xi măng đã tăng vọt do khan hiếm nguồn cung khiến chi phí giá vốn bị đội lên. Ngoài ra, do trong năm giá điện còn tăng thêm 4,8% lên hơn 2.103 đồng/kWh đã khiến chi phí sản xuất tăng lên đáng kể. Ngoài ra, các chi phí khác như chi phí bán hàng và chi phí quản trị doanh nghiệp cũng lần lượt tăng 21,46% và 2,45% chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí nhân viên quản lý tăng lần lượt 40% và 20% so với cùng kỳ. Ngược lại, chi phí tài chính đã giảm 29,37% trong năm do chi phí lãi vay giảm đi 31,62% do Công ty vay mới các khoản vay trong năm với lãi suất thấp hơn.

Nhìn chung, trong bối cảnh vĩ mô còn phân hoá, Công ty vẫn duy trì vị thế kinh doanh ổn định, tạo tiền đề cho quá trình phục hồi và tăng trưởng trong tương lai.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến thời điểm 31/12/2024

| STT | THÀNH VIÊN | CHỨC VỤ | SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU* | TỶ LỆ SỞ HỮU |
|-----|--------------------|-------------------------------------|---------------------|--------------|
| 1 | Vũ Huy Giáp | Tổng Giám đốc | 1.169.555 | 4,51% |
| 2 | Nguyễn Thanh Nghĩa | Phó Tổng giám đốc | 1.265.939 | 4,88% |
| 3 | Nguyễn Hoài Bắc | Phó Tổng giám đốc | 673.538 | 2,60% |
| 4 | Nguyễn Hữu Hiệp | Phó Tổng giám đốc | 308.559 | 1,19% |
| 5 | Nguyễn Ngọc Hùng | Phó Tổng giám đốc | 131.144 | 0,51% |
| 6 | Huỳnh Thị Mỹ Hương | Kế toán trưởng | 4.376 | 0,02% |
| 7 | Phạm Thị Xuân Lan | Trưởng phòng Tài chính – Kế toán | 3.100 | 0,01% |

*Dựa trên danh sách chốt vào ngày 16/12/2024

Những thay đổi trong Ban Điều hành

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị tái bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Nghĩa và ông Nguyễn Hữu Hiệp giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang theo Quyết định số 68 và 69 của Hội đồng Quản trị.



Ông VŨ HUY GIÁP

Tổng Giám đốc

Giới tính Nam

Năm sinh 1977

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không có

Số lượng cổ phần sở hữu Cá nhân: 1.169.555 cổ phần chiếm 4,51% Vốn điều lệ

Quá trình công tác

- » Từ 05/5/2001 đến 01/01/2003 Nhân viên kỹ thuật tại Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiên Giang.
- » Từ 01/01/2003 đến 12/9/2005 Phụ trách kế hoạch Xí nghiệp Bê tông tại Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiên Giang.
- » Từ 12/9/2005 đến 10/5/2007 Phó Giám đốc Xí nghiệp Bê tông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang.
- » Từ 10/5/2007 đến 01/7/2009 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang.
- » Từ 01/7/2009 đến 06/04/2013 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh – tiếp thị Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang.
- » Từ 06/04/2013 đến 31/8/2014 Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang .
- » Từ 01/02/2014 đến 31/12/2020 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang.
Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang.
- » Từ 12/09/2014 đến 13/11/2017 Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang.
- » Từ 20/09/2016 đến 08/08/2019 Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang.
- » Từ 18/09/2017 đến 01/02/2018 Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang.
- » Từ 29/04/2017 đến nay Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang.
- » Từ 27/06/2019 đến 30/04/2021 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang
- » Từ 01/05/2021 đến nay Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiên Giang.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN THANH NGHĨA

Phó Tổng Giám đốc

Giới tính Nam
Năm sinh 1976
Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Kinh tế học

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không có

Số lượng cổ phần sở hữu Cá nhân: 1.265.939 cổ phần chiếm 4,88% VDL

Quá trình công tác

- » Từ 07/1998 đến 12/2000 Làm việc tại XNXL2 – Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang
- » Từ 01/2000 đến 07/2007 Làm việc tại XNBT – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 01/7/2007 đến 01/7/2011 Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 01/07/2011 đến 01/08/2014 GD Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 01/8/2014 đến 04/2017 Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 04/2017 đến 02/2020 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 02/2020 đến 22/04/2022 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và kiêm Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý dự án
- » Từ 04/2022 đến nay Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang



Ông NGUYỄN HỮU HIỆP

Phó Tổng Giám đốc

Giới tính Nam
Năm sinh 1971
Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Thủy lợi

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không có

Số lượng cổ phần sở hữu Cá nhân: 308.559 cổ phần chiếm 1,19% Vốn điều lệ

Quá trình công tác

- » Từ 09/1994 đến 03/1996 Nhân viên tại Sở thủy lợi TG
- » Từ 04/1996 đến 12/2002 Nhân viên kỹ thuật tại Xí nghiệp xây dựng thủy lợi
- » Từ 01/2003 đến 08/2005 Chuyên viên kế hoạch - P. Kế hoạch kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 01/08/2005 Phó giám đốc Trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 23/08/2005 Quyền giám đốc trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 03/2009 đến 06/2009 Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 07/2009 đến 09/2009 Giám đốc đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 09/2009 đến 07/2012 Trưởng phòng đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 07/2012 đến 01/2014 TP. Kế hoạch - Đầu tư, kiêm Giám đốc Sàn GD BĐS tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 02/2014 đến nay Phó Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN HOÀI BẮC

Phó Tổng Giám đốc

Giới tính Nam
Năm sinh 1978
Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Thủy lợi

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không có

Số lượng cổ phần sở hữu Cá nhân: 673.538 cổ phần chiếm 2,60% VDL

Quá trình công tác

- » Từ 12/2007 đến 06/2008 Nhân viên Kế hoạch Kinh doanh tại P.Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 07/2008 đến 02/2009 Phó trưởng phòng Kế hoạch –KD tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 03/2009 đến 13/10/2013 Trưởng phòng Sản xuất- vật tư Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 14/10/2013 đến 13/03/2019 Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 26/12/2016 đến 13/03/2019 Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty Bê tông TICCO – Nhà máy Bê tông Tân Phước
- » Từ 14/03/2019 đến 31/12/2020 Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
- » Từ 01/01/2021 đến 30/06/2022 Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
- » Từ 01/07/2022 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO



Ông NGUYỄN NGỌC HÙNG

Phó Tổng giám đốc

Giới tính Nam
Năm sinh 1983
Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản lý xây dựng

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không có

Số lượng cổ phần sở hữu Cá nhân: 131.144 cổ phần chiếm 0,51% VDL

Quá trình công tác

- » Từ 01/06/2006 Nhân viên Kỹ thuật tại Xí nghiệp Bê tông - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 01/03/2007 Nhân viên Kỹ thuật tại Phòng Sản xuất - Vật tư Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 16/03/2009 Quản đốc Trạm tại Trạm sản xuất Bê tông tươi Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 18/02/2011 Quản đốc Xưởng tại Xưởng sản xuất Bê tông tươi Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 01/01/2012 Phó Trưởng phòng tại Phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 01/03/2013 Trưởng phòng tại Phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 01/05/2015 Phó Giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 13/02/2020 đến 31/12/2020 Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 01/01/2021 đến 30/06/2022 Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- » Từ 01/07/2022 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Bà HUỖNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng

Giới tính Nữ
Năm sinh 1991
Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không có

Số lượng cổ phần sở hữu Cá nhân: 4.376 cổ phần chiếm 0,02% Vốn điều lệ

Quá trình công tác

- » Từ 08/2014 đến 11/2018 Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 11/2018 đến 02/2022 Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO
- » Từ 03/2022 đến 12/2022 Trưởng phòng Tài chính kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 01/2023 đến nay Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang



Bà PHẠM THỊ XUÂN LAN

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Giới tính Nữ
Năm sinh 1983
Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không có

Số lượng cổ phần sở hữu Cá nhân: 3.100 cổ phần chiếm 0,01% VDL

Quá trình công tác

- » Từ 08/2006 đến 07/2010 Kế toán tổng hợp tại Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD3
- » Từ 08/2010 đến 06/2013 Phó phòng kiêm phụ trách P. TCKT tại Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD3
- » Từ 10/2013 đến 08/2016 Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH MTV Xây Dựng TICCO
- » Từ 09/2016 đến 12/2019 Nhân viên kiểm toán nội bộ tại Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang
- » Từ 01/2020 đến 02/2022 Phó trưởng ban Kiểm toán nội bộ tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 03/2022 đến 06/2023 Trưởng ban Kiểm toán nội bộ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
- » Từ 07/2023 đến nay Trưởng phòng TCKT tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2024

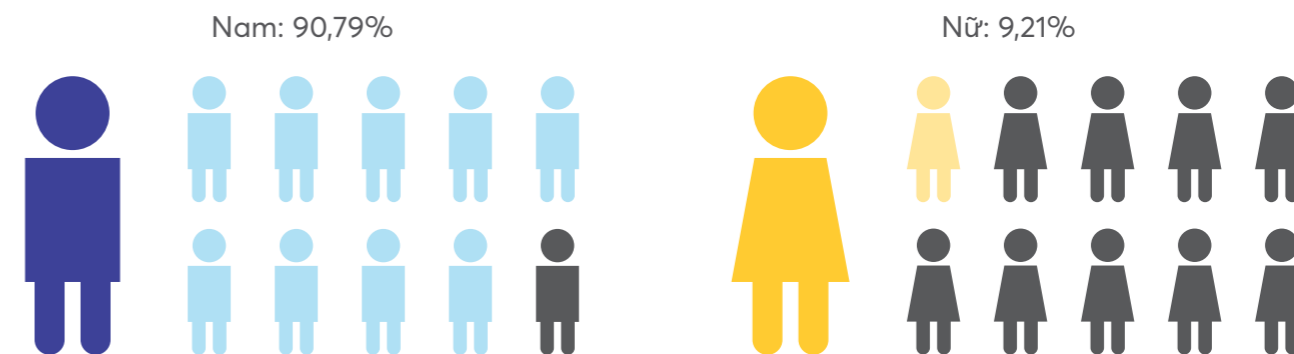
| STT | TÍNH CHẤT PHÂN LOẠI | NĂM 2023 | | NĂM 2024 | |
|----------|---|------------|---------------|------------|---------------|
| | | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| A | Theo trình độ lao động | 670 | 100,0% | 684 | 100,0% |
| 1 | Trên đại học | 15 | 2,24% | 15 | 2,19% |
| 2 | Đại học | 174 | 25,97% | 181 | 26,5% |
| 3 | Cao đẳng | 124 | 18,51% | 117 | 17,1% |
| 4 | Trung cấp | 298 | 44,48% | 312 | 45,6% |
| 5 | Lao động phổ thông | 59 | 8,81% | 59 | 8,6% |
| B | Theo giới tính | 670 | 100,0% | 684 | 100,0% |
| 1 | Nam | 609 | 90,9% | 621 | 90,79% |
| 2 | Nữ | 61 | 9,1% | 63 | 9,21% |
| C | Theo tính chất hợp đồng lao động | 670 | 100,0% | 684 | 100,0% |
| 1 | Hợp đồng dài hạn | 670 | 100,0% | 684 | 100,0% |
| 2 | Hợp đồng ngắn hạn | 0 | 0% | 0 | 0% |

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

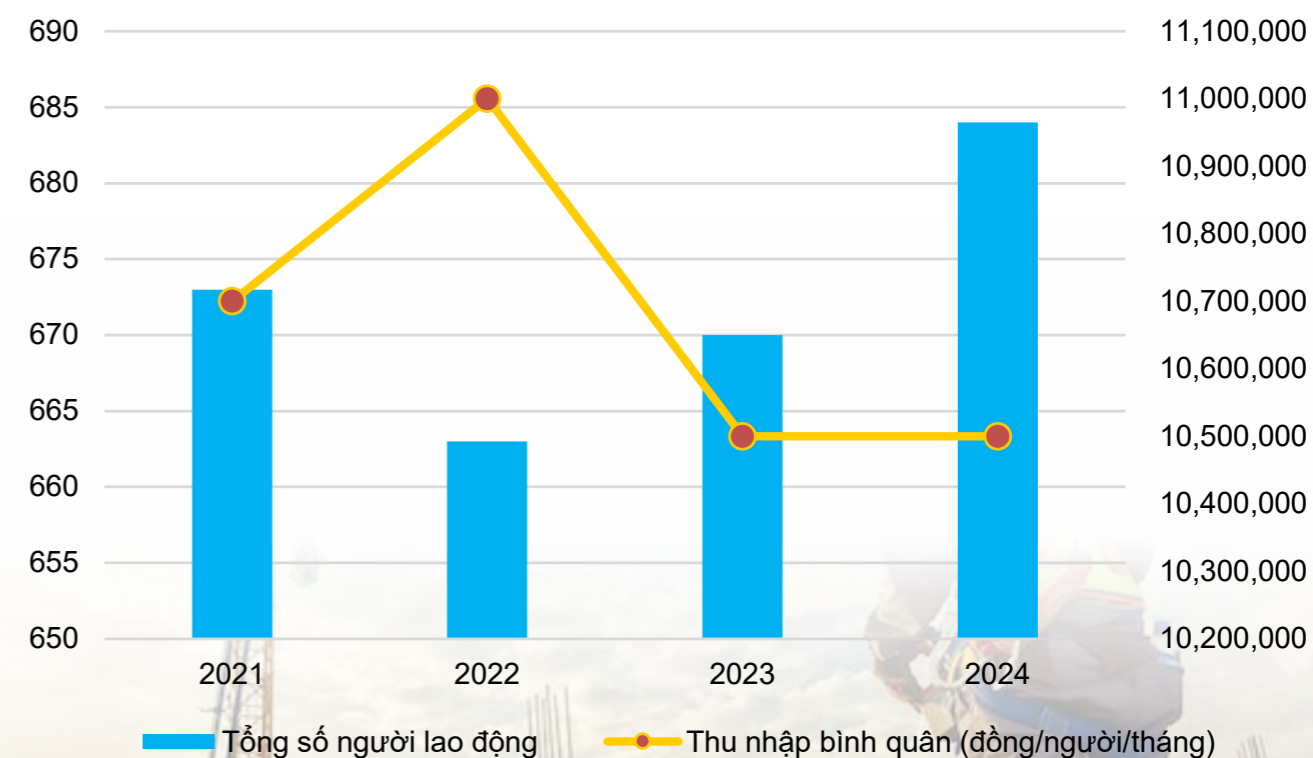
| CHỈ TIÊU | NĂM 2021 | NĂM 2022 | NĂM 2023 | NĂM 2024 |
|---------------------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người) | 673 | 663 | 670 | 684 |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 10.700.000 | 11.000.000 | 10.500.000 | 10.500.000 |

Phân loại lao động theo trình độ và tính chất HĐLĐ

Phân loại lao động theo giới tính



Thu nhập bình quân





Về đào tạo

Chính sách đào tạo của công ty được áp dụng cho toàn thể nhân viên công ty theo định kỳ nhằm liên tục bồi dưỡng chất lượng và hiệu quả kinh doanh của TICCO. Công ty luôn có nhiều hoạt động đào tạo giúp nâng cao năng lực và trình độ của người lao động. Nội dung đào tạo chú trọng vào các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định trong pháp luật, an toàn lao động, quy trình thi công, quản lý dự án, phổ cập kiến thức về công nghệ và các loại vật liệu xây dựng. Công ty cũng khuyến khích cán bộ - công nhân viên công ty tự học hỏi để nâng cao thêm kiến thức và kỹ năng chuyên môn.



Về tuyển dụng

Chính sách tuyển dụng của công ty luôn tuân thủ nguyên tắc công khai về chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, thời điểm, địa điểm và kết quả tuyển dụng, đảm bảo chỉ tuyển những ứng viên đáp ứng tốt nhất các tiêu chí đề ra. Ứng viên tham gia tuyển dụng phải thực hiện các bài kiểm tra và phỏng vấn để đánh giá trình độ chuyên môn theo yêu cầu. Hội đồng tuyển dụng sử dụng các công cụ đánh giá phù hợp để kiểm tra mức độ đáp ứng của từng ứng viên và thảo luận để đưa ra quyết định tuyển dụng. Những ứng viên trúng tuyển sẽ trải qua giai đoạn thử việc theo Luật Lao động, trong đó họ được hướng dẫn về quy định, chính sách của công ty. Kết thúc thử việc, nhân viên tự đánh giá bản thân, đồng thời bộ phận hướng dẫn sẽ đánh giá năng lực, tay nghề và phẩm chất đạo đức để đề xuất tuyển dụng chính thức, xếp bậc năng lực và ký hợp đồng lao động nếu đạt yêu cầu. Bên cạnh đó, Công ty cũng đề cao vấn đề thực hiện các chương trình thu hút nhân tài, giữ chân những người có trình độ chuyên môn phù hợp.



Về môi trường làm việc

Với đặc thù thường xuyên tham gia các hoạt động thi công công trình, công ty thực hiện cam kết xây dựng một môi trường làm việc an toàn, đáp ứng các tiêu chí về sức khỏe và bảo vệ môi trường. Công ty luôn giám sát nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn trong quá trình hoạt động. Các nhân viên được trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ và được sử dụng các thiết bị máy móc đạt chuẩn. Đồng thời công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, huấn luyện về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, ... để nâng cao ý thức và khả năng ứng phó. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, TICCO hạn chế gây ô nhiễm đến môi trường xung quanh, kiểm soát chặt chẽ chất thải, tiếng ồn và khí thải, tiết kiệm năng lượng.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Các chỉ tiêu về thời gian làm việc và quy chuẩn lương thưởng được công ty đề ra và thực hiện rõ ràng, minh bạch. Làm căn cứ để quyết định lương thưởng một cách phù hợp trên nguyên tắc đúng người, đúng cách, đúng công sức. Công ty luôn đảm bảo mức lương phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty và công sức mỗi nhân viên. Cụ thể, TICCO triển khai hệ thống đánh giá dựa trên hiệu suất công việc, sáng kiến phát triển và tiến độ dự án, ... Bên cạnh đó, công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động nhằm đảm bảo phúc lợi xã hội cho người lao động, ngoài ra, còn có phụ cấp ca đêm, nghỉ phép, ... cũng được công bố công khai, rõ ràng và minh bạch. Công ty cũng duy trì những đãi ngộ cần thiết nhằm khích lệ tinh thần người lao động như: tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật tại chỗ, khám sức khỏe định kỳ, tài trợ đồng phục và bảo hộ lao động cùng các khoản trợ cấp khác như: trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, trợ cấp gửi con nhà trẻ; chế độ công tác phí, xe đưa rước công nhân viên, trợ cấp tiền xăng, ...

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TICCO

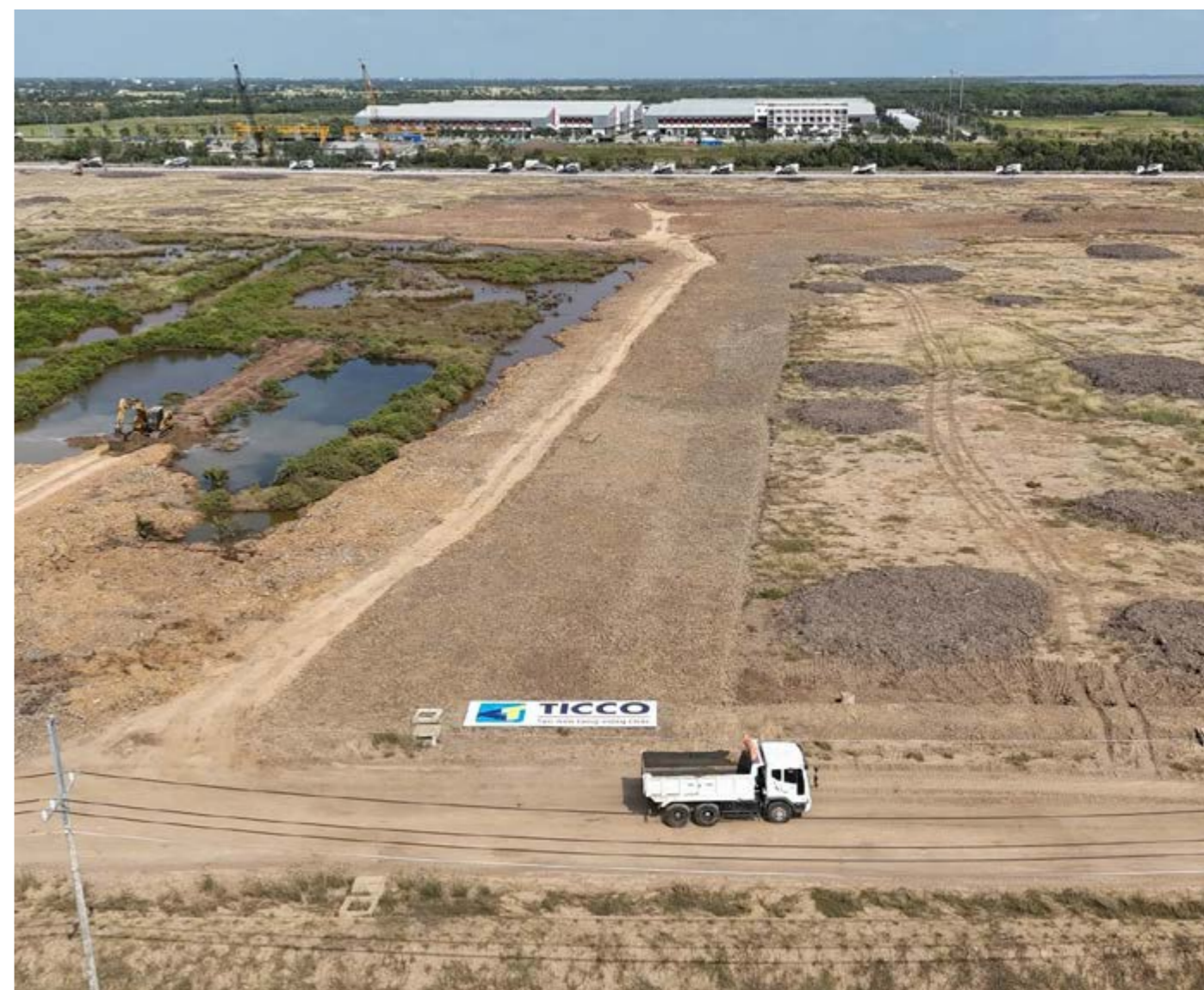
CÁC DỰ ÁN LỚN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

CỤM CÔNG NGHIỆP GIA THUẬN 1



| Chỉ tiêu | Thông tin chi tiết |
|--------------------------------------|---|
| Hình thức đầu tư | Đầu tư xây dựng và kinh doanh |
| Mục tiêu đầu tư | Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuê đất để xây dựng nhà máy sản xuất khi có nhu cầu |
| Quy mô dự án | 50 ha |
| Địa điểm thực hiện dự án | Xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang |
| Tổng mức đầu tư phê duyệt | 307,083 tỷ đồng |
| Thời gian và tiến độ thực hiện dự án | 5 năm. Đã hoàn thành. |

CỤM CÔNG NGHIỆP GIA THUẬN 2



| Chỉ tiêu | Thông tin chi tiết |
|--------------------------------------|---|
| Hình thức đầu tư | Đầu tư xây dựng và kinh doanh |
| Mục tiêu đầu tư | Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuê đất để xây dựng nhà máy sản xuất khi có nhu cầu |
| Quy mô dự án | 50 ha |
| Địa điểm thực hiện dự án | Xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang |
| Tổng mức đầu tư phê duyệt | 390,943 tỷ đồng |
| Thời gian và tiến độ thực hiện dự án | 5 năm. Hiện đang thi công hạ tầng kỹ thuật. |

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

T I C C O

CÁC DỰ ÁN LỚN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

ĐƯỜNG NGUYỄN TRỌNG DÂN NỐI DÀI VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG



| Chỉ tiêu | Thông tin chi tiết |
|--------------------------------------|---|
| Hình thức đầu tư | Đầu tư xây dựng và kinh doanh |
| Mục tiêu đầu tư | Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân có đất trong dự án, các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu. |
| Quy mô dự án | 7,61 ha |
| Địa điểm thực hiện dự án | Phường 4 - xã Long Chánh, thị xã Gò Công |
| Tổng mức đầu tư phê duyệt | 632,178 tỷ đồng |
| Thời gian và tiến độ thực hiện dự án | 4 năm. Đã quyết toán dự án. |

ĐƯỜNG SỐ 4 VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG



| Chỉ tiêu | Thông tin chi tiết |
|--------------------------------------|--|
| Hình thức đầu tư | Đầu tư xây dựng và kinh doanh |
| Mục tiêu đầu tư | Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, để tạo khu nhà ở chuyển nhượng cho khách hàng và người dân có nhu cầu xây dựng nhà |
| Quy mô dự án | 18,3 ha |
| Địa điểm thực hiện dự án | Phường 4, Phường Nhị Mỹ - Xã Long Khánh, Thị xã Cai Lậy |
| Tổng mức đầu tư phê duyệt | 613,000 tỷ đồng |
| Thời gian và tiến độ thực hiện dự án | 4 năm. Hiện đang hoàn thiện thiết kế hạ tầng kỹ thuật |

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TICCO

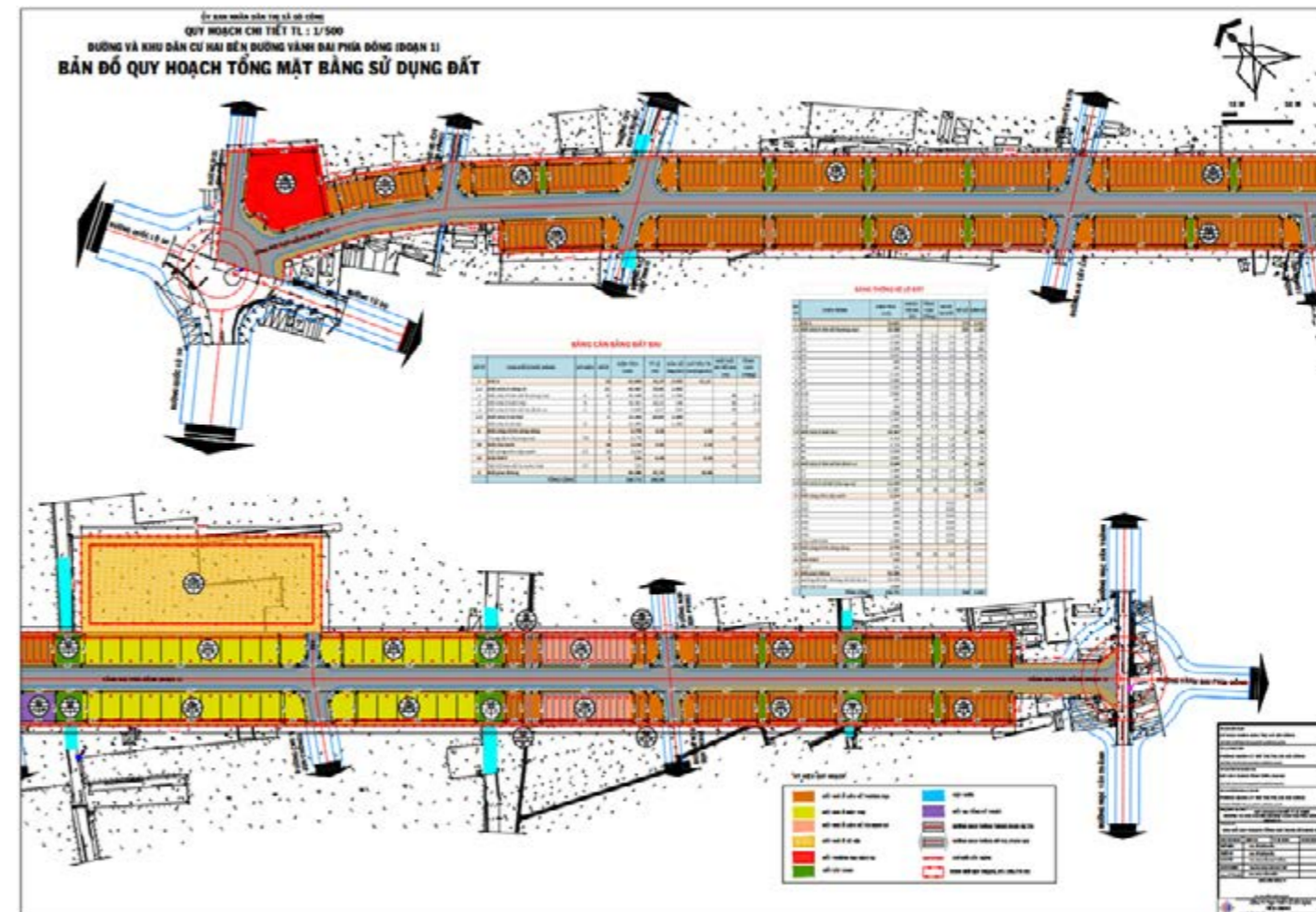
CÁC DỰ ÁN LỚN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

ĐƯỜNG D7 VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG



| Chỉ tiêu | Thông tin chi tiết |
|--------------------------------------|--|
| Hình thức đầu tư | Đầu tư xây dựng và kinh doanh |
| Mục tiêu đầu tư | Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân có đất trong dự án, các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu. |
| Quy mô dự án | 6,15 ha |
| Địa điểm thực hiện dự án | Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho |
| Tổng mức đầu tư phê duyệt | 525,883 tỷ đồng |
| Thời gian và tiến độ thực hiện dự án | 4 năm. Đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ dự án đồng thời đủ điều kiện được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cá nhân tự xây nhà ở tại Dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường. |

ĐƯỜNG VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG - ĐOẠN 1



| Chỉ tiêu | Thông tin chi tiết |
|--------------------------------------|---|
| Hình thức đầu tư | Đầu tư xây dựng và kinh doanh |
| Mục tiêu đầu tư | Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân có đất trong dự án, các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu. |
| Quy mô dự án | 10,8775 ha |
| Địa điểm thực hiện dự án | Thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang |
| Tổng mức đầu tư phê duyệt | 818,000 tỷ đồng |
| Thời gian và tiến độ thực hiện dự án | 4 năm. Hiện đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng |

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

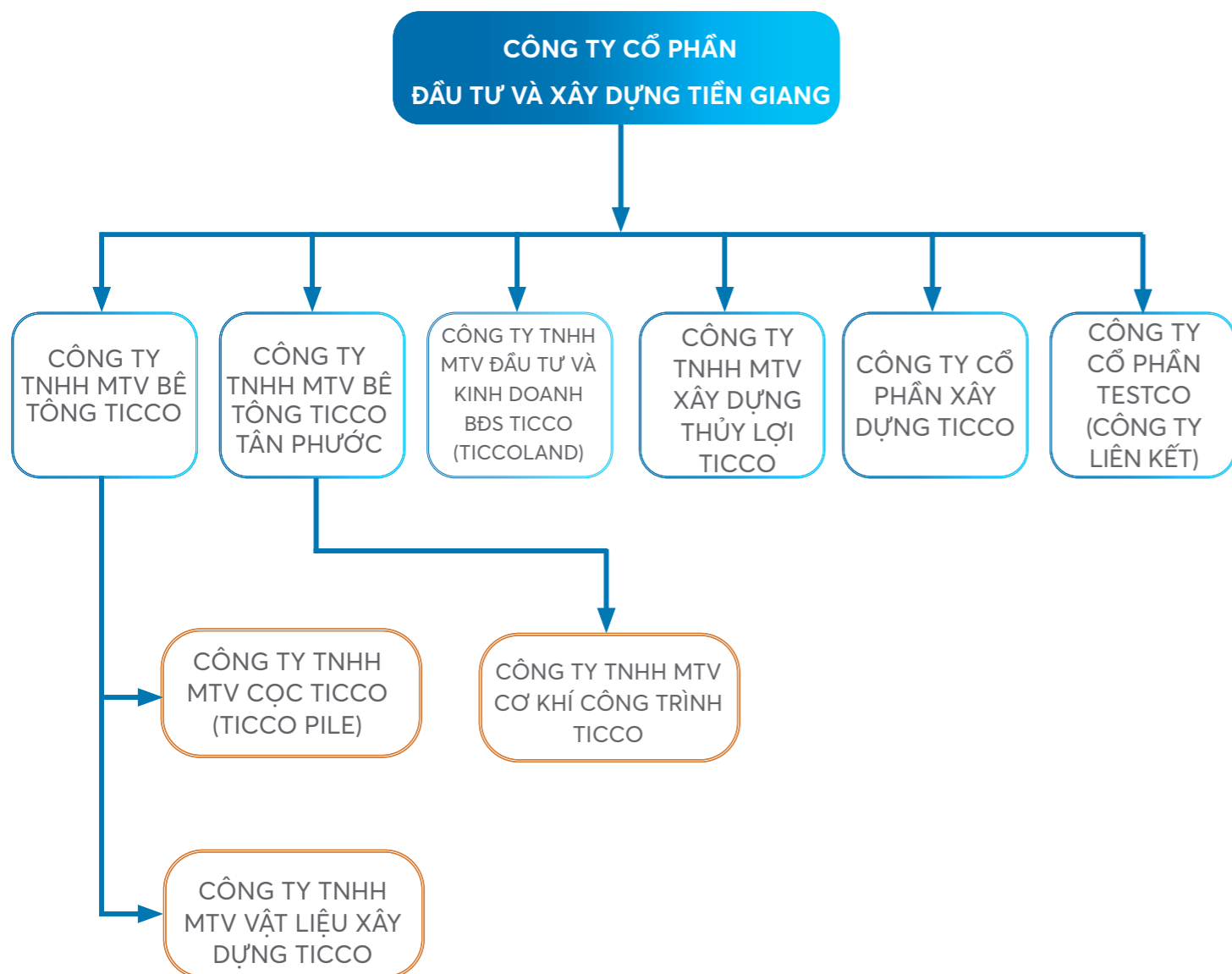
TICCO

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM 2024

Tổng giá trị đầu tư năm 2024 là 331,29 tỷ/ KH 490 tỷ, đạt 67,61%. Trong đó:

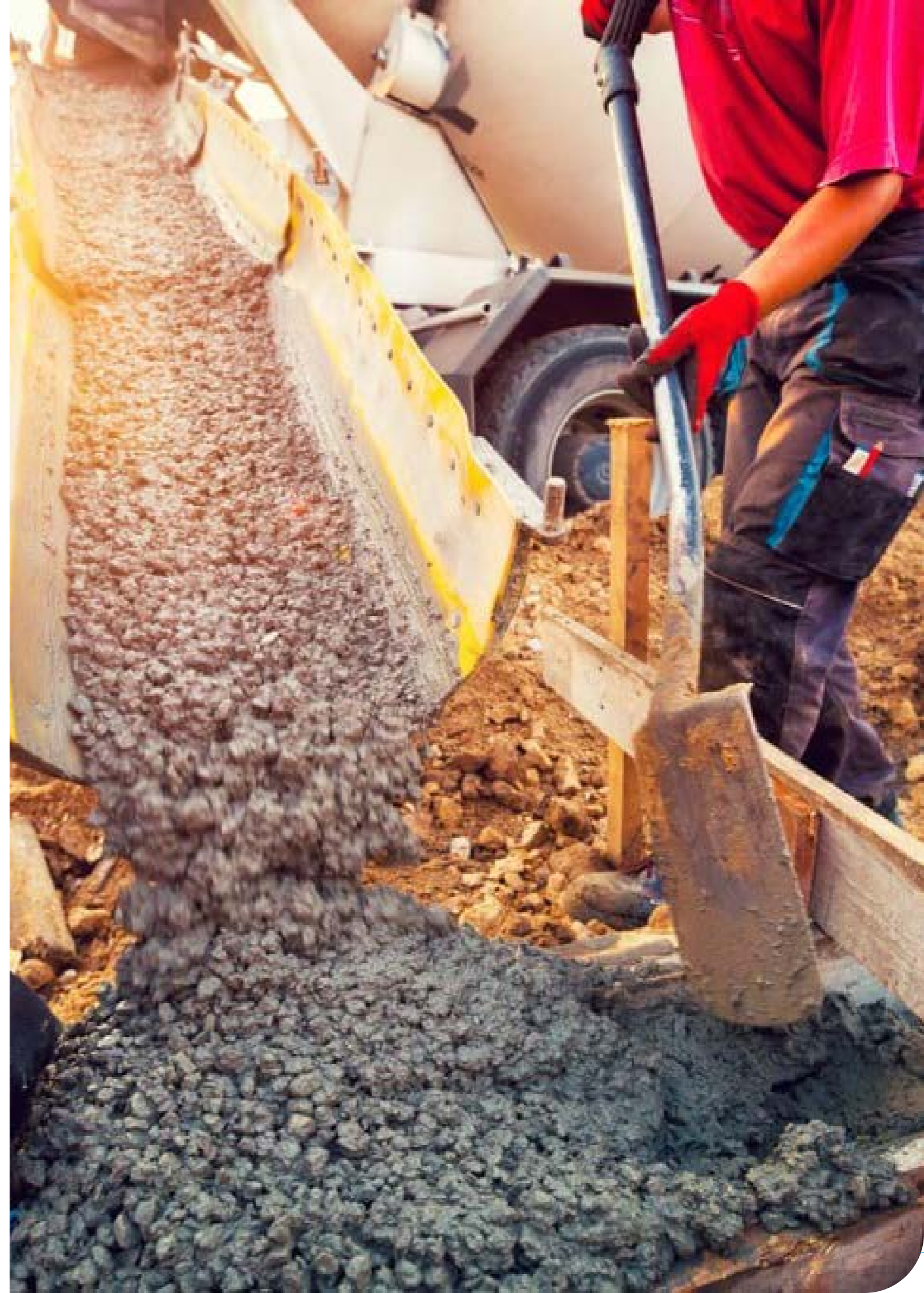
- Lĩnh vực bất động sản: 208,68 tỷ đồng.
- Lĩnh vực bê tông: 107,27 tỷ đồng.
- Lĩnh vực xây dựng: 15,34 tỷ đồng.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



Với mô hình chuyên môn hóa theo từng mảng kinh doanh, mỗi công ty con liên kết đều là một mắt xích, đóng góp quan trọng trong hiệu quả hoạt động chung của Công ty.

Trong năm 2024, các công ty con và công ty liên kết của TICCO tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong hệ sinh thái hoạt động của toàn doanh nghiệp khi đều ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực và tăng trưởng ổn định so với cùng kỳ năm trước. Sự cải thiện rõ nét về hiệu quả hoạt động, năng lực điều hành và khả năng thích ứng linh hoạt với thị trường của các đơn vị thành viên đã góp phần không nhỏ vào mức tăng trưởng doanh thu hợp nhất của toàn Công ty.



| CHỈ TIÊU | 2023 | 2024 | % TĂNG/ GIẢM |
|---|-----------|-----------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 1.852.231 | 2.181.743 | 17,79% |
| Doanh thu thuần | 1.669.780 | 1.867.200 | 11,80% |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 381.797 | 440.410 | 15,35% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 147.890 | 172.374 | 16,56% |
| Lợi nhuận khác | -607 | 2.118 | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 147.283 | 174.492 | 18,47% |
| Lợi nhuận sau thuế | 118.835 | 144.397 | 21,50% |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 116.665 | 141.814 | 21,50% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 4.317 | 5.139 | 19,04% |
| Vốn chủ sở hữu | 688.474 | 731.332 | 6,23% |

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản tăng 17,79% đạt gần 2.182 tỷ đồng.

Doanh thu thuần cũng ghi nhận mức tăng 11,80% so với cùng kỳ, động lực chính đến từ hai mảng kinh doanh bao gồm bê tông và bất động sản. Doanh thu hai mảng này tăng trưởng lần lượt 18,93% và 21,56% nhờ chính sách đầu tư công của chính phủ và sự phục hồi của thị trường bất động sản đã thúc đẩy nhu cầu sử dụng các sản phẩm liên quan tới bê tông tăng lên.

Đối với giá vốn hàng bán, tốc độ tăng của giá vốn hàng bán chậm hơn doanh thu, chỉ đạt 10,78% giúp lợi nhuận gộp TICCO tăng 15,35%. Cụ thể, giá vốn hàng bán đã tăng đáng kể trong năm, đặc biệt ở mảng giá vốn vật tư hàng hoá, thành phẩm tăng 20,1% chủ yếu do giá nguyên vật liệu tăng cao hơn và Công ty nhập nhiều hàng hơn so với cùng kỳ.

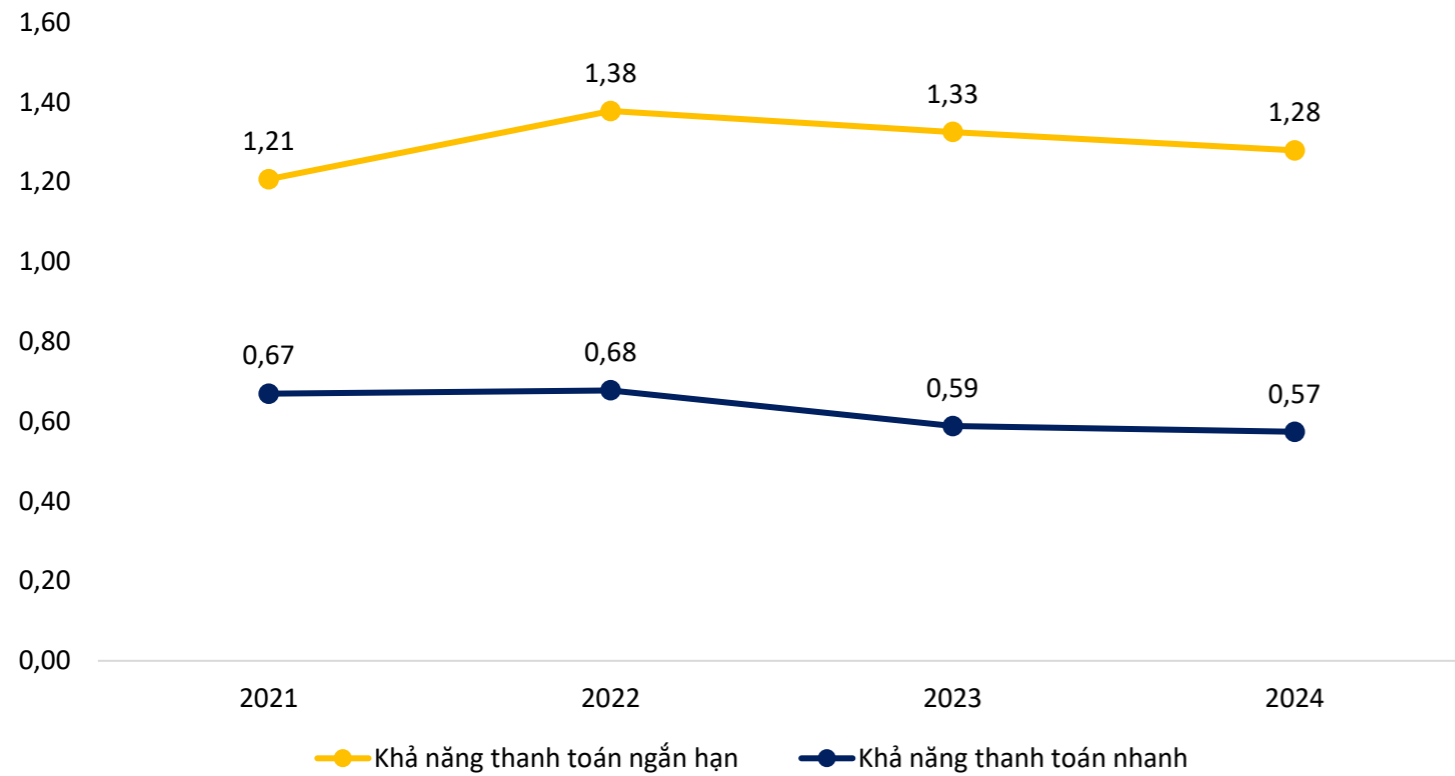
Dù trong năm chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đã tăng 21,46% và 2,45%, chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí nhân viên quản lý tăng 40% và 20%, nhưng do chi phí tài chính, đặc biệt là chi phí lãi vay giảm đi đáng kể giúp lợi nhuận gộp tăng nhiều hơn, giúp lợi nhuận trước thuế và sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng 18,47% và 21,50%, đạt 174,5 tỷ và 141,8 tỷ. Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh làm lãi cơ bản trên cổ phiếu TICCO tăng 19,04%, đạt mốc 5.139 đồng/cổ phiếu.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| CHỈ TIÊU | ĐVT | NĂM 2023 | NĂM 2024 |
|--|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,33 | 1,28 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,59 | 0,57 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 0,62 | 0,65 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 1,69 | 1,98 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay khoản phải trả | Vòng | 4,70 | 4,02 |
| Vòng quay khoản phải thu | Vòng | 5,99 | 7,02 |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 1,90 | 1,80 |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 0,90 | 0,93 |
| Chu kỳ tiền | Ngày | 176 | 164 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | % | 7,12 | 7,73 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 17,87 | 20,34 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 6,42 | 7,16 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 8,86 | 9,23 |

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



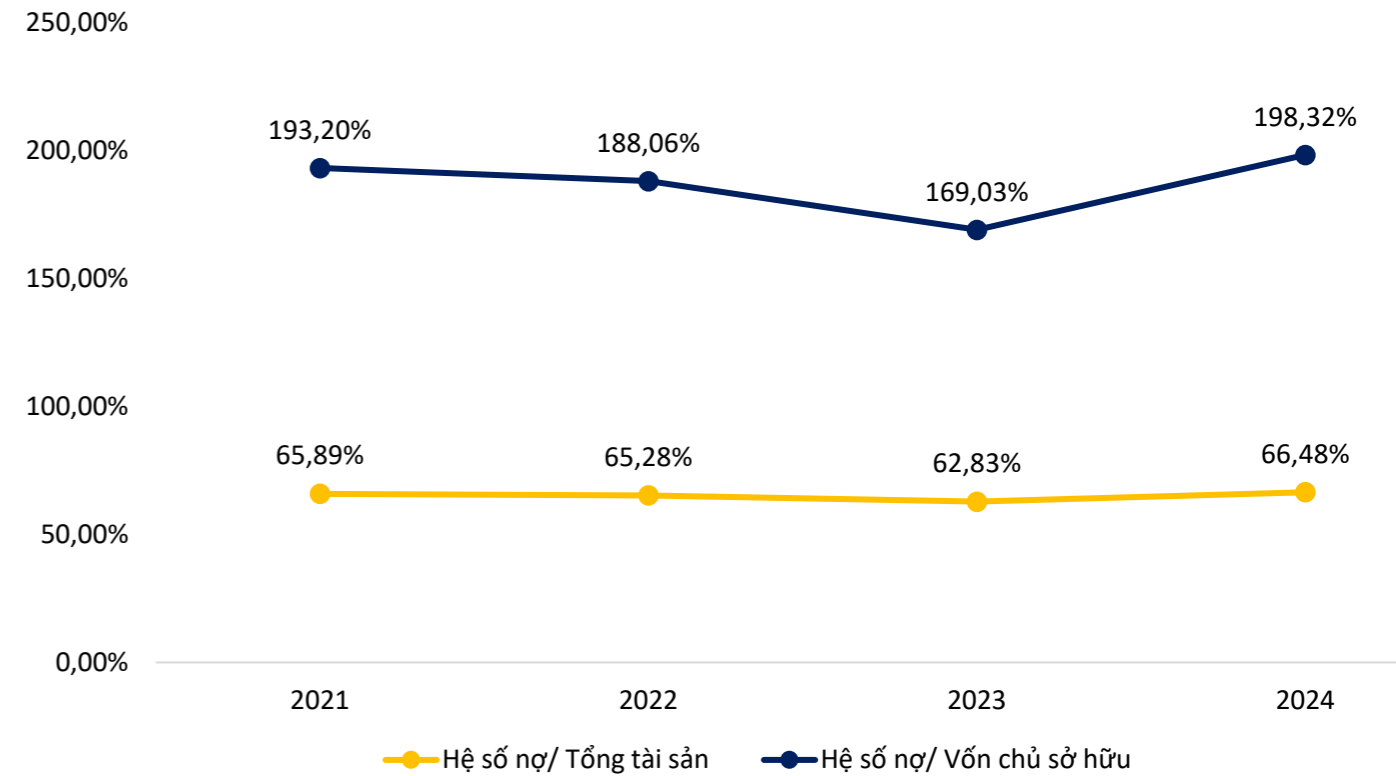
Năm 2024, hai chỉ số thanh khoản là chỉ số thanh toán nhanh và chỉ số thanh toán ngắn hạn không có biến động đáng kể. Cụ thể, chỉ số thanh toán nhanh giảm 0,02 lần, chỉ số thanh toán ngắn hạn giảm 0,05 lần so với 2023, đạt lần lượt 0,57 lần và 1,28 lần.

Điều này là do tài sản ngắn hạn chỉ tăng 18,40% trong năm, còn nợ ngắn hạn tăng nhanh hơn, đạt 22,64%. Cụ thể, hàng tồn kho chỉ tăng 17,45%, chậm hơn mức tăng trung bình của tài sản ngắn hạn nên dẫn đến sự khác biệt giữa 2 chỉ số thanh toán. Nguyên nhân khiến hàng tồn kho tăng chậm là do giá các nguyên vật liệu đã tăng cao trong năm nên Công ty hạn chế nhập nguyên vật liệu và chuyển sang tập trung nâng cao năng suất sản xuất đồng thời cố gắng tìm kiếm các nguồn nguyên vật liệu giá rẻ.

Đối với nợ ngắn hạn, nguyên nhân chủ yếu khiến chỉ tiêu này tăng nhanh là do Công ty ghi nhận thêm các khoản phải trả người bán và các khoản tiền người mua trả trước, đặc biệt trong lĩnh vực bất động sản và bê tông. Năm 2024, các khoản phải trả người bán đã tăng 40,16%, chủ yếu là do Công ty ghi nhận các khoản phải trả cho các khách hàng trong ngành bê tông thêm 46,77% so với năm trước. Bên cạnh đó, do TICCO ghi nhận thêm các khoản tiền nhận trước từ việc chuyển nhượng bất động sản, tiến thi công công trình xây dựng và tiền bán bê tông làm cho chỉ tiêu người mua trả tiền trước cao hơn cùng kỳ 24,61%.

Vì bối cảnh ngành nhìn chung vẫn còn khó khăn nên TICCO đã tận dụng ưu đãi từ tín dụng thương mại của các khách hàng để tối ưu dòng tiền, đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động kinh doanh, đồng thời hạn chế sự phụ thuộc vào nợ vay.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

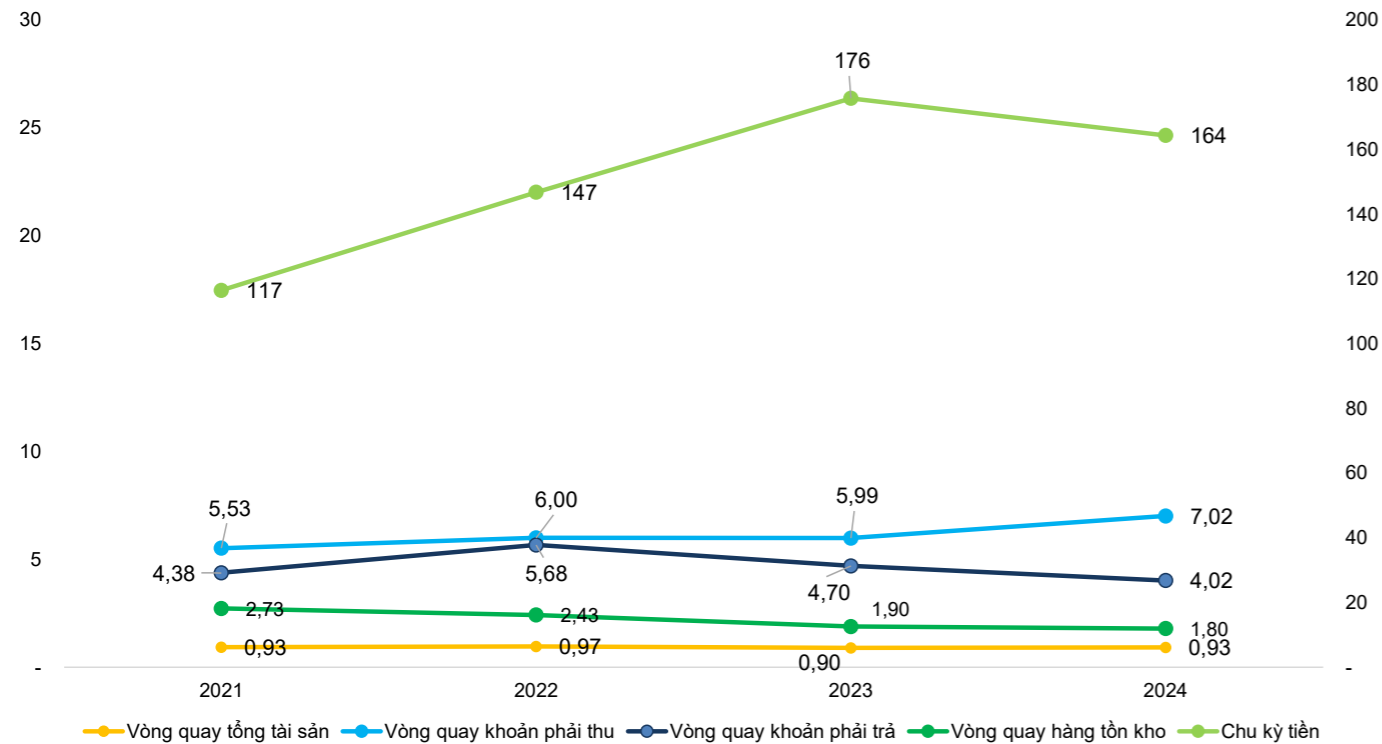


Kết thúc năm 2024, do tốc độ tăng của nợ phải trả nhanh hơn so với vốn chủ sở hữu dẫn đến hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đều tăng so với năm trước, tương ứng tăng 5,81% và 17,33% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2024, nhờ tận dụng tốt uy tín trên thị trường kinh doanh, Công ty đã được hưởng các ưu đãi trong chính sách tín dụng thương mại từ khách hàng và đối tác. Dù khiến nhiều khoản mục nợ tăng mạnh, điển hình như khoản phải trả người bán tăng 40,16% trong năm, là khoản mục tăng mạnh nhất trong cơ cấu nợ ngắn hạn, người mua trả tiền trước tăng 24,61%, các khoản chi phí phải trả tăng thêm 115,99% so với 2023. Nhưng nhờ các ưu đãi có được từ khách hàng và nhà cung cấp, Công ty đã có nguồn vốn cần thiết để đầu tư vào tài sản cố định và mua sắm nguyên vật liệu, cải thiện năng lực sản xuất và bớt phụ thuộc vào nợ vay từ ngân hàng. Cụ thể, nguyên giá máy móc thiết bị và phương tiện vận tải tăng 5,97% và 14,42% so với cùng kỳ năm 2023. Do công ty đã đầu tư, mua sắm nhiều trang thiết bị như xưởng dầm Super T, cần cầu bánh xích, xe cần trục bánh xích, sà lan đặt cầu... Bên cạnh đó, chi phí lãi vay đã giảm 31,62% so với cùng kỳ.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



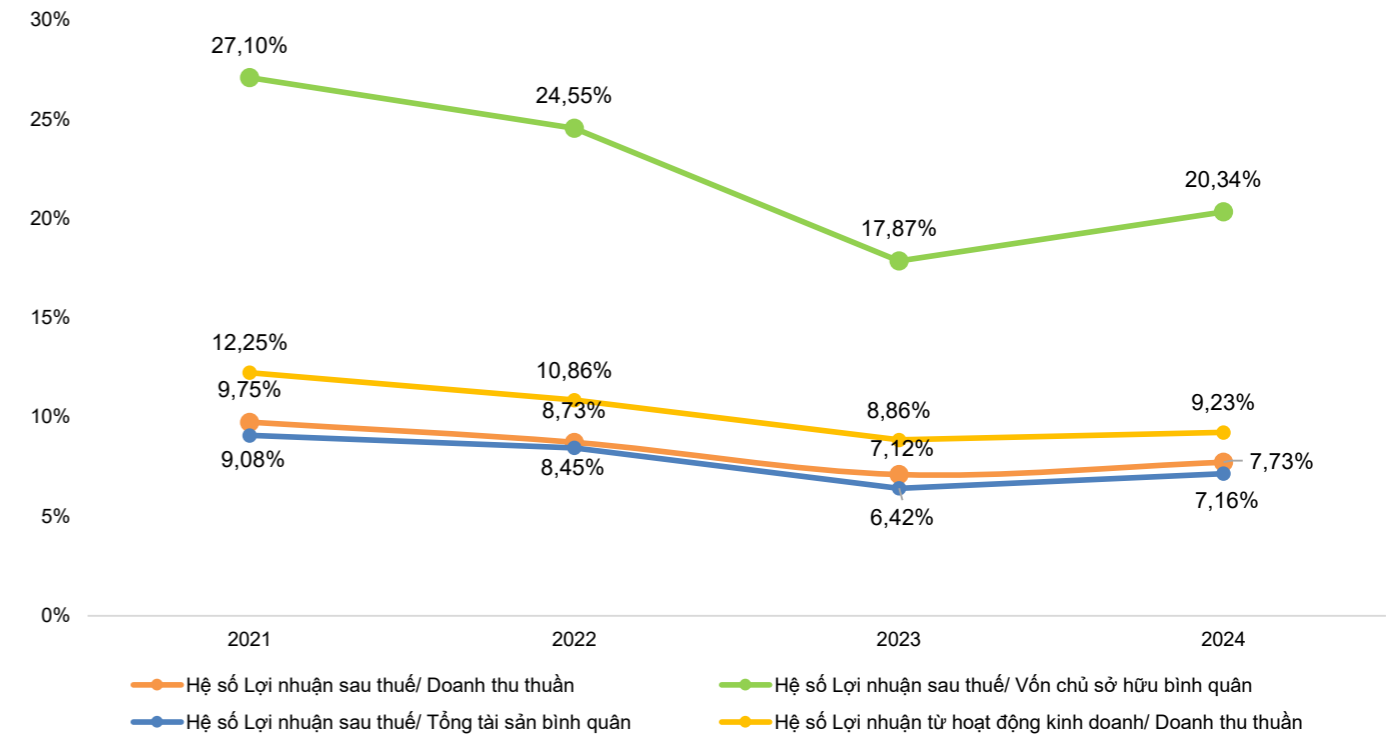
Kết thúc năm 2024, vòng quay khoản phải trả và vòng quay khoản phải thu của Công ty đạt 4,02 và 7,02, tương ứng giảm 14,42% và tăng 17,10% so với cùng kỳ. Chủ yếu do Công ty tận dụng tốt uy tín nên được hưởng lợi từ tín dụng thương mại từ khách hàng, chủ yếu là các khách hàng hàng trong lĩnh vực bê tông khiến các khoản phải trả bình quân tăng thêm 30,72%. Bên cạnh đó, Công ty cũng cải thiện năng lực thu hồi công nợ và chính sách bán hàng nên rút ngắn thời gian thu tiền, qua đó làm giảm các khoản phải thu bình quân 4,51%.

Vòng quay hàng tồn kho năm 2024 đạt 1,80, giảm 5,19% so với năm 2023 do bối cảnh chung tăng giá của nhiên liệu và nguyên vật liệu đầu vào của Công ty như cát, đá, xi măng, thép, điện... tăng lên từ đầu năm dẫn đến giá vốn hàng bán của Công ty tăng 10,78%. Gây ảnh hưởng đến thời gian và chi phí lưu kho của doanh nghiệp, khiến thời gian lưu kho trung bình dài thêm khoảng 10 ngày, từ 193 ngày lên 203 ngày.

Dù vậy, trong năm 2024, Công ty đã hoạt động với hiệu suất cao hơn bất kể bối cảnh ngành vẫn còn khó khăn. Vòng quay tài sản tăng 2,59% so với cùng kỳ, đạt 0,93. Nguyên nhân chủ yếu là do tốc độ tăng trưởng doanh thu cao hơn, tăng 11,80% so với cùng kỳ.

Về tổng quát, TICCO đang cho thấy hiệu quả hoạt động ngày càng tốt hơn, với dòng tiền được quản lý hiệu quả hơn. Bằng chứng là chu kỳ tiền của Công ty đã giảm 6,51%, từ khoảng 176 ngày giảm về 164 ngày.

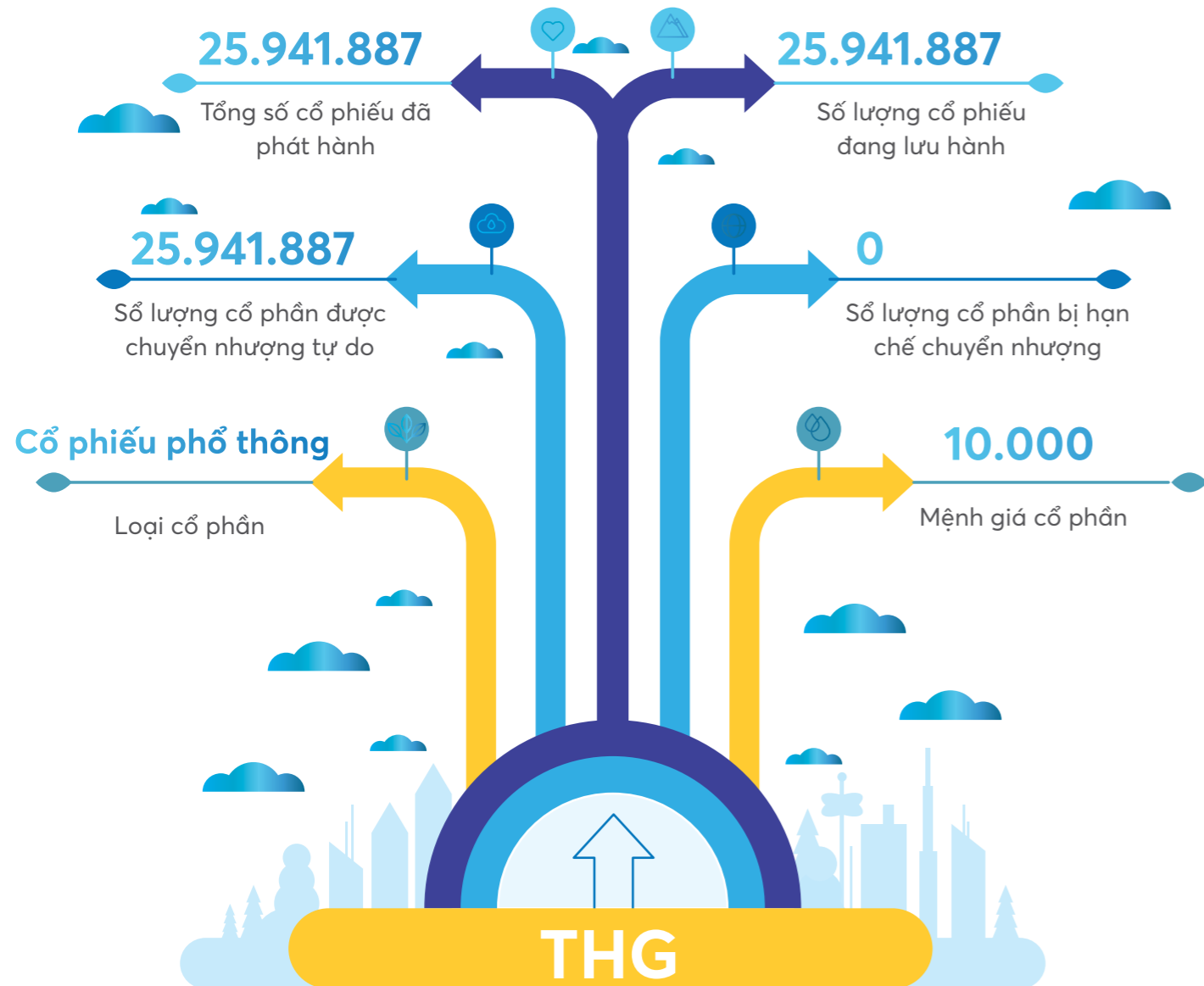
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Trong năm 2024, nhờ có các chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp và tình hình kinh tế được cải thiện, TICCO đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng 8,57% so với cùng kỳ, đạt mốc 7,73%. Lý do chính dẫn đến sự đột phá trong năm của hệ số này do tốc độ tăng của doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng của giá vốn hàng bán. Cụ thể, nhờ thị trường bất động sản hồi phục và chính sách đầu tư công của chính phủ, đã giúp doanh thu bán bê tông và bất động sản của Công ty tăng lên đáng kể.

Dù chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 21,46% và 2,45% trong năm, tương đương tăng thêm 34,58 tỷ và 1,52 tỷ. Nhưng nhờ tốc độ tăng của doanh thu nhanh hơn nên đã hạn chế tác động tiêu cực từ khoản chi phí tăng thêm, giúp lợi nhuận sau thuế Công ty tăng 21,50% so với cùng kỳ, kéo theo chỉ số ROS, ROA và ROE đều tăng so với năm 2023, đạt 7,73%; 7,16%; 20,34%.

THÔNG TIN CỔ PHẦN



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Danh sách cổ đông được chốt tại ngày 16/12/2024

| STT | LOẠI CỔ ĐÔNG | SỐ CỔ PHẦN | GIÁ TRỊ (đồng) | TỶ LỆ SỞ HỮU |
|------------------------------|---|-------------------|------------------------|--------------|
| I | Cơ cấu tỷ lệ sở hữu | 25,941,887 | 259,418,870,000 | 100.0% |
| | Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết) | - | - | 0.0% |
| | Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 25,941,887 | 259,418,870,000 | 100.0% |
| II | Cổ đông Nhà nước | - | - | - |
| III | Cổ đông trong nước | 25,189,753 | 251,897,530,000 | 97.1% |
| 1 | Cá nhân | 22,123,673 | 221,236,730,000 | 85.3% |
| 2 | Tổ chức | 3,066,080 | 30,660,800,000 | 11.8% |
| IV | Cổ đông nước ngoài | 752,134 | 7,521,340,000 | 2.9% |
| 1 | Cá nhân | 37,560 | 375,600,000 | 0.1% |
| 2 | Tổ chức | 714,574 | 7,145,740,000 | 2.8% |
| Tổng cộng (II+III+IV) | | 25,941,887 | 259,418,870,000 | 100% |

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty: 49% (căn cứ theo Công văn 3437/UBCK-PTTT ngày 06/06/2022 về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Ngày 15/07/2024, Công ty phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện 100:13, nâng tổng vốn điều lệ lên 259.418.870.000 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

GIAO DỊCH CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TICCO

Bên cạnh tập trung phát triển hoạt động kinh doanh, TICCO cam kết duy trì một phương châm hoạt động bền vững và có trách nhiệm với người lao động, cộng đồng, môi trường và xã hội. Với tầm nhìn dài hạn và sứ mệnh xây dựng những công trình không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn góp phần bảo vệ môi trường và phát triển xã hội, TICCO luôn nỗ lực tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và phát triển những giải pháp xã hội tích cực.

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Khí nhà kính là những loại khí tồn tại trong khí quyển có khả năng hấp thụ và phản xạ bức xạ hồng ngoại, được phát ra từ bề mặt Trái Đất khi tiếp xúc với ánh sáng mặt trời, hiện tượng này tạo ra hiệu ứng nhà kính. Các khí nhà kính chính bao gồm cacbon dioxide (CO₂), methane (CH₄), nitrous oxide (N₂O), hydrofluorocarbons (HFCs), perfluorocarbons (PFCs), và sulfur hexafluoride (SF₆). Hiệu ứng nhà kính gây ra sự tăng nhiệt độ và biến đổi khí hậu toàn cầu, ảnh hưởng đến môi trường sống và sức khỏe của con người.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, sản xuất bê tông và thi công xây dựng, TICCO hiểu rõ tác động của quá trình sản xuất, kinh doanh đến môi trường và vấn đề gây phát thải là không thể tránh khỏi. Tại TICCO, Tổng giám đốc là người đứng đầu chịu trách nhiệm triển khai và kiểm

soát các vấn đề liên quan đến tác động lên môi trường, Công ty cam kết phát triển bền vững, giảm thiểu phát thải thông qua việc cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm năng lượng, chống lãng phí và đảm bảo tuân thủ các quy định Nhà nước về vấn đề bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, với xu hướng phát triển nền kinh tế "xanh", TICCO cũng đang từng bước phát triển các sản phẩm theo hướng phát triển bền vững, với định hướng và mục tiêu phát triển trong tương lai là sử dụng nguồn năng lượng xanh, sạch, đồng thời hạn chế phát thải.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, Công ty tập trung tiết kiệm nguyên vật liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất và thi công, đồng thời hướng đến việc sử dụng các công nghệ xanh và thân thiện với môi trường.

Đối với lĩnh vực sản xuất bê tông: Là lĩnh vực tiêu thụ tài nguyên lớn, đặc biệt là đá, cát, nước và xi măng. Xi măng là nguyên liệu chính trong chu trình sản xuất, tuy nhiên quá trình sản xuất xi măng phát sinh một lượng lớn CO₂, chủ yếu từ việc nung đá vôi (CaCO₃) để sản xuất vôi (CaO) và từ việc đốt nhiên liệu trong các lò nung. Bên cạnh đó, việc vận chuyển nguyên vật liệu và thành phẩm cũng tiêu thụ đáng kể nhiên liệu hóa thạch. Điều này khiến ngành bê tông trở thành một trong những ngành gây phát thải lớn trong ngành xây dựng.

Do đó, để giảm thiểu phát thải ra môi trường, Công ty áp dụng công nghệ sản xuất bê tông xanh, sử dụng các nguyên liệu thay thế (như tro bay), cải tiến quy trình sản xuất để tăng hiệu quả năng lượng và giảm tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch. Bên cạnh đó, định kỳ Công ty thực hiện kiểm tra, sửa chữa, nâng cấp máy móc, thiết bị tại các nhà máy, trạm trộn bê tông nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng, tránh lãng phí nhiên liệu.

Đối với lĩnh vực thi công công trình: hoạt động xây dựng tạo ra bụi mịn, tiếng ồn và chất thải xây dựng như gạch vỡ, bê tông dư thừa, cốt thép và rác thải vật liệu. Nếu không được kiểm soát tốt, những tác động này có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí, nguồn nước và cuộc sống của người dân xung quanh công trình. Bên cạnh đó, nước thải từ quá trình rửa bê tông, thi công nền móng và bảo dưỡng công trình có thể mang theo dầu mỡ, chất kết dính, bụi xi măng và các hợp chất hữu cơ. Khi thấm vào đất hoặc chảy vào hệ thống thoát nước mà không qua xử lý, những chất này có thể làm ô nhiễm nước ngầm và nước mặt, ảnh hưởng đến hệ sinh thái và sức khỏe con người. Đặc biệt, bụi xi măng khi tiếp xúc với nước có thể làm tăng độ pH, gây ra hiện tượng kiềm hóa môi trường nước, làm mất cân bằng sinh thái và ảnh hưởng đến đời sống sinh vật thủy sinh.

Do đó, trong thi công công trình, Công ty áp dụng các biện pháp kiểm soát bụi như che chắn khu vực làm việc để hạn chế ô nhiễm không khí. Ngoài ra, hệ thống xử lý chất thải rắn được tối ưu hóa bằng cách phân loại và tái chế vật liệu phế thải từ công trình, giảm thiểu lượng rác thải xây dựng xả thẳng ra môi trường. TICCO đã ký kết hợp tác với Công ty TNHH Phát Triển KCN Long Giang nhằm xử lý chất thải rắn đúng quy định. Trong năm, tổng lượng chất thải rắn đã được xử lý là 31,817 tấn. Đồng thời, Công ty cũng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người lao động thông qua các chương trình đào tạo thường xuyên.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

| STT | Loại nguyên vật liệu | Đơn vị tính | Tổng khối lượng sử dụng |
|-----|----------------------|-------------|-------------------------|
| 1 | Cát vàng | mét khối | 348.209 |
| 2 | Đá 1*2 | mét khối | 371.008 |
| 3 | Đá mi | mét khối | 65.229 |
| 4 | Thép các loại | tấn | 27.499 |
| 5 | Xi măng | tấn | 159.758 |
| 6 | Tro bay | tấn | 37.887 |
| 7 | Nhớt các loại | lít | 45.486 |

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

| STT | Nội dung | Đơn vị | Năm 2024 |
|-----|--------------------------|--------|----------------|
| 1 | Dầu DO | Lít | 2.209.921 |
| | Tổng năng lượng tiêu thụ | Kjun | 81.424.527.823 |
| 2 | Xăng | Lít | 19.084 |
| | Tổng năng lượng tiêu thụ | Kjun | 663.196.742 |
| 3 | Than đá | Kg | 263.753 |
| | Tổng năng lượng tiêu thụ | Kjun | 4.416.272.362 |
| 4 | Gas | Kg | 2.560 |
| | Tổng năng lượng tiêu thụ | Kjun | 117.760.000 |
| 5 | Điện | kwh | 3.462.237 |
| | Tổng năng lượng tiêu thụ | Kjun | 12.464.053.200 |

Quản lý tiêu thụ năng lượng hiệu quả là một yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty, không chỉ giúp giảm chi phí vận hành mà còn góp phần bảo vệ môi trường và tối ưu hóa nguồn tài nguyên.

Vì vậy, Công ty không chỉ tối ưu hoá vấn đề tiết kiệm điện năng trong quá trình sản xuất, mà còn thường xuyên cải tiến và bảo trì máy móc, thiết bị đảm bảo giảm sự tiêu hao năng lượng, truyền tải điện năng hiệu quả, tránh lãng phí. Đồng thời, Công ty luôn có kế hoạch sử dụng điện năng một cách hợp lý và hiệu quả, phù hợp với từng giai đoạn sản xuất, cũng như mục đích sử dụng. Theo đó, tại các nhà máy sản xuất, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty được đào tạo bài bản về nghiệp vụ sử dụng, quản lý hệ thống dây chuyền sản xuất, cải tiến quy trình để có thể tối đa năng suất, tiết kiệm thời gian và năng lượng điện tiêu thụ mỗi năm. Nâng cao ý thức và lan tỏa tinh thần tiết kiệm điện năng tại các khối làm việc. Trong năm vừa qua, tổng lượng năng lượng tiêu thụ quy đổi là 99.085.810.128 Kjun, giảm 18,52% so với lượng sử dụng năm 2023. một con số mà Công ty cố gắng cải thiện thông qua các biện pháp tiết kiệm năng lượng và tăng cường hiệu suất sử dụng.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là nguồn nguyên liệu được sử dụng với khối lượng lớn trong quá trình sản xuất bê tông, không chỉ để trộn nguyên liệu mà còn để rửa thiết bị, làm mát máy móc và kiểm soát bụi tại nhà máy, trạm trộn. Nếu không có hệ thống xử lý nước thải hiệu quả, lượng nước thải này có thể chứa nhiều chất ô nhiễm như cặn xi măng, hóa chất phụ gia, kiềm và kim loại nặng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước tự nhiên. Bên cạnh đó, nước còn được sử dụng để sinh hoạt tại khối văn phòng, tưới cây,...

Do đó, TICCO đảm bảo sử dụng nguồn nước một cách có hiệu quả và bền vững thông qua việc lên kế hoạch và chính sách phù hợp. Doanh nghiệp luôn chú trọng đến việc tránh lãng phí nước và ngăn chặn xả thải không cần thiết. Ban lãnh đạo thường xuyên thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống đường ống nước để đảm bảo chất lượng nước sạch và tránh lãng phí do rò rỉ hoặc hư hỏng của hệ thống. TICCO cũng cam kết sử dụng nguồn nước một cách có trách nhiệm và không gây ảnh hưởng đến nguồn nước của cộng đồng xung quanh. Công ty ký hợp đồng xử lý nước thải với các Công ty TNHH Phát Triển KCN Long Giang để hạn chế tình trạng gây ô nhiễm nguồn nước và ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

Trong năm vừa qua, lượng nước tiêu thụ của TICCO là 14.776 m³, trong đó lượng nước được xử lý là 80% trên tổng lượng nước tiêu thụ, Công ty tiếp tục cam kết tiếp tục duy trì và nâng cao các biện pháp tiết kiệm nước và bảo vệ nguồn nước trong tương lai.

| Lượng nước sử dụng | | |
|--------------------|------------------|------------------------------|
| STT | Loại hoạt động | Tổng lượng nước sử dụng (m3) |
| 1 | Sản xuất | 14.191 |
| 2 | Sinh hoạt | 585 |
| | Tổng cộng | 14.776 |



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Công ty luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường lên hàng đầu, không chỉ thông qua các dự án lớn mà còn từ những quy định nội bộ, nâng cao ý thức của từng nhân viên trong việc giữ gìn vệ sinh nơi làm việc, không xả rác bừa bãi. Công ty tin rằng mỗi hành động nhỏ đều góp phần tạo nên tác động lớn, giúp bảo vệ môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và giảm thiểu rủi ro pháp lý liên quan.

Năm 2024, TICCO tiếp tục tuân thủ chặt chẽ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, đồng thời cải tiến các chính sách nội bộ để phù hợp với các quy định mới nhất. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường được đẩy mạnh, bao gồm tối ưu hóa quy trình xử lý chất thải và tiết kiệm năng lượng. Đặc biệt, trong năm 2024, TICCO không có bất kỳ vi phạm hay bị xử phạt nào liên quan đến các quy định môi trường, khẳng định cam kết tuân thủ và trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

TICCO luôn coi người lao động là tài sản quý giá, là yếu tố cốt lõi quyết định sự phát triển bền vững của Công ty. Do đó, Công ty tập trung xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và có các chính sách nhằm nâng cao đời sống và cho mọi nhân viên đều có cơ hội phát triển năng lực, gắn bó lâu dài.

Tính đến 31/12/2024, tổng số người lao động của Công ty là 684 người, trong đó nam chiếm tỷ lệ 90,79%, 621 người; nữ: 63 người, chiếm tỷ lệ 9,21%. Công ty luôn cố gắng thúc đẩy sự cân bằng về giới.

Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chính sách lương thưởng người lao động của TICCO được xây dựng dựa trên Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, đảm bảo tính công

bằng đối với mọi nhân viên. Quỹ lương được phân bổ dựa trên hiệu suất làm việc của từng cá nhân, cùng với việc tổ chức thưởng theo dự án, quý hoặc năm tùy thuộc vào hiệu suất làm việc so với kế hoạch Công ty. Các chính sách này và điều kiện làm việc luôn được ban lãnh đạo xem xét và điều chỉnh định kỳ để tăng tính cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời tạo động lực làm việc cho đội ngũ lao động. Mỗi năm, TICCO đều cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động với mức tăng trưởng thu nhập từ 5 - 7% so với năm trước.

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, hiện đại. Định kỳ, Công ty tiến hành kiểm tra môi trường lao động, đảm bảo loại bỏ các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe nhân viên. Công ty cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ để đảm bảo an toàn lao động trong quá trình sản xuất. Các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn đối với người lao động được Công ty tuân thủ 100% đảm bảo quy định. Đồng thời, người lao động cũng được kiểm tra sức khỏe định kỳ theo chính sách của Công ty. Bên cạnh đó, nhằm khích lệ tinh thần và gia tăng sự gắn kết lẫn nhau, Công ty cũng tổ chức các hoạt động du lịch định kỳ, tặng quà 8/3, 20/10, sinh nhật cán bộ công nhân viên,... Qua đó, tạo môi trường tích cực giúp tinh thần thoải mái cho người lao động, từ đó nâng cao hiệu quả công việc.

Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2024, TICCO tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn cho bộ phận quản lý bán hàng tại các đơn vị trong hệ thống, với thời lượng khoảng 15 buổi và với 40 người tham dự



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG:

TICCO luôn thực hiện việc trích lập một quỹ từ thù lao của Ban lãnh đạo và toàn bộ nhân viên để tham gia và đóng góp cho các chương trình tình nguyện trong và ngoài địa bàn tỉnh Tiền Giang từ khi thành lập và phát triển đến nay. Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là nhiệm vụ hàng đầu và tiên quyết trong chính sách phát triển của Công ty.

Hàng năm, TICCO tham gia vào các chương trình thiện nguyện như trao quà, học bổng tại các Mái ấm tình thân, các xã phường và nơi có nhiều hoàn cảnh khó khăn cần được hỗ trợ. Đặc biệt, trong năm 2024, các hoạt động quyên góp, thiện nguyện và các chương trình an sinh xã hội được tổ chức mạnh mẽ với sự đóng góp cụ thể từ quỹ này như: Xây nhà Đại đoàn kết, Xây nhà cho người có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ người bị nhiễm chất độc Da cam, người khuyết tật,... với tổng kinh phí khoảng gần 1 tỷ đồng, nhằm mang lại sự hỗ trợ, chia sẻ cho cộng đồng và những người gặp khó khăn.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

TICCO, là một trong những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và niêm yết trên sàn HOSE, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Doanh nghiệp không ngừng theo dõi và cập nhật các chính sách mới liên quan đến thị trường vốn xanh, nhằm xây dựng từng bước các chính sách hướng đến phát triển xanh, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đồng thời hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.



CHƯƠNG III: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

89

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH

94

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

97

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC,
CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

99

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

102

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

104

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM LIÊN QUAN
VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TICCO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2024

Đánh giá tình hình ngành:

Lĩnh vực bất động sản:

- Thị trường bất động sản (BDS) Việt Nam đã khép lại năm 2024 với những kết quả phục hồi tích cực nhờ các bước tiến lớn trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý, với các thông tin ngày càng minh bạch, rõ ràng cho mọi thành phần tham gia. Lượng giao dịch trong năm 2024 cũng tiếp tục tăng trưởng ổn định khi nguồn cung được cải thiện cả về lượng và chất.

- Các phân khúc từ nhà ở thương mại tới BĐS công nghiệp, đều cho thấy dấu hiệu tăng trưởng tốt với nhiều dự án mới được triển khai. Nhu cầu mua bất động sản bao gồm để ở và đầu tư rất cao và đang không ngừng tăng cùng tốc độ đô thị hóa và quá trình phát triển kinh tế. Tới thời điểm hiện tại, thị trường BĐS vẫn đang chuyển động tích cực, đặc biệt duy trì ổn định ở các sản phẩm BĐS phù hợp với giá cả hợp lý và nhu cầu ở thực của người dân.

Lĩnh vực bê tông:

- Kết quả kinh doanh cho thấy lĩnh vực bê tông đạt kế hoạch năm 2024. Khó khăn, thách thức của kinh tế xã hội toàn cầu cũng như sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề có xu hướng ngày càng tăng. Nhiều vật liệu xây dựng như cát, đá... cũng khan hiếm khiến cho khó khăn trong việc lựa chọn nhà cung cấp thích hợp. Tuy nhiên, lĩnh vực bê tông vẫn phấn đấu phát triển sản xuất và hoàn thành kế hoạch được giao.

Lĩnh vực xây dựng:

- Trong năm 2024, lĩnh vực xây dựng đã có những kết quả tích cực nhờ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho doanh nghiệp, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công. Về phía Công ty đã tiến hành triển khai nhiều công trình, đặc biệt là các công trình xử lý cấp bách như đường giao thông, kè chống sạt lở.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2024:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| KHOẢN MỤC | THỰC HIỆN NĂM 2023 | KẾ HOẠCH NĂM 2024 | THỰC HIỆN NĂM 2024 | ĐẠT % SO VỚI KH NĂM 2024 | TĂNG, GIẢM SO VỚI CÙNG KỲ |
|-----------------------------|--------------------|-------------------|--------------------|--------------------------|---------------------------|
| Doanh thu thuần hợp nhất | 1.670 | 1.745 | 1.867 | 106,99% | 11,80% |
| Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | 116,7 | 122 | 141,8 | 116,23% | 21,50% |
| Giá trị đầu tư | 185,5 | 490 | 331,29 | 67,61% | 78,59% |
| Vốn điều lệ | 229,6 | 252,5 | 259,4 | 102,74% | 13,00% |
| Cổ tức | 43% | 40% | DK 46% | | |

TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT
KINH DOANH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2024 (TT)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| KHOẢN MỤC | 2023 | | | 2024 | | |
|-----------------------|-------|-------|-------|---------|---------|-------|
| | DTT | DTCT | LNST | DTT | DTCT | LNST |
| Lĩnh vực Bất động sản | 227 | 246 | 53,5 | 269,4 | 291,4 | 66,70 |
| Lĩnh vực bê tông | 1.271 | 1.385 | 50,0 | 1.515,8 | 1.637,5 | 65,57 |
| Lĩnh vực xây dựng | 342 | 373 | 12,1 | 412,7 | 445,8 | 13,87 |
| Hợp cộng | 1.841 | 2.004 | 115,7 | 2.197,9 | 2.374,7 | 146,1 |
| Hợp nhất | 1.670 | 1.818 | 116,7 | 1.867,3 | 2.017,4 | 141,8 |

Nhận xét:

Doanh thu năm 2024 đạt so với kế hoạch và tăng 11,80% so với năm 2023

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 116,23% so với kế hoạch và tăng 21,50% so với năm 2023

Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

Lĩnh vực bất động sản:

- Lĩnh vực bất động sản tiếp tục duy trì ổn định và đóng góp phần lớn vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và đưa vào kinh doanh Dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường
- Thực hiện công tác bán hàng dự án Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng.
- Tiếp tục thực hiện các công tác liên quan đến đền bù dự án Đường số 4 và khu dân cư hai bên đường tại thị xã Cai Lậy.
- Thực hiện thi công hạ tầng kỹ thuật dự án cụm công nghiệp Gia Thuận 2 và bước đầu xúc tiến mời gọi đầu tư vào dự án.
- Tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến xúc tiến đầu tư vào CCN Gia Thuận 1. Năm 2024 ghi nhận doanh thu với diện tích 5,8 ha dự án CCN Gia Thuận 1.
- Thực hiện khảo sát, nghiên cứu, lập quy hoạch các dự án đầu tư bất động sản trên địa bàn Tiền Giang.

Lĩnh vực bê tông:

- Lĩnh vực bê tông tiếp tục giữ vững thương hiệu, thị trường, doanh số tuy nhiên hiệu quả chưa đạt so với kỳ vọng.
- Lĩnh vực bê tông tiếp tục đầu tư, cải tiến nhằm đối phó với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá nguyên liệu không ổn định.
- Năm 2024 lĩnh vực bê tông ghi nhận các sản phẩm dầm cầu góp phần tăng doanh thu và hiệu quả

đầu tư mới. Hoàn thành cơ bản đầu tư sản xuất và đưa vào kinh doanh các loại dầm cầu tại TICCO Tân Phước và cụm công nghiệp Gia Thuận (3ha).

Lĩnh vực thi công xây dựng:

- Lĩnh vực thi công xây dựng được xác định là lĩnh vực hỗ trợ cho bất động sản và bê tông nên việc đầu tư mở rộng được duy trì có giới hạn. Năm 2024 hoàn thành đầu tư thêm thiết bị thi công cọc ván dự ứng lực, thi công xây dựng đạt kế hoạch đề ra, góp phần hỗ trợ vốn cho bất động sản.

Về công tác đầu tư:

Đơn vị tính: VND

| LĨNH VỰC | KH | TH | TỶ LỆ |
|-----------------------|------------------------|------------------------|------------|
| Lĩnh vực bất động sản | 339.396.885.094 | 208.678.421.664 | 61% |
| Lĩnh vực bê tông | 122.785.319.347 | 107.272.464.052 | 87% |
| Lĩnh vực xây dựng | 27.818.000.000 | 15.341.872.392 | 55% |
| TỔNG CỘNG | 490.000.204.441 | 331.292.758.108 | 68% |

Công tác tổ chức và nhân sự:

- Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 684 người.
- Ban TGD gồm có 05 người
- Công tác tổ chức cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, các chế độ chính sách cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động luôn được chú trọng.
- Đội ngũ nhân sự về quản lý, tài chính và kinh doanh tiếp tục được đào tạo, luân chuyển, nâng tầm kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu mới.

Công tác bán hàng, marketing:

- Tình hình tài chính công ty tiếp tục ổn định, tuân thủ các quy định, quy tắc quản lý doanh nghiệp và quản trị tài chính.
- Thực hiện tốt việc xác định nhu cầu vốn, tổ chức huy động vốn đáp ứng kịp thời, đủ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh.
- Tổ chức sử dụng vốn có hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, thu nhập và đảm bảo khả năng thanh toán. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp.
- Việc quản trị tài chính cần phải được chú trọng quan tâm hơn nữa để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TICCO

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

Năm 2024, TICCO tiếp tục đẩy mạnh cải tiến quy trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và thực hiện cam kết phát triển bền vững. Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty tối ưu hóa chi phí, nâng cao năng suất lao động mà còn đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Các cải tiến được triển khai đồng bộ từ quản lý nguyên vật liệu, áp dụng công nghệ hiện đại đến tối ưu hóa hệ thống xử lý chất thải, góp phần nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của TICCO trên thị trường.

Ngoài ra, TICCO tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng thông qua việc triển khai thành công hàng loạt dự án quan trọng. Trong năm 2024, dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và đã có giấy phép xây dựng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sẵn sàng để Công ty triển

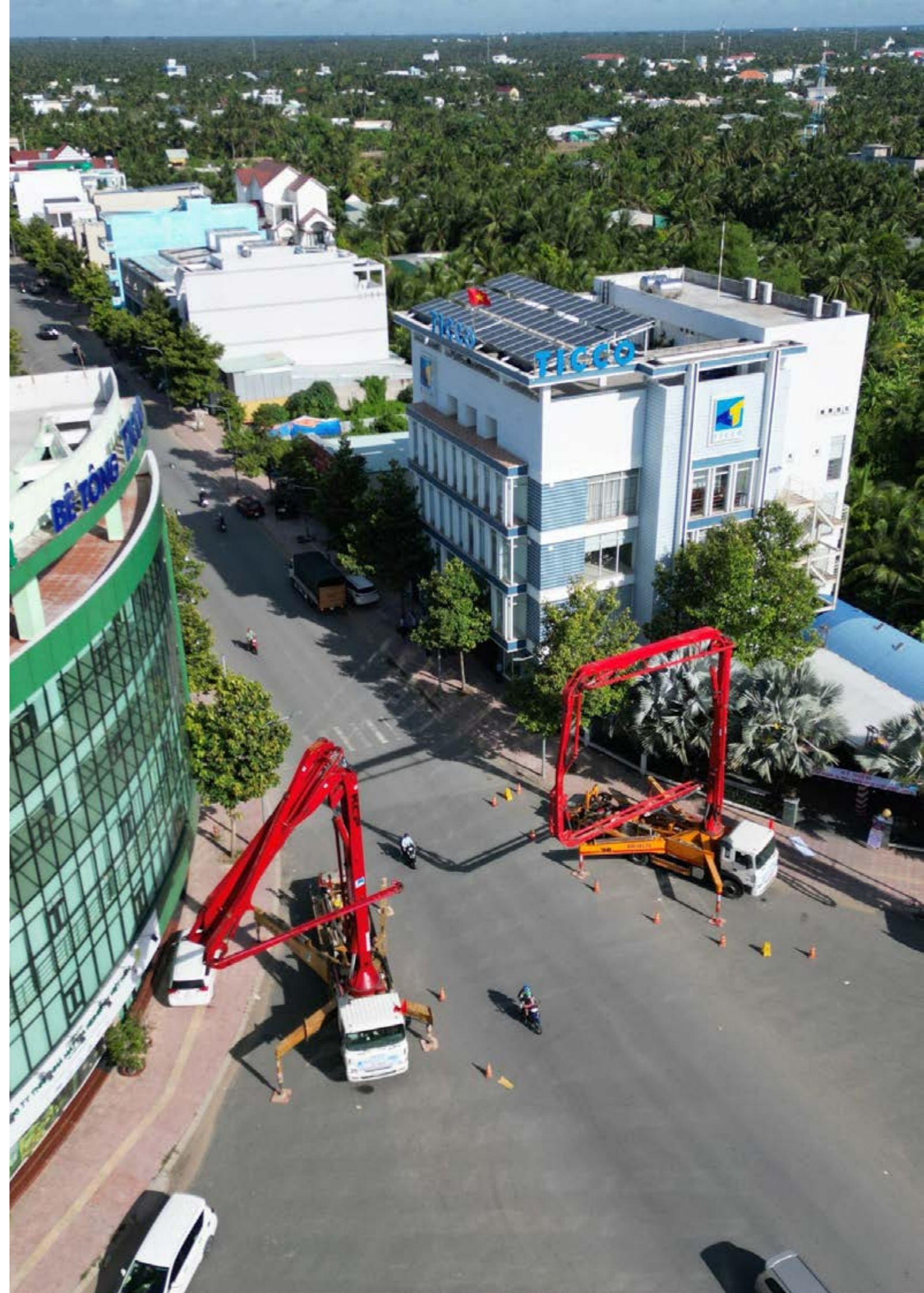
khai những giai đoạn tiếp theo. Những khu dân cư này không chỉ giúp cải thiện chất lượng sống cho người dân mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại Tiền Giang và khu vực lân cận.

Ngoài việc hoàn thiện các dự án hiện có, TICCO cũng mở rộng hợp tác với nhiều đối tác, gia tăng cơ hội tham gia các công trình trọng điểm. Việc hợp tác chiến lược giúp Công ty nâng cao năng lực thi công, tiếp cận công nghệ mới và tối ưu hóa chi phí đầu tư. TICCO cũng đặc biệt chú trọng các dự án xây dựng xanh, ứng dụng vật liệu thân thiện môi trường, hướng đến phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội.

Kết quả cho các nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể Ban lãnh đạo và người lao động, Công ty vinh dự đạt các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2024 như sau:

- **"Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2024"** do Vietnam Report và Báo Vietnamnet bầu chọn;

- **"Top 5 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất 2024 (nhóm vốn hoá nhỏ)"** do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh bầu chọn;



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | CHỈ TIÊU | 31/12/2023 | 31/12/2024 | TĂNG/GIẢM 2024/2023 |
|------------------------------|---|------------------|------------------|------------------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 1.312.952 | 1.554.502 | 18,40% |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 216.604 | 298.868 | 37,98% |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 65.920 | 54.149 | -17,86% |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 287.482 | 319.794 | 11,24% |
| 4 | Hàng tồn kho | 730.160 | 857.581 | 17,45% |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 12.786 | 24.110 | 88,57% |
| II | Tài sản dài hạn | 539.278 | 627.241 | 16,31% |
| 1 | Phải thu dài hạn | 331 | 331 | 0,00% |
| 2 | Tài sản cố định | 305.206 | 327.102 | 7,17% |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn | 204.545 | 270.511 | 32,25% |
| 4 | Bất động sản đầu tư | 19.210 | 17.638 | -8,18% |
| 5 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 369 | 360 | -2,21% |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 9.618 | 11.300 | 17,48% |
| Tổng tài sản (I + II) | | 1.852.230 | 2.181.743 | 17,79% |

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản Công ty tăng thêm 17,79% so với cùng kỳ phần lớn do tài sản ngắn hạn tăng mạnh trong năm 2024. Cụ thể, trong năm tài sản ngắn hạn tăng thêm 18,40%, tương đương 241,55 tỷ, chiếm 71,3% trong cơ cấu tổng tài sản. Dù hầu hết các chỉ tiêu khác thuộc tài sản ngắn hạn đều tăng trong năm, nhưng sự gia tăng của tài sản ngắn hạn chủ yếu đến từ hàng tồn kho việc hàng tồn kho tăng lên.

Hàng tồn kho đã có mức tăng đáng kể trong năm, đóng góp nhiều vào sự gia tăng của tài sản ngắn hạn. Do bối cảnh kinh tế trong năm 2024 đã được cải thiện đáng kể nhờ sự phục hồi của thị trường bất động sản và các dự án đầu tư công từ chính phủ. Giá trị thành phẩm của TICCO đã tăng mạnh từ mốc 76 tỷ lên 149 tỷ, tương đương tăng 95,90%. Ngoài ra, do mặt bằng chung giá nguyên vật liệu như cát, đá, thép... đã tăng lên đáng kể khiến công ty ghi nhận các chi phí liên quan cao hơn. Cụ thể, chỉ tiêu nguyên liệu, vật liệu tăng 61,61% so với

cùng kỳ 2023, từ khoảng 46 tỷ tăng lên 73 tỷ.

Kết thúc năm 2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng và tiền mặt của Công ty đã tăng 55,21% và 19,03% so với thời điểm đầu năm 2024 làm cho tài sản ngắn hạn cũng tăng lên đáng kể.

Đối với tài sản dài hạn, do trong năm Công ty ghi nhận thêm một số chi phí liên quan đến dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 2 tăng thêm 210,32% so với cùng kỳ dẫn đến chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 32,25%. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng mạnh là lý do chủ yếu khiến tài sản dài hạn tăng mạnh trong năm, tăng thêm 16,31% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, dù không khiến tài sản dài hạn tăng lên đáng kể, tài sản cố định cũng tăng thêm 7,17% do Công ty chi thêm tiền để mua sắm máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải nhằm đáp ứng mục tiêu đầu tư và kế hoạch kinh doanh của Công ty



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

| CHỈ TIÊU | NĂM 2023 | NĂM 2024 | %TĂNG/GIẢM |
|---------------------------|------------------|------------------|---------------|
| Nợ ngắn hạn | 990.639 | 1.214.926 | 22,64% |
| Nợ vay ngắn hạn | 316.578 | 263.550 | -16,75% |
| Phải trả người bán | 321.578 | 450.736 | 40,16% |
| Người mua trả tiền trước | 252.278 | 314.363 | 24,61% |
| Phải trả người lao động | 20.743 | 23.460 | 13,10% |
| Chi phí phải trả | 43.922 | 94.867 | 115,99% |
| Nợ dài hạn | 173.117 | 235.486 | 36,03% |
| Nợ vay dài hạn | 169.062 | 229.998 | 36,04% |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 3.522 | 5.079 | 44,19% |
| Phải trả dài hạn khác | 533 | 408 | -23,41% |
| Tổng nợ phải trả | 1.163.756 | 1.450.412 | 24,63% |

Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2024 đã tăng 22,64%, trong đó, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chỉ tiêu phải trả người bán tăng mạnh trong năm. Cụ thể, khoản phải trả người bán tăng 40,16% trong năm chủ yếu do các khoản phải trả người bán trong lĩnh vực bê tông và thi công công trình tăng cao, lần lượt 46,77% và 47,50% so với cùng kỳ. Ngoài lý do là mặt bằng chung giá nguyên vật liệu đầu vào cao hơn khiến Công ty ghi nhận khoản phải trả cao còn do Công ty đã tận dụng uy tín thương mại để nhận được nhiều ưu đãi trong chính sách tín dụng của đối tác. Bên cạnh đó, nhờ vào uy tín tốt, Công ty nhận được ưu đãi từ khách hàng, khiến chỉ tiêu người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng thêm 24,61% so với năm trước. Chủ yếu

đến từ các khách hàng từ các dự án thi công công trình xây dựng và người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước. Bên cạnh đó, phần chi phí phải trả liên quan đến việc TICCO ghi nhận giá vốn trích trước của lĩnh vực kinh doanh bất động sản cũng đóng góp thêm khiến nợ ngắn hạn tăng lên không ít. Bên cạnh đó, dù nợ dài hạn đã tăng 36,03% và không đóng góp đáng kể vào sự gia tăng của nợ phải trả trong năm. Dù đã vay mới thêm 180 tỷ trong năm 2024 nhưng do Công ty đã kết chuyển một phần nợ vay dài hạn vào nợ vay ngắn hạn do đến hạn thanh toán nên nợ vay dài hạn chỉ tăng 36,04% trong năm.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Phối hợp với các bộ phận triển khai các dự án của lĩnh vực kinh doanh bất động sản và các dự án đầu tư mở rộng sản xuất.
- Phối hợp với các đơn vị giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách đãi ngộ lương, thưởng, phúc lợi, bảo hộ lao động đối với người lao động.
- Hỗ trợ các công ty con quan hệ với chủ đầu tư. Quản lý, điều phối ứng vốn thi công chặt chẽ, kịp thời cho từng đơn vị thành viên.
- Công tác đào tạo phát triển nghề nghiệp đối với lao động quản lý được thực hiện thường xuyên. Công tác kiểm toán nội bộ được thực hiện đầy đủ và định kỳ.



NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

01

Lĩnh vực bất động sản:

Đến thời điểm hiện tại, thị trường bất động sản Việt Nam đã bước qua giai đoạn khó khăn nhất và đang trên đà phục hồi. Sự hỗ trợ từ chính sách, nhu cầu nhà ở thực và sự phát triển hạ tầng đang là những động lực chính thúc đẩy thị trường tăng trưởng. Với những giải pháp quyết liệt từ Trung ương đến địa phương cùng sự nỗ lực cố gắng của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, thị trường bất động sản đang có những chuyển biến tích cực. Hiện tượng quan tâm đối với bất động sản được ghi nhận tăng mạnh, tâm lý nhà đầu tư cải thiện và niềm tin vào thị trường đã quay trở lại.

Kỳ vọng rằng năm 2025, ngành bất động sản sẽ khởi sắc và bước vào chu kỳ phát triển mới.

02

Lĩnh vực bê tông:

Các dự án lớn về đầu tư công, phát triển hạ tầng giao thông khu vực phía Nam sẽ được tiếp tục triển khai trong năm 2025. Do đó, ngành vật liệu xây dựng, bê tông sẽ tiếp tục tăng tốc. Tuy nhiên, tình hình nguyên vật liệu đầu vào khả năng sẽ tiếp tục tăng. Cùng với đó là sự cạnh tranh khốc liệt về giá bán của nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề, đặc biệt là sản phẩm bê tông tươi. Bản thân Công ty cần tăng cường khâu marketing, mở rộng thị trường để tăng tiêu thụ sản phẩm.

03

Lĩnh vực xây dựng:

Thị trường xây dựng 2025 sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ nhờ sự đầu tư vào hạ tầng giao thông, khu công nghiệp và các dự án bất động sản. Dư địa tăng trưởng dành cho nhóm ngành xây dựng hạ tầng vẫn đang rất lớn. Kỳ vọng lĩnh vực xây dựng sẽ đón nhận các yếu tố hỗ trợ tích cực với tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, phục hồi, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm việc làm, đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2025

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH 2025

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| KHOẢN MỤC | THỰC HIỆN NĂM 2024 | KẾ HOẠCH NĂM 2025 | %TĂNG/GIẢM SO VỚI 2024 |
|-----------------------------|--------------------|-------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần hợp nhất | 1.867 | 1.976 | 5,84% |
| Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | 141,8 | 160 | 12,83% |
| Giá trị đầu tư | 331,3 | 498,4 | 50,44% |
| Vốn điều lệ | 259,4 | 300,9 | 16% |
| Cổ tức | DK 46% | 40% | |

| KHOẢN MỤC | THỰC HIỆN 2024 | | | KẾ HOẠCH 2025 | | |
|-------------------------------------|----------------|----------------|--------------|----------------|----------------|--------------|
| | DTT | DTCT | LNST | DTT | DTCT | LNST |
| Lĩnh vực bất động sản và công ty Mẹ | 269,4 | 291,4 | 66,70 | 334,0 | 357,0 | 82,0 |
| Lĩnh vực Bê tông | 1.515,8 | 1.637,5 | 65,57 | 1.461,0 | 1.608,0 | 68,0 |
| Lĩnh vực Xây dựng | 412,7 | 445,8 | 13,87 | 494,0 | 540,0 | 17,0 |
| Hợp cộng | 2.197,9 | 2.374,7 | 146,1 | 2.289,0 | 2.505,0 | 167,0 |
| Hợp nhất | 1.867,3 | 2.017,4 | 141,8 | 1.976,0 | 2.160,0 | 160,0 |

CÁC CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- **Về tổ chức nhân sự:** Tiếp tục rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp. Tiếp tục phân công quyền hạn và trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên trong Ban TGD. Tiếp tục đào tạo, luân chuyển đội ngũ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Xây dựng bộ máy tổ chức công ty tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động phát triển.

- **Về công tác tài chính:** tiếp tục tăng cường công tác về quản trị tài chính, thực hiện nâng cao năng lực tài chính, tái cấu trúc nguồn vốn hoạt động để đáp ứng mục tiêu phát triển của công ty. Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất kinh doanh. Điều chỉnh, bổ sung các quy chế về tài chính phù hợp với yêu cầu phát triển.

- **Về triển khai thực hiện và kinh doanh các dự án:** nghiên cứu sắp xếp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án. Chủ động, phối hợp với các Sở ban ngành để giải quyết các vấn đề về thủ tục đầu tư, công tác quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, công tác bồi thường, báo cáo đánh giá tác động môi trường... Tăng cường công tác tiếp thị, bán hàng và xúc tiến đầu tư vào các dự án.

- **Về lĩnh vực bê tông:** tiếp tục nghiên cứu, đầu tư, cải tiến nhằm đối phó với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá nguyên liệu không ổn định. Tập trung thu hồi công nợ. Ứng dụng chuyển đổi số vào công tác sản xuất và bán hàng. Tiếp tục thực hiện công tác đầu tư đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu các thủ tục để mở rộng Nhà máy bê tông TICCO Tân Phước. Tiếp tục nghiên cứu thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy bê tông 20 ha.

- **Về lĩnh vực bất động sản:** Hoàn thành cơ bản hạ tầng và đưa vào kinh doanh dự án cụm công nghiệp Gia Thuận 2; Thực hiện tiếp các thủ tục để mở rộng dự án cụm công nghiệp Gia Thuận 1+2. Tiếp tục xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp Gia Thuận 1, xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp Gia Thuận 2; Tiếp tục bán hàng các dự án Nguyễn Trọng Dân, Dự án D7. Tiếp tục công tác liên quan đến đền bù dự án Đường số 4 và khu dân cư hai bên đường; Tiếp tục các công tác liên quan đến việc đấu thầu các dự án đã nghiên cứu và quan tâm... với định hướng là các dự án cụm công nghiệp và khu dân cư.

- **Về lĩnh vực thi công xây dựng:** Tăng cường công tác tìm việc các công trình dự án vốn đầu tư công. Đầu tư thêm thiết bị thi công. Phấn đấu tăng doanh thu và lợi nhuận.

- **Thực hiện triển khai các công tác liên quan đến chuyển đổi số và các ứng dụng công nghệ mới.**

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025. Báo cáo hoạt động kinh doanh và các thông tin về doanh nghiệp được thể hiện đầy đủ trong báo cáo thường niên. Ban TGD công ty cùng toàn thể người lao động quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

- **Về công tác đầu tư:**

Đơn vị tính: VND

| LĨNH VỰC | KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 2025 |
|-----------------------|------------------------|
| Lĩnh vực bất động sản | 385.335.879.839 |
| Lĩnh vực bê tông | 93.807.600.000 |
| Lĩnh vực xây dựng | 19.312.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 498.455.479.839 |

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Các nguồn nguyên liệu như thép, cát, đá, xi măng, ... chiếm phần lớn trong cơ cấu nguyên vật liệu của công ty. Trên tinh thần hạn chế lãng phí tài nguyên, tối ưu hóa chi phí và bảo vệ môi trường, doanh nghiệp thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp khác nhau nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra ổn định, bền vững. Đơn cử như nhiều kỹ thuật, hệ thống hiện đại được áp dụng vào công đoạn sản xuất bê tông với tỷ lệ phối trộn nguyên liệu chính xác giúp tiết kiệm nguồn nguyên liệu. Các hệ thống giám sát tại các trạm trộn, xe bồn cũng được triển khai để hạn chế các trường hợp thất thoát nguyên liệu, song song với việc tăng cường công tác quản lý kho hàng, vận tải và ý thức của mỗi cá nhân trong công việc.



Tiêu thụ năng lượng: Nguồn năng lượng chính mà công ty sử dụng trong quá trình sản xuất – kinh doanh của công ty chủ yếu là điện và xăng dầu. Nhằm đảm bảo tối ưu hóa chi phí năng lượng và hạn chế tác động đối với môi trường, ngoài việc bảo trì định kỳ các thiết bị sản xuất, giám sát và theo dõi hoặc giảm mức độ tiêu thụ bằng cách tối ưu hóa lộ trình vận chuyển nhằm hạn chế chi phí và đồng thời cũng nâng cao ý thức tập thể thông qua phòng trào phát huy sáng tạo tiết kiệm năng lượng hằng năm.

Tiêu thụ nước: Công ty triển khai hệ thống tái sử dụng nguồn tài nguyên nước từ các trạm trộn bê tông nhằm hạn chế tình trạng lãng phí và thu gom, xử lý nguồn nước thải trước khi thải ra hệ thống chung nhằm bảo vệ môi trường. Ngoài ra, công ty cũng triển khai nhiều biện pháp khác như thường xuyên giám sát và bảo trì các đường ống nước, tránh trường hợp rò rỉ và thất thoát, kèm nâng cao ý thức của đội ngũ nhân viên về tinh thần tiết kiệm và bảo vệ môi trường.

Tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường: Trên tinh thần thượng tôn pháp luật, TICCO tiếp tục tuân thủ và thực hành theo nhiều tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường trong quá trình sản xuất – kinh doanh và thi công công trình. Cụ thể, công ty tiếp tục đảm bảo các tiêu chuẩn về khí thải, nước thải, chất thải rắn và nguy hại, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả, ... đồng thời thực hiện tốt các công tác khác như phòng cháy, chữa cháy. Nhờ quá trình thực hiện chặt chẽ và hiệu quả, công ty tiếp tục duy trì thành tích không vi phạm các tiêu chuẩn môi trường.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2024, công ty tiếp tục ưu tiên phát triển, trau dồi kỹ năng và chuyên môn đồng thời xây dựng phát triển môi trường làm việc cạnh tranh hơn, công bằng hơn. Nhận thấy tầm quan trọng của lực lượng lao động trong hành trình phát triển bền vững của công ty, ban lãnh đạo luôn không ngừng nỗ lực nghiên cứu và cải tiến các chính sách phúc lợi nhằm đảm bảo các nhân viên đều được hưởng đầy đủ quyền lợi theo tiêu chuẩn pháp luật, đồng thời tiếp tục duy trì và phát triển môi trường làm việc công bằng và cạnh tranh để mỗi cá nhân phấn đấu và cống hiến. Các chương trình bảo hiểm y tế, bảo hiểm sức khỏe nâng cao cho các nhân viên cũng được công ty duy trì và thực hiện thường xuyên. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo đời sống tinh thần phong phú cho người lao động, công ty còn thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, các hoạt động giải trí và đoàn thể khác.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Đối với lĩnh vực giáo dục, TICCO thường xuyên hỗ trợ cộng đồng địa phương như trao tặng học bổng cho các học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, phối hợp với chính quyền địa phương nhằm hỗ trợ các môi trường và chương trình giáo dục. Ngoài ra, công ty còn tổ chức nhiều hoạt động thiện nguyện nhằm hỗ trợ các cựu chiến binh, những người có công với Cách mạng, các hoàn cảnh khó khăn khác, ... Đối với nội bộ công ty, ban lãnh đạo luôn khuyến khích các nhân viên tham gia vào hoạt động thiện nguyện, tạo điều kiện để đóng góp, hỗ trợ và phát triển cộng đồng địa phương. Trong năm 2025, công ty tiếp tục cam kết thực hiện trách nhiệm về cộng đồng đem lại những giá trị tích cực cho toàn xã hội.

CHƯƠNG IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

108

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

112

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

113

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

T I C C O

TỔNG QUAN KINH TẾ VÀ NGÀNH NĂM 2024

Năm 2024, tăng trưởng kinh tế Việt Nam vượt mức mục tiêu đề ra là 6 - 6,5% GDP, nền kinh tế dần đi vào ổn định. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn tồn tại những hạn chế và tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chính sách tiền tệ thận trọng, kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào lĩnh vực bất động sản, chi phí đầu vào tăng cao, các chính sách của Nhà Nước điều tiết thị trường bất động sản như việc đánh thuế bổ sung với quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất từ bất động sản thứ hai trở lên còn chưa rõ ràng, làm ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư, có người còn phát biểu trên mạng xã hội rằng chỉ nghiên cứu bất động sản chứ không đầu tư. Ngoài ra vẫn là sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường, nguyên vật liệu ngày càng khan hiếm và tăng cao. Trong bối cảnh đó, Công ty chủ động xây dựng giải pháp linh hoạt nhằm phấn đấu thực hiện mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đề ra.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về kết quả sản xuất kinh doanh:

Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện thị trường nhiều biến động. Các chỉ tiêu tài chính chính được ghi nhận như sau:

So với năm 2023: Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | CHỈ TIÊU | NĂM 2023 | NĂM 2024 | % TĂNG/ GIẢM SO VỚI NĂM 2023 |
|-----|-------------------------|----------|-------------|------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 1.670 | 1.867 | 11,80% |
| 2 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 116,7 | 141,8 | 21,50% |
| 3 | Cổ tức (%) | 43% | Dự kiến 46% | |

So với kế hoạch năm 2024:

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH 2024 | THỰC HIỆN 2024 | % TĂNG/ GIẢM SO VỚI KH 2024 |
|-----|-----------------------------|---------------|----------------|-----------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần hợp nhất | 1.745 | 1.867 | 107,00% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | 122 | 141,8 | 116,23% |

Nhờ các nỗ lực tháo gỡ một số hàng rào pháp lý trong năm 2024 từ Chính phủ, thị trường bất động sản đã có sự phục hồi đáng kể, tạo ra động lực quan trọng cho sự tăng trưởng của ngành xây dựng và vật liệu xây dựng, đặc biệt là bê tông. Trong giai đoạn trước đó, các rào cản pháp lý liên quan đến cấp phép dự án, quy hoạch đất đai và chính sách tín dụng thắt chặt đã kìm hãm sự phát triển của thị trường bất động sản, khiến nhiều dự án bị đình trệ hoặc chậm tiến độ. Tuy nhiên, trong năm 2024, Chính phủ đã chủ động thực hiện nhiều biện pháp tháo gỡ khó khăn, bao gồm việc sửa đổi các quy định pháp lý liên quan đến đầu tư bất động sản, đơn giản hóa quy trình phê duyệt dự án và thúc đẩy cải cách hành chính trong lĩnh vực xây dựng. Những động thái này đã giúp cải thiện niềm tin của nhà đầu tư, tạo điều kiện để nhiều dự án tái khởi động, từ đó gia tăng nhu cầu về các vật liệu xây dựng. Ngoài ra, việc Chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm như cao tốc, cầu, đường sắt và sân bay, đã góp phần thúc đẩy nhu cầu đối với bê tông và các vật liệu xây dựng liên

quan. Các dự án hạ tầng không chỉ tạo ra nhu cầu lớn về bê tông thương phẩm, bê tông cốt thép mà còn tác động lan tỏa đến toàn bộ ngành xây dựng và bất động sản.

Tuy nhiên, sự phục hồi của thị trường bất động sản và sự đẩy mạnh đầu tư công trong năm 2024 đã khiến nhu cầu về vật liệu xây dựng tăng cao, trong khi nguồn cung không đủ đáp ứng. Các vật liệu quan trọng như xi măng, đá, thép và cát xây dựng trở nên khan hiếm do các chính sách siết chặt khai thác tài nguyên, chi phí vận chuyển tăng cao và sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng. Sự thiếu hụt nguyên vật liệu không chỉ làm tăng chi phí sản xuất mà còn tạo ra áp lực cạnh tranh lớn trong ngành, khi nhiều doanh nghiệp phải hạ giá bán để duy trì thị phần. Đối với TICCO, mặc dù sở hữu sản phẩm bê tông tươi có chất lượng cao, Công ty vẫn chủ động cải thiện năng lực sản xuất và marketing nhằm tăng cường khả năng tiêu thụ sản phẩm.

Bằng sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực của toàn thể các cán bộ, người lao động. Doanh thu thuần hợp nhất của TICCO đạt 1.867 tỷ đồng (tăng 11,80% so với năm 2023), Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 141,8 tỷ đồng (tăng 21,50% so với năm 2023), lần lượt đạt 107,00% và 116,23% kế hoạch năm 2024.

Về công tác đầu tư:

Trong năm 2024, tổng giá trị thực hiện đầu tư đạt 331,29 tỷ đồng, tập trung vào các dự án chiến lược như:

- Phát triển hạ tầng cụm công nghiệp Gia Thuận 2.
- Đầu tư vào dây chuyền sản xuất bê tông tươi và bê tông đúc sẵn nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường xây dựng.
- Các dự án bất động sản trọng điểm, hướng tới việc tối ưu hóa giá trị tài sản và gia tăng nguồn thu dài hạn.
- Các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Về môi trường và xã hội:

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang cam kết thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về môi trường, hướng tới phát triển bền vững trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh. Với nhận thức rõ ràng về tác động của ngành xây dựng đối với môi trường, Công ty đã tích cực áp dụng các giải pháp nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và nâng cao hiệu quả quản lý chất thải. Đồng thời, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, thường xuyên tiến hành đánh giá tác động môi trường đối với các dự án xây dựng, đảm bảo hoạt động khai thác và sử dụng nguyên vật liệu không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái địa phương. Những nỗ lực này thể hiện cam kết mạnh mẽ của Công ty trong việc xây dựng một mô hình kinh doanh bền vững, cân bằng giữa hoạt động kinh doanh và trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Song song với các hoạt động bảo vệ môi trường, Công ty luôn chú trọng đến trách nhiệm xã hội, coi đó là một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Công ty không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo chế độ phúc lợi tốt nhất cho người lao động, bao gồm bảo hiểm, đào tạo nâng cao kỹ năng và chính sách đãi ngộ phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tt)

T I C C O

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng xã hội như trao tặng học bổng cho các học sinh sinh viên nghèo vượt khó, các hoạt động hỗ trợ cựu chiến binh... Đặc biệt, trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều biến động, Công ty luôn duy trì các chính sách tuyển dụng ổn định, tạo cơ hội việc làm cho người lao động địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Hơn nữa, TICCO cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và bình đẳng, trong đó tôn trọng quyền lợi của tất cả người lao động. Với những nỗ lực không ngừng trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội, Công ty tiếp tục khẳng định vị thế là một doanh nghiệp uy tín, không chỉ phát triển mạnh mẽ về mặt kinh tế mà còn đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

Về cổ tức:

HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ mức cổ tức năm 2024 đạt 46%, cao hơn năm 2023 (43%). Trong đó, Công ty đã tạm ứng 20% bằng tiền mặt, phần còn lại sẽ được chi trả bằng tiền mặt (10%) và cổ phiếu (16%) sau khi được Đại hội thông qua. Đây là minh chứng cho cam kết của Công ty trong việc đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông.

Về hoạt động sản xuất và kinh doanh cốt lõi:

Kinh doanh bất động sản: Công ty tiếp tục tập trung phát triển các cụm công nghiệp và dân cư tại Tiền Giang, tận dụng lợi thế vị trí địa lý và nhu cầu thị trường.

Sản xuất bê tông: Doanh thu từ mảng bê tông tươi và bê tông đúc sẵn đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu, nhờ vào chất lượng sản phẩm ổn định và khả năng đáp ứng các dự án xây dựng lớn.

Thi công xây dựng: Hoạt động xây dựng được duy trì ở mức giới hạn, chủ yếu hỗ trợ các dự án bất động sản nội bộ, đảm bảo tối ưu hóa nguồn lực.

Về công tác quản trị doanh nghiệp:

HĐQT đã chú trọng nâng cao chất lượng quản trị thông qua:

Hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ: Rà soát và ban hành các quy định mới, đảm bảo phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định pháp luật liên quan.

Ứng dụng chuyển đổi số: Triển khai các giải pháp công nghệ trong quản lý dự án, tài chính và nhân sự, nâng cao hiệu quả vận hành.

Phát triển bền vững: Định hướng các chính sách cân bằng giữa lợi ích kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

Ngày 16/11/2024, Công ty đạt danh hiệu Top 5 Doanh nghiệp Quản trị Công ty tốt nhất (nhóm vốn hóa nhỏ) tại lễ trao giải Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết năm 2024, một sự kiện uy tín thường niên do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) tổ chức. Giải thưởng này ghi nhận những nỗ lực không ngừng của Công ty trong việc áp dụng các chuẩn mực quản trị hiện đại, minh bạch, góp phần nâng cao giá trị cho cổ đông, đối tác và khách hàng.

Về kế hoạch tăng vốn điều lệ:

Trong năm 2024, TICCO thực hiện tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ đã đăng ký: 229.578.960.000 đồng.
- Vốn điều lệ mới: 259.418.870.000 đồng.
- Thời điểm thay đổi vốn: 15/07/2024
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2023.

Về hoạt động quản trị, môi trường và phát triển bền vững:

HĐQT tiếp tục nâng cao quản trị doanh nghiệp và định hướng các chính sách phát triển bền vững. Rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp.

Đối với TICCO, sự phát triển của Công ty gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng xã hội. Vì vậy, Công ty luôn chủ động cập nhật và tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách liên quan đến môi trường và an sinh xã hội do cơ quan Nhà nước ban hành. Đồng thời, chủ động tổ chức và tham gia các hoạt động thiện nguyện, góp một phần công sức vào sự phát triển chung của cộng đồng. Kết thúc năm 2024, nhờ sự đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên, TICCO không vi phạm bất kỳ lỗi nào liên quan đến môi trường.

| HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN: | HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Các hoạt động hỗ trợ Công ty về tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2024;- Hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty về hoạch định công tác tài chính, nhân sự, tiền lương và chuyển đổi số;- Hỗ trợ phát triển dự án, hoạch định chiến lược nguồn vốn để thực hiện các dự án của Công ty;- Hoạch định kế hoạch tăng vốn và chiến lược phát triển các Công ty thành viên; | <ul style="list-style-type: none">- Thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch. Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động SXKD và các chỉ tiêu trên BCTC của các Công ty trong hệ thống TICCO.- Chủ trì công tác thẩm tra báo cáo quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành.- Xem xét tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cảnh báo rủi ro, phối hợp với các phòng ban chuyên môn để xuất, khuyến nghị những giải pháp xử lý, sửa đổi phù hợp.- Phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.- Tham vấn, góp ý công tác quản lý tài chính, nghiệp vụ kế toán, góp ý xây dựng các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.- Phối hợp với Kiểm toán độc lập trong công tác chứng kiến kiểm kê tài sản, nguyên vật liệu, thành phẩm, khối lượng dở dang 6 tháng và cả năm 2024. |
| <p>Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch. Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động SXKD và các chỉ tiêu trên BCTC của các Công ty trong hệ thống TICCO.- Chủ trì công tác thẩm tra báo cáo quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành. | |

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TICCO

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Năm qua, Công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc được thực hiện căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, thông qua các hoạt động sau:



Giám sát Ban Tổng giám đốc (Ban TGD)

Ban TGD đã triển khai hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

HĐQT thường xuyên tổ chức các buổi hội ý với Ban TGD để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, tiến độ dự án và xử lý các khó khăn phát sinh.

Công tác điều hành của Ban TGD tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ, thể hiện tính minh bạch và trách nhiệm cao.

Giám sát tài chính và kế toán

Hệ thống kế toán được tổ chức chặt chẽ, tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp. Các chứng từ, sổ sách được ghi chép và lưu trữ đầy đủ, đảm bảo tính chính xác và minh bạch.

Ban Kiểm toán nội bộ phối hợp với Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm kê tài sản, nguyên vật liệu, thành phẩm và khối lượng dở dang, phục vụ soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về chiến lược phát triển: Tiếp tục tập trung đầu tư vào lĩnh vực chính là kinh doanh bất động sản và hạ tầng cụm công nghiệp; sản xuất kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn. Duy trì lĩnh vực thi công xây dựng có giới hạn nhằm hỗ trợ cho lĩnh vực kinh doanh bất động sản và bê tông.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới đề ra kế hoạch định hướng phát triển Công ty cho giai đoạn từ 2023 – 2026 với các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu như sau:

- Doanh thu: tăng trưởng 10% hàng năm;
- Lợi nhuận sau thuế: 150 – 200 tỷ đồng/năm;
- Cổ tức: 40-50% hàng năm;
- Vốn điều lệ: đến năm 2026 đạt hơn 300 tỷ đồng;
- Giá trị đầu tư 2022-2026: hơn 3.000 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Doanh thu thuần hợp nhất: 1.976 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 160 tỷ đồng, phấn đấu 180 tỷ đồng;
- Tổng giá trị đầu tư: 498,4 tỷ đồng;
- Cổ tức: 40%.

Tiếp tục nâng cao công tác quản trị và phát triển bền vững: Công ty cam kết tiếp tục nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp và thực thi các chiến lược phát triển bền vững nhằm đảm bảo sự tăng trưởng lâu dài, ổn định. Trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị tiên tiến, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống quản lý, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong mọi hoạt động, đồng thời áp dụng các chính sách kiểm soát rủi ro hiệu quả để nâng cao khả năng thích ứng với những biến động của thị trường. Cụ thể, Công ty tập trung xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, góp phần tạo ra giá trị bền vững cho xã hội.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

T I C C O

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

01

Định hướng đầu tư:

Phát huy các lợi thế sẵn có của công ty để tăng doanh thu và lợi nhuận trên các mảng kinh doanh chủ yếu của công ty, đặc biệt là mảng kinh doanh Bất động sản và Bê tông. Xây dựng và quản lý chặt chẽ kế hoạch tài chính gắn liền với chiến lược phát triển của doanh nghiệp, phát triển công ty theo mô hình năng động, linh hoạt tập trung vào các ngành nghề cốt lõi, có lợi thế của TICCO. Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao. Tập trung củng cố phát triển mặt hàng chủ lực của Công ty, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường.

Từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có các định hướng đầu tư như sau:

- Về kinh doanh bất động sản: đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, văn phòng, kho xưởng cho thuê và bất động sản căn hộ .
- Về kinh doanh bê tông: sẵn sàng đầu tư thích đáng theo yêu cầu để mở rộng địa bàn, thị phần kinh doanh, tăng năng lực cung ứng và phát triển thêm sản phẩm mới. Xây dựng thêm nhà máy bê tông và các trạm bê tông vệ tinh.
- Về thi công xây dựng: duy trì củng cố trên nền tảng hiện hữu

02

Công tác quản trị và nhân sự:

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị và phát triển bền vững: Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất làm việc. Tiếp tục rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp. Tăng cường công tác quản trị và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ và Tiểu ban hỗ trợ phát triển
- Lựa chọn nhân sự có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách quy hoạch nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân sự kế thừa. Thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực gắn liền với đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động, xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, thực hiện các chính sách đãi ngộ nhân viên
- Tái cấu trúc bộ máy tổ chức Công ty tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động Công ty cổ phần và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường.

03

Công tác tài chính:

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý tài chính kế toán, nợ phải thu phải trả, củng cố hoàn thiện bộ máy kế toán để quản lý tốt nguồn vốn. Rà soát lại các nguồn vốn để xây dựng kế hoạch sử dụng vốn trong thời gian tới.

- Thường xuyên tiến hành phân tích hoạt động tài chính để đánh giá về thực trạng tài chính của Công ty. Thực hiện tốt việc tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí đầu vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ để tăng cường tính cạnh tranh của Công ty trên thị trường;

- Tăng cường việc mời gọi, huy động và tiếp cận các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, sử dụng hợp lý nguồn vốn đã được huy động và quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

- Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với các thông tin minh bạch, chính xác. Tái cấu trúc nguồn vốn hoạt động để đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty.

- Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất kinh doanh.

04

Công tác khác:

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và quan hệ lao động hài hòa: Tăng cường tính dân chủ thông qua các tổ chức chính quyền, Đảng, công đoàn và đoàn thanh niên nhằm xây dựng tinh thần đoàn kết, thống nhất trong Công ty. Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp gắn kết, tạo môi trường làm việc lành mạnh, hỗ trợ phát triển con người trong bối cảnh xã hội hiện đại.

- Chăm lo đời sống và phúc lợi người lao động: Quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân viên, tạo động lực làm việc thông qua các chính sách thi đua khen thưởng. Đảm bảo quyền lợi người lao động, đồng thời khuyến khích sự cống hiến và sáng tạo của mỗi cá nhân trong tập thể TICCO.

- Trách nhiệm xã hội và minh bạch trong kinh doanh: Lấy công tác xã hội làm cầu nối để doanh nghiệp chia sẻ và đồng hành cùng cộng đồng. TICCO thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng bằng tinh thần tương thân tương ái. Đồng thời, Công ty cam kết minh bạch hóa hoạt động kinh doanh, cập nhật thông tin thường xuyên để củng cố niềm tin của nhà đầu tư và đối tác.

- Tuân thủ các quy định môi trường: Đảm bảo các hoạt động đầu tư và kinh doanh tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và luật pháp về môi trường do Chính phủ ban hành, hướng tới phát triển bền vững.

- Minh bạch và tăng cường quan hệ với nhà đầu tư: Đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh, công bố thông tin đầy đủ và kịp thời nhằm củng cố niềm tin của nhà đầu tư. Thúc đẩy mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa doanh nghiệp và các cổ đông, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững .

- Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ: Xác định chuyển đổi số là chiến lược ưu tiên hàng đầu, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển lâu dài của Công ty. Tích cực đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ để tối ưu hóa vận hành, giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu suất làm việc. Thành lập Ban Chuyển đổi số TICCO (TICCO Digital) để theo dõi xu hướng, thử nghiệm và triển khai các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Liên tục nâng cao kỹ năng cho nhân viên, đặc biệt là khả năng phối hợp với công nghệ trong công việc. Đẩy mạnh phong trào tự học, lập quỹ khen thưởng nhằm khuyến khích tinh thần học tập và đổi mới sáng tạo trong toàn Công ty.

CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

119

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

136

BAN KIỂM SOÁT

138

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị công ty gồm 06 người, gồm:
Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, 02 Thành viên HĐQT và 02 Thành viên độc lập HĐQT.

1. Ông Trần Hoàng Huân - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa - Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Vũ Huy Giáp - Thành viên HĐQT điều hành
4. Bà Nguyễn Thị Hường - Thành viên HĐQT không điều hành
5. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang - Thành viên độc lập HĐQT
6. Ông Phạm Văn Hậu - Thành viên độc lập HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị được phân công, phân nhiệm rõ ràng, phụ trách quản trị, định hướng mảng hoạt động phù hợp với chuyên môn và kinh nghiệm quản trị của mình



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Tính đến ngày 31/12/2024

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng CP sở hữu* | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--------------------------|---------------------------------|---------------------|--------------|
| 1 | Ông Trần Hoàng Huân | Chủ tịch HĐQT | 1.194.036 | 4,60% |
| 2 | Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | Phó Chủ tịch HĐQT | 1.265.939 | 4,88% |
| 3 | Ông Vũ Huy Giáp | Thành viên HĐQT | 1.169.555 | 4,51% |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Hường | Thành viên HĐQT không điều hành | 954.475 | 3,68% |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Trúc Giang | Thành viên độc lập HĐQT | 40.090 | 0,15% |
| 6 | Ông Phạm Văn Hậu | Thành viên độc lập HĐQT | 88 | 0,00% |

*Dựa theo danh sách chốt ngày 16/12/2024



Ông TRẦN HOÀNG HUÂN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Thủy Nông

Giới tính Nam

Năm sinh 1969

Quốc tịch Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác: Không có



Ông NGUYỄN THANH NGHĨA

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Kinh tế học

Giới tính Nam

Năm sinh 1976

Quốc tịch Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



Ông VŨ HUY GIÁP

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Giới tính Nam

Năm sinh 1977

Quốc tịch Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác: Không có



Bà NGUYỄN THỊ HƯỜNG

Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Trình độ chuyên môn Cử nhân Sinh – KT Nông nghiệp

Giới tính Nữ

Năm sinh 1958

Quốc tịch Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác: Không có



Bà NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn Trung cấp kế toán

Giới tính Nữ

Năm sinh 1982

Quốc tịch Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác: Không có



Ông PHẠM VĂN HẬU

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ quản trị kinh doanh; Cử nhân kế toán

Giới tính Nam

Năm sinh 1987

Quốc tịch Việt Nam

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác:
- Giám đốc Tài chính – Công ty Cổ phần Xây dựng Gia Thy;

- Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghiệp – Thương mại Củ Chi;

- Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân.



THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Hội đồng Quản trị không có sự thay đổi nào trong năm 2024

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị có 2 tiểu ban trực thuộc bao gồm: Tiểu ban hỗ trợ phát triển và Ban kiểm toán nội bộ. Hoạt động của 2 tiểu ban trong năm 2024 như sau:

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

- Thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch. Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động SXKD và các chỉ tiêu trên BCTC của các Công ty trong hệ thống TICCO.
- Chủ trì công tác thẩm tra báo cáo quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành.
- Xem xét tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cảnh báo rủi ro, phối hợp với các phòng ban chuyên môn đề xuất, khuyến nghị những giải pháp xử lý, sửa đổi phù hợp.
- Phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.
- Tham vấn, góp ý công tác quản lý tài chính, nghiệp vụ kế toán, góp ý xây dựng các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- Phối hợp với Kiểm toán độc lập trong công tác chứng kiến kiểm kê tài sản, nguyên vật liệu, thành phẩm, khối lượng dở dang 6 tháng và cả năm 2024.

Hoạt động của Tiểu ban hỗ trợ phát triển:

- Các hoạt động hỗ trợ Công ty về tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2024;
- Hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty về hoạch định công tác tài chính, nhân sự, tiền lương và chuyển đổi số;
- Hỗ trợ phát triển dự án, hoạch định chiến lược nguồn vốn để thực hiện các dự án của Công ty;
- Hoạch định kế hoạch tăng vốn và chiến lược phát triển các Công ty thành viên;

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | THÀNH VIÊN HĐQT | CHỨC VỤ | SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ | TỶ LỆ THAM DỰ HỌP |
|-----|-----------------------|--------------------------------------|---|-------------------|
| 1 | Trần Hoàng Huân | Chủ tịch HĐQT | 26 | 100% |
| 2 | Nguyễn Thanh Nghĩa | Phó Chủ tịch HĐQT | 26 | 100% |
| 3 | Vũ Huy Giáp | Thành viên HĐQT | 26 | 100% |
| 4 | Nguyễn Thị Hường | Thành viên HĐQT (Không điều hành) | 26 | 100% |
| 5 | Nguyễn Thị Trúc Giang | Thành viên độc lập HĐQT | 26 (17 cuộc họp tham dự trực tiếp, 9 cuộc họp uỷ quyền) | 100% |
| 6 | Phạm Văn Hậu | Thành viên độc lập HĐQT | 26 | 100% |

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau

Hội đồng quản trị đã tổ chức 26 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|-----|---------------|------------|---|-----------------|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 | 100% |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Thông qua danh mục các nội dung dự kiến trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 | 100% |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Chốt danh sách Cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 | 100% |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền mặt cho cổ đông | 100% |
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Đầu tư thiết bị khuôn cọc ống D500 và D600 (L=15,4m), dàn quay li tâm cọc ống (L=14m), bộ dàn ép neo 40T và xe cầu bánh xích 150T tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | 100% |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư thiết bị khuôn cọc ống D500 và D600 (L=15,4m), dàn quay li tâm cọc ống (L=14m), bộ dàn ép neo 40T và xe cầu bánh xích 150T | 100% |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Điều chỉnh Nghị quyết số 78/HĐ-HĐQT ngày 29/11/2023 về việc đầu tư 5 xe chuyển trộn bê tông tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | 100% |
| 8 | 08/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Điều chỉnh Nghị quyết số 66/HĐ-HĐQT ngày 29/11/2023 về việc đầu tư 3 xe chuyển trộn bê tông tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 9 | 09/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Đầu tư 2 xe cầu bánh xích ≥ 150 tấn tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 10 | 10/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư thiết bị cầu bánh xích ≥ 150 tấn | 100% |
| 11 | 11/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Thông qua bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 12 | 12/NQ-HĐQT | 20/02/2024 | Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư Cụm công nghiệp Gia Thuận 2 | 100% |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TICCO

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau (tiếp theo)

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|-----|---------------|------------|--|-----------------|
| 13 | 13/NQ-HĐQT | 30/03/2024 | Đầu tư đường ray, cổng trục Super T, khuôn dầm, thiết bị trung chuyển tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 14 | 14/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư đường ray cổng trục L=206m, cổng trục khẩu độ 42m (50+50) tấn | 100% |
| 15 | 15/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư khuôn dầm cầu I33, T1240, T750, T550 | 100% |
| 16 | 16/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư đầu kéo, rơ moóc kéo dầm | 100% |
| 17 | 17/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư cầu trục dầm đôi (10+10) tấn, cột, dầm giằng, tol lót sàn | 100% |
| 18 | 18/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang | 100% |
| 19 | 19/NQ-HĐQT | 30/03/2024 | Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất dầm Super T - tại Gò Công (tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang) của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | 100% |
| 20 | 20/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất dầm Super T tại Gò Công | 100% |

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|-----|---------------|------------|---|-----------------|
| 21 | 21/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 | 100% |
| 22 | 22/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Điều chỉnh Nghị quyết số 76/HĐ-HĐQT ngày 29/11/2023 về việc đầu tư thiết bị thi công cọc ván bê tông dự ứng lực tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO | 100% |
| 23 | 23/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư Dự án đầu tư xưởng ống cống tại Nhà máy Bê tông Tân Phước | 100% |
| 24 | 24/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư Dự án đầu tư mở rộng xưởng sản xuất cọc vuông, gổi cống tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 25 | 25/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2023 | 100% |
| 26 | 26/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Thông qua Báo cáo của Ban kiểm toán nội bộ năm 2023 | 100% |
| 27 | 27/NQ-HĐQT | 01/04/2024 | Thông qua các Báo cáo đại diện quản lý vốn năm 2023 của các đơn vị thành viên | 100% |
| 28 | 27A/NQ-HĐQT | 11/04/2024 | Phê duyệt dự án Đường D7 và Khu dân cư hai bên đường | 100% |
| 29 | 27B/NQ-HĐQT | 23/04/2024 | Phê duyệt dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2 | 100% |
| 30 | 28/NQ-HĐQT | 25/04/2024 | Triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023 | 100% |
| 31 | 29/NQ-HĐQT | 25/04/2024 | Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 | 100% |
| 32 | 30/NQ-HĐQT | 25/04/2024 | Khen thưởng Người lao động công ty | 100% |
| 33 | 31/NQ-HĐQT | 25/04/2024 | Điều chỉnh Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT ngày 25/08/2023 về việc đầu tư đường ray, cổng trục và khuôn dầm Super T tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 34 | 32/NQ-HĐQT | 25/04/2024 | Điều chỉnh Nghị quyết số 68/NQ-HĐQT ngày 29/11/2023 về việc đầu tư thiết bị cầu trục Palant 25 tấn tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 35 | 33/NQ-HĐQT | 22/05/2024 | Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Trạm trộn bê tông tươi tại khu vực Bến Tre (Đổi mục tiêu dự án từ trạm trộn bê tông tươi sang kinh doanh vật liệu xây dựng) | 100% |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

T I C C O

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau (tiếp theo)

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|-----|---------------|------------|--|-----------------|
| 36 | 34/NQ-HĐQT | 04/06/2024 | Chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu | 100% |
| 37 | 35/NQ-HĐQT | 04/06/2024 | Chi trả cổ tức đợt cuối năm 2023 bằng tiền mặt | 100% |
| 38 | 36/NQ-HĐQT | 04/06/2024 | Điều chỉnh Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 13/03/2019 về việc thế chấp tài sản và ủy quyền vay vốn, thế chấp tại Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang | 100% |
| 39 | 36A/NQ-HĐQT | 04/06/2024 | Về tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO tại CCN Gia Thuận | 100% |
| 40 | 37/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện việc soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 | 100% |
| 41 | 38/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Đầu tư xưởng sản xuất Dầm cầu I33 - Phân xưởng 2 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 42 | 39/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Đầu tư thiết bị sản xuất dầm cầu Super T tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 43 | 40/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Đầu tư Trạm trộn bê tông - Trạm 4 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 44 | 41/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư thiết bị sản xuất dầm cầu I33-PX2 | 100% |
| 45 | 42/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư thiết bị sản xuất dầm cầu Super T | 100% |
| 46 | 43/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Đầu tư bộ đúc và khuôn dầm cầu I33-PX1 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 47 | 44/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư bộ đúc và khuôn dầm cầu I33-PX1 | 100% |

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|-----|---------------|------------|---|-----------------|
| 48 | 45/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Đầu tư (bổ sung) thiết bị phục vụ sản xuất dầm Super T tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | 100% |
| 49 | 46/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất dầm I33 tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | 100% |
| 50 | 47/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất dầm Super T tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang | 100% |
| 51 | 48/NQ-HĐQT | 24/06/2024 | Điều chỉnh Nghị quyết số 74/NQ-HĐQT ngày 29/11/2023 về việc đầu tư mở rộng sản xuất dầm cầu I33 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 52 | 49/NQ-HĐQT | 25/06/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư Trạm trộn bê tông | 100% |
| 53 | 50/NQ-HĐQT | 26/06/2024 | Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Tổng Giám đốc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tiền Giang | 100% |
| 54 | 51/NQ-HĐQT | 27/06/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank - TG) để đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất dầm I33 tại xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang | 100% |
| 55 | 52/NQ-HĐQT | 12/07/2024 | Điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư DA CCN Gia Thuận 2 | 100% |
| 56 | 53/NQ-HĐQT | 15/07/2024 | Tăng vốn điều lệ Công ty sau khi kết thúc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023 | 100% |
| 57 | 54/NQ-HĐQT | 15/07/2024 | Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 15 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang | 100% |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

T I C C O

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau (tiếp theo)

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|-----|---------------|------------|--|-----------------|
| 58 | 55/NQ-HĐQT | 22/07/2024 | Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Trạm trộn bê tông tươi tại Khu vực Bến Tre (Đổi mục tiêu dự án từ Trạm trộn bê tông tươi sang kinh doanh Vật liệu xây dựng) | 100% |
| 59 | 56/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2024 và định hướng đến cuối năm 2024 của Ban Kiểm toán nội bộ | 100% |
| 60 | 57/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư xây dựng các dự án tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang | 100% |
| 61 | 58/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư 01 xe vận chuyển vật liệu tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | 100% |
| 62 | 59/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư xây dựng các dự án tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 63 | 60/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Định biên nhân sự gián tiếp và kinh doanh | 100% |
| 64 | 61/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Bổ sung chức danh trong cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty | 100% |
| 65 | 62/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Phê duyệt đầu tư Xưởng Bê tông TICCO Gia Thuận | 100% |
| 66 | 63/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Phê duyệt đầu tư xe ô tô cầu bánh lốp, rơmooc kéo dầm tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 67 | 64/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO không thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất | 100% |
| 68 | 65/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước không thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất | 100% |
| 69 | 66/NQ-HĐQT | 05/08/2024 | Phê duyệt đầu tư xe ô tô cầu bánh xích 150 tấn tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | 100% |
| 70 | 67/NQ-HĐQT | 06/08/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (BIDV-TG) để đầu tư dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 2 | 100% |
| 71 | 68/NQ-HĐQT | 06/08/2024 | Tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc | 100% |

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|-----|---------------|------------|--|-----------------|
| 72 | 69/NQ-HĐQT | 06/08/2024 | Tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc | 100% |
| 73 | 70/NQ-HĐQT | 06/08/2024 | Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tiền Giang (MBBank-TG) | 100% |
| 74 | 71/NQ-HĐQT | 06/08/2024 | Thông qua phương án thực hiện bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ thực hiện dự án Đường và Khu dân cư hai bên đường Vành đai phía Đông - Đoạn 1 và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện thủ tục bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tiền Giang (MBBank-TG) | 100% |
| 75 | 72/NQ-HĐQT | 07/08/2024 | Thông qua vay vốn và phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank - TG) | 100% |
| 76 | 73/NQ-HĐQT | 07/08/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank - TG) để đầu tư xe ô tô cầu bánh lốp, rơmooc kéo dầm | 100% |
| 77 | 74/NQ-HĐQT | 07/08/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank-TG) để đầu tư xe cầu bánh xích 150 tấn | 100% |
| 78 | 75/NQ-HĐQT | 07/08/2024 | Thanh lý thiết bị tại Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO | 100% |
| 79 | 76/NQ-HĐQT | 07/08/2024 | Thông qua cải tạo sửa chữa nhà nghỉ công nhân thành văn phòng cho thuê tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 80 | 77/NQ-HĐQT | 07/08/2024 | Thông qua trang bị phần mềm MISA cho các đơn vị trong hệ thống TICCO | 100% |
| 81 | 78/NQ-HĐQT | 07/08/2024 | Thông qua trang bị thang máy dự phòng tại tòa nhà Văn phòng TICCO | 100% |
| 82 | 79/NQ-HĐQT | 07/08/2024 | Giao Ban kiểm toán nội bộ kiểm tra hoạt động tài chính của Công Đoàn | 100% |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

T I C C O

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau (tiếp theo)

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|-----|---------------|------------|---|-----------------|
| 83 | 80/NQ-HĐQT | 16/08/2024 | Thông qua việc ký hợp đồng với Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (BIDV-TG) về việc cho thuê nhà ở, công trình xây dựng tại ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, Tiền Giang | 100% |
| 84 | 81/NQ-HĐQT | 23/08/2024 | Ủy quyền cho Tổng giám đốc thế chấp tài sản để đảm bảo cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tiền Giang (BIDV-TG) | 100% |
| 85 | 82/NQ-HĐQT | 06/09/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank-TG) để đầu tư thiết bị sản xuất dầm cầu Super T | 100% |
| 86 | 83/NQ-HĐQT | 06/09/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank-TG) để đầu tư thiết bị sản xuất dầm cầu I33-PX2 | 100% |
| 87 | 84/NQ-HĐQT | 30/10/2024 | Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO vay vốn, bảo lãnh, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tiền Giang (BIDV-TG) | 100% |
| 88 | 85/NQ-HĐQT | 01/11/2024 | Đầu tư 03 xe chuyển trộn bê tông tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 89 | 86/NQ-HĐQT | 01/11/2024 | Điều chuyển tài sản cố định từ Công ty Mẹ về Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | 100% |
| 90 | 87/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền mặt cho Cổ đông | 100% |
| 91 | 88/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 92 | 89/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua phê duyệt tiền lương và thù lao cán bộ quản lý Công ty | 100% |
| 93 | 90/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư xây dựng các dự án tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 94 | 91/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua việc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đầu tư thiết bị sản xuất cọc ván W300-W600 (2 line; L=72m/line) tại Xưởng Bê tông TICCO Gia Thuận | 100% |

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|-----|---------------|------------|---|-----------------|
| 95 | 92/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua việc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đầu tư 05 xe ô tô tải tự đổ 10m3 | 100% |
| 96 | 93/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đầu tư 05 xe ô tô tự đổ 10m3 | 100% |
| 97 | 94/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Vietcombank-TG) để đầu tư 03 xe chuyển trộn bê tông | 100% |
| 98 | 95/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Xưởng Bê tông TICCO Gia Thuận | 100% |
| 99 | 96/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua việc đầu tư 01 xe ô tô con 07 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | 100% |
| 100 | 97/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua việc đầu tư 01 xe ô tô con 07 chỗ phục vụ sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | 100% |
| 101 | 98/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tiền Giang (Vietcombank-TG) để đầu tư xe ô tô 07 chỗ | 100% |
| 102 | 99/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua chủ trương cho Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO đầu tư 01 lô đất nhà liên kế tại dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường làm văn phòng làm việc | 100% |
| 103 | 100/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Phê duyệt cho Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO đầu tư 01 lô đất nhà liên kế tại dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường làm văn phòng làm việc | 100% |
| 104 | 101/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại BIDV - CN Tiền Giang | 100% |
| 105 | 102/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại BIDV - CN Tiền Giang | 100% |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

T I C C O

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau (tiếp theo)

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|-----|---------------|------------|---|-----------------|
| 106 | 103/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua việc vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tiền Giang (BIDV-TG) để đầu tư xe ô tô 07 chỗ | 100% |
| 107 | 104/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua phương án vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tiền Giang (BIDV-TG) để đầu tư thiết bị sản xuất cọc ván W300-W600 (2 line; L=72m/line) | 100% |
| 108 | 105/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Tổng Giám Đốc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tiền Giang (BIDV-TG) | 100% |
| 109 | 106/NQ-HĐQT | 22/11/2024 | Phê duyệt đơn giá thuê quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO đối với 03 lô D1; D2; D3 tại CCN Gia Thuận 1 | 100% |
| 110 | 107/NQ-HĐQT | 05/12/2024 | Thanh lý thiết bị xe chuyển trộn tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | 100% |
| 111 | 108/NQ-HĐQT | 27/12/2024 | Thông qua giao dịch với Người có liên quan của Người nội bộ Công ty về Hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất tại dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường. | 100% |
| 112 | 109/NQ-HĐQT | 27/12/2024 | Thông qua giao dịch với Người có liên quan của Người nội bộ Công ty về Hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất tại dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường. | 100% |

Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Trong năm 2024, các Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao phó; Tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề cần sự quyết định của Hội đồng quản trị; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động theo phân công công việc của Hội đồng quản trị. Về công tác đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2024, Thành viên Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đầy đủ các quy định đối với công ty đại chúng.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp mở rộng theo đúng quy định của Điều lệ. Các nội dung cuộc họp được các thành viên Hội đồng quản trị thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những quyết định, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Biên bản các cuộc họp được lập đầy đủ, chi tiết và rõ ràng có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

- Các vấn đề liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh, hoạt động của doanh nghiệp và xây dựng hệ thống quản lý đã được Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.

- Các quyết định của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị giữ chức danh Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban điều hành; kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị những kết quả đạt được cũng như những khó khăn vướng mắc, qua đó giúp Hội đồng quản trị nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có



Danh sách Ban Kiểm soát



Ông NGUYỄN TIẾN NHÂN

Trưởng Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------------|-----------------|
| Số cổ phiếu sở hữu | 10.040 |
| Tỷ lệ sở hữu | 0,04% |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Kế toán |



Bà ĐOÀN THỊ HỒNG CẨM

Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------------|-----------------|
| Số cổ phiếu sở hữu | 30.010 |
| Tỷ lệ sở hữu | 0,12% |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế |



Bà NGUYỄN KIỀU DIỄM TRANG

Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------------|-----------------------------|
| Số cổ phiếu sở hữu | 10.188 |
| Tỷ lệ sở hữu | 0,04% |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Quản trị kinh doanh |

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024:

Danh sách thay đổi thành viên Ban kiểm soát trong năm: Không có

Các cuộc họp Ban kiểm soát: Trong năm 2024, Ban Kiểm soát tổ chức 3 cuộc họp, các thành viên đều tham gia đầy đủ, không có thành viên nào vắng mặt.

Về công tác giám sát và phối hợp của Ban Kiểm soát trong năm 2024

01

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty và quy định nội bộ trong việc ban hành và triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Giám sát công ty trong việc tuân thủ theo các quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

02

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Phối hợp Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.
- Thẩm định tính hợp pháp, tính trung thực trong việc lập và trình bày các nội dung trong báo cáo tài chính của công ty.
- Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty về việc cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu các cuộc họp, Nghị quyết, quyết định của HĐQT; Báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua đó Ban kiểm soát luôn bám sát kịp thời các thông tin trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: đồng/năm

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC DANH | TỔNG THÙ LAO | TỔNG LƯƠNG VÀ THU NHẬP KHÁC |
|------------|--------------------------|-------------------|----------------------|-----------------------------|
| I | Hội đồng quản trị | | 1.749.970.260 | 892.000.000 |
| 1 | Trần Hoàng Huân | Chủ tịch HĐQT | 291.661.710 | 694.000.000 |
| 2 | Vũ Huy Giáp | Thành viên HĐQT | 291.661.710 | - |
| 3 | Nguyễn Thanh Nghĩa | Thành viên HĐQT | 291.661.710 | - |
| 4 | Nguyễn Thị Hường | Thành viên HĐQT | 291.661.710 | 50.000.000 |
| 5 | Phạm Văn Hậu | Thành viên HĐQT | 291.661.710 | 50.000.000 |
| 6 | Nguyễn Thị Trúc Giang | Thành viên HĐQT | 291.661.710 | 98.000.000 |
| II | Ban Kiểm soát | | 300.000.000 | 684.096.334 |
| 1 | Nguyễn Tiến Nhân | Trưởng BKS | 108.000.000 | 338.542.293 |
| 2 | Nguyễn Kiều Diễm Trang | Thành viên BKS | 96.000.000 | 219.976.959 |
| 3 | Đoàn Thị Hồng Cẩm | Thành viên BKS | 96.000.000 | 125.577.082 |
| III | Ban Tổng giám đốc | | 2.538.461.000 | 771.749.850 |
| 1 | Vũ Huy Giáp | Tổng giám đốc | 524.750.000 | 149.900.000 |
| 2 | Nguyễn Thanh Nghĩa | Phó Tổng giám đốc | 469.250.000 | 138.700.000 |
| 3 | Nguyễn Hữu Hiệp | Phó Tổng giám đốc | 409.250.000 | 127.700.000 |
| 4 | Nguyễn Hoài Bắc | Phó Tổng giám đốc | 404.250.000 | 115.135.000 |
| 5 | Nguyễn Ngọc Hùng | Phó Tổng giám đốc | 403.023.500 | 134.577.350 |
| 6 | Huỳnh Thị Mỹ Hương | Kế toán trưởng | 327.937.500 | 105.737.500 |

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Kể từ khi tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2011, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán ban hành và thông lệ quốc tế để triển khai và áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty. Cụ thể, Công ty có chọn lọc ra một số các thông lệ tốt của quốc tế để ứng dụng vào Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo của Công ty như tính minh bạch trong giao dịch với các bên liên quan, ban hành quy tắc đạo đức kinh doanh và nghiêm túc tuân thủ. Đồng thời, Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các chương trình tập huấn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để nâng cao hiệu quả quản trị. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo đúng hướng dẫn của các quy định hiện hành.

Về mặt công bố thông tin, Công ty đảm bảo các số liệu báo cáo, thống kê cung cấp cho các bên liên quan là chính xác và hoàn toàn trung thực. Công ty thường xuyên cập nhật quá trình hoạt động và các sự kiện quan trọng thông qua website tại mục Quan hệ cổ đông và tuân thủ các yêu cầu về công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông qua hệ thống công bố thông tin của SSC (IDS) và HOSE (ECM).

Công ty cam kết cung cấp sản phẩm và dịch vụ đáp ứng kỳ vọng về chất lượng, đồng thời mang lại giá trị tốt đẹp hơn cho cuộc sống. Chúng tôi tuân thủ Luật Cạnh tranh, không tham gia hay ủng hộ các hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh. Công ty luôn tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, không thực hiện hay ủng hộ những hành vi có thể gây tổn hại đến lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng. Trong quan hệ với các nhà cung cấp, TICCO đảm bảo sự công bằng, minh bạch, tạo dựng niềm tin và hướng tới hợp tác bền vững.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

TICCO

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------|-----------------------------------|--|---|---------------------------------|-------------------------------------|---|---|
| I | Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | Công ty con | Giấy CNĐKDN số 1200656249 đăng ký thay đổi lần 13 ngày 04/07/2022 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang | Lô 1-6 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang | | | | |
| | Giao dịch bán | | | | | | 78.063.426.319 | |
| | | | | | 27/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê thiết bị 860.844.139 | Hợp đồng số 01/HĐ2024/TICCO ngày 01/01/2024 |
| | | | | | 27/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê thiết bị 853.910.648 | Hợp đồng số 02/HĐ2021/TICCO ngày 01/10/2021 |
| | | | | | 27/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê thiết bị 846.968.131 | Hợp đồng số 04/HĐTĐ.GT1.TICCO và PL số 01 ngày 22/11/2024 |
| | | | | | 05/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê thiết bị 1.488.879.660 | Hợp đồng số 01A/HĐTĐ/2024 ngày 01/01/2024 |
| | | | | | 04/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Thuê đất 37.062.675.000 | Hợp đồng số 01C/HĐTĐ/2024 ngày 01/01/2024 |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Thuê đất 73.636.364 | Hợp đồng số 01/HĐMB2024/TICCO ngày 01/11/2024 |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Thuê đất 13.639.091 | Lợi nhuận chuyển về 5.133.405.591 |
| | | | | | 29/11/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Thanh lý tài sản cố định 9.288.905.854 | Lợi nhuận chuyển về 5.950.375.977 |
| | | | | | 31/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 5.133.405.591 | Lợi nhuận chuyển về 7.128.457.169 |
| | | | | | 30/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 5.950.375.977 | Lợi nhuận chuyển về 9.361.728.695 |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 7.128.457.169 | |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 9.361.728.695 | |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

T I C C O

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ | |
|----------------------|--|-----------------------------------|--|---|---------------------------------|-------------------------------------|---|----------------|---|
| <i>Giao dịch mua</i> | | | | | | | 284.280.000 | | |
| | | | | | 31/01/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Mua vật tư | 284.280.000 | |
| II | Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | Công ty con | Giấy CNĐKDN số 1201602574 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 4/7/2022 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang | Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang | | | | | |
| <i>Giao dịch bán</i> | | | | | | | 38.043.836.447 | | |
| | | | | | 31/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về | 6.040.690.940 | |
| | | | | | 30/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về | 9.469.616.555 | |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về | 12.110.631.418 | |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về | 10.422.897.534 | |
| <i>Giao dịch mua</i> | | | | | | | 70.642.273 | | |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Thuê dịch vụ | 36.727.273 | Hợp đồng thuê dịch vụ số 19-08/2024 ngày 19/08/2024 |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Thuê dịch vụ | 33.915.000 | |
| III | Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO | Công ty con | Giấy CNĐKDN số 1200683404 đăng ký thay đổi lần 13 ngày 06/06/2023 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang | Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang | | | | | |
| <i>Giao dịch bán</i> | | | | | | | 3.523.199.379 | | |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

T I C C O

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ | |
|-----|----------------------|-----------------------------------|------------------------------------|--|---------------------------------|-------------------------------------|--|---|--|
| | | | | | 29/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước 11.294.538 | | |
| | | | | | 18/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước 14.888.837 | | |
| | | | | | 24/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước 11.802.104 | | |
| | | | | | 13/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước 11.752.010 | Hợp đồng số 44/HĐCTKO.TICCO ngày 01/04/2022 | |
| | | | | | 10/01/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 36.818.182 | | |
| | | | | | 27/04/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 36.818.182 | | |
| | | | | | 30/07/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 36.818.182 | | |
| | | | | | 23/10/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 36.818.182 | | |
| | | | | | 26/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Phí chi hộ 12.973.485 | | |
| | | | | | 30/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Phí chi hộ 13.215.677 | | |
| | | | | | 05/01/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cổ tức được chia bằng tiền 1.100.000.000 | | |
| | | | | | 24/04/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cổ tức được chia bằng tiền 2.200.000.000 | | |
| | Giao dịch mua | | | | | | | 203.371.876.717 | |
| | | | | | 28/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 5.115.445.370 | | |
| | | | | | 27/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 3.718.700.926 | Hợp đồng số 31/HĐ-XD/2022 ngày 26/10/2022 | |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 10.592.733.333 | | |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

TICCO

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ |
|-----|----------------------|-----------------------------------|------------------------------------|--|---------------------------------|-------------------------------------|---|---|
| | | | | | 18/11/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 111.388.889 | |
| | | | | | 05/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.435.057.273 | Hợp đồng số 31/HĐ-XD/2022 ngày 26/10/2022 |
| | | | | | 05/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.985.062.963 | |
| | | | | | 31/10/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 8.629.906.481 | |
| | | | | | 12/01/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 7.975.319.444 | |
| | | | | | 28/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 5.438.200.000 | |
| | | | | | 08/10/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 4.829.995.370 | Hợp đồng số 07/HĐ-XD/2023 ký ngày 22/5/2023 |
| | | | | | 17/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 5.139.042.593 | |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 5.156.711.111 | |
| | | | | | 24/02/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 2.610.738.889 | |
| | | | | | 29/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 4.896.920.370 | Hợp đồng số 11/HĐ-XD/2023 ngày 19/09/2023 |
| | | | | | 11/11/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 2.154.365.741 | |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

T I C C O

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ |
|-----|----------------------|-----------------------------------|------------------------------------|--|---------------------------------|-------------------------------------|---|---|
| | | | | | 11/11/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 4.739.150.000 | Hợp đồng số 11/HĐ-XD/2023 ngày 19/09/2023 |
| | | | | | 15/04/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.117.273.148 | Hợp đồng số 02/HĐ-XD/2024 ngày 14/03/2024 |
| | | | | | 25/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.091.818.519 | |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 187.239.815 | HĐ số 02A/HĐ-XD/2023 ngày 20/03/2024 |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 609.090.741 | HĐ số 02/HĐ-XD/2024 ngày 14/03/2024 |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 2.370.000.000 | HĐ số 09/HĐ-XD/2024 ngày 19/07/2024 |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.454.545.370 | HĐ số 09/HĐ-XD/2024 ngày 19/07/2024 |
| | | | | | 09/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.811.818.519 | Hợp đồng số 09/HĐ-XD/2024 ngày 19/07/2024 |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.217.273.149 | Hợp đồng số 04/HĐ-XD/2024 ngày 16/04/2024 |
| | | | | | 09/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 469.090.741 | |
| | | | | | 27/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 11.094.300.926 | Hợp đồng số 08/HĐ-XD/2024 ngày 06/06/2024 |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 22.668.408.333 | |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

TICCO

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ |
|-----|--|-----------------------------------|---|---|---------------------------------|-------------------------------------|---|---|
| | | | | | 21/11/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 8.374.625.000 | Hợp đồng số 08/HĐ-XD/2024 ngày 06/06/2024 |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 13.937.273.148 | |
| | | | | | 30/10/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 18.566.363.889 | Hợp đồng số 13/HĐ-XD/2024 ngày 09/09/2024 |
| | | | | | 28/11/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 25.970.909.259 | |
| | | | | | 30/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 11.840.909.259 | |
| | | | | | 17/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.177.488.889 | |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 3.893.325.000 | Hợp đồng số 06/HĐ-XD/2024 ngày 04/06/2024 |
| | | | | | 22/10/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 991.384.259 | |
| IV | Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO | Công ty con | Giấy CNĐKDN số 1201534074 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 05/01/2023 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang | Số 490, Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang | | | | |
| | Giao dịch bán | | | | | | 6.443.957.832 | |
| | | | | | 29/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Phí chi hộ 34.301.147 | |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

TICCO

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ |
|----------------------|----------------------|-----------------------------------|------------------------------------|--|---------------------------------|-------------------------------------|---|---|
| | | | | | 26/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Phí chi hộ 26.027.110 | |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Phí chi hộ 61.944.151 | |
| | | | | | 30/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Phí chi hộ 91.703.057 | |
| | | | | | 29/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước 7.355.278 | |
| | | | | | 18/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước 9.474.088 | |
| | | | | | 24/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước 8.288.612 | |
| | | | | | 13/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước 8.344.762 | Hợp đồng số 45/HDCTKO.TICCO ngày 01/04/2022 |
| | | | | | 10/01/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 17.727.273 | |
| | | | | | 27/04/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 17.727.273 | |
| | | | | | 30/07/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 17.727.273 | |
| | | | | | 23/10/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 17.727.273 | |
| | | | | | 31/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 1.023.820.756 | |
| | | | | | 30/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 579.022.902 | |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 2.309.715.243 | |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 2.213.051.634 | |
| Giao dịch mua | | | | | | | 61.002.330.440 | |
| | | | | | 19/02/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.778.191.667 | Hợp đồng số 11/HĐ-XD/2022 ngày 11/8/2022 |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

T I C C O

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ |
|-----|----------------------|-----------------------------------|------------------------------------|--|---------------------------------|-------------------------------------|--|---|
| | | | | | 19/02/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.778.191.667 | Hợp đồng số 11/ HĐ-XD/2022 ngày 11/8/2022 |
| | | | | | 30/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.556.212.963 | |
| | | | | | 31/01/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.122.871.296 | |
| | | | | | 16/05/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 929.377.778 | Hợp đồng số 23/ HĐ-XD/2022 ngày 23/09/2022 |
| | | | | | 29/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.010.237.963 | |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.809.762.963 | |
| | | | | | 29/02/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 2.303.988.889 | |
| | | | | | 28/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 2.777.101.852 | Hợp đồng số 02-12/ HĐ-XD/2023 ngày 02/12/2023 |
| | | | | | 31/05/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.736.022.222 | |
| | | | | | 28/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 3.315.721.296 | |
| | | | | | 08/05/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 2.093.684.259 | Hợp đồng số 13-1/ HĐ-XD/2024 ngày 13/01/2024 |
| | | | | | 29/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 2.892.639.815 | |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

T I C C O

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ |
|-----|----------------------|-----------------------------------|------------------------------------|--|---------------------------------|-------------------------------------|--|---|
| | | | | | 31/07/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 762.893.519 | Hợp đồng số 13-1/HĐ-XD/2024 ngày 13/01/2024 |
| | | | | | 16/04/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 463.249.074 | Hợp đồng số 25-11/HĐ-XD/2022 ký ngày 25/11/2022 |
| | | | | | 25/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.926.077.778 | |
| | | | | | 13/08/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 958.143.519 | Hợp đồng số 3-2A/HĐ-XD/2024 ngày 03/02/2024 |
| | | | | | 31/10/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 694.019.444 | |
| | | | | | 13/08/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 2.905.691.667 | |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 2.365.648.148 | Hợp đồng số 7-5/HĐ-XD/2024 ngày 07/05/2024 |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 1.655.393.519 | |
| | | | | | 19/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 2.287.555.556 | Hợp đồng số 25-9/HĐ-XD/2024 ngày 25/09/2024 |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 22.420.330.556 | Hợp đồng số 27-8/HĐ-XD/2024 ngày 27/08/2024 |
| | | | | | 25/11/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 640.000.000 | |
| | | | | | 30/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 160.000.000 | Hợp đồng số 10/2024/HĐ-TVGS ngày 06/06/2024 |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

TICCO

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ | |
|-----|--|-----------------------------------|--|--|---------------------------------|-------------------------------------|---|---|--|
| | | | | | 25/11/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 280.525.000 | Hợp đồng số 14/2024/HĐ-TVGS ngày 09/09/2024 | |
| | | | | | 24/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu 225.183.333 | Hợp đồng số 14/2024/HĐ-TVGS ngày 09/09/2024 | |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Nhận giá trị công trình nghiệm thu (68.193.636) | | |
| V | Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO | Công ty con | Giấy CNĐKDN số 1201640114 đăng ký thay đổi lần 02 ngày 11/01/2023 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang | Số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang | | | | | |
| | Giao dịch bán | | | | | | | 1.232.274.439 | |
| | | | | | 31/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 307.928.286 | | |
| | | | | | 30/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 303.977.124 | | |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 313.643.100 | | |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lợi nhuận chuyển về 306.725.929 | | |
| | Giao dịch mua | | | | | | | 1.169.030.834 | |
| | | | | | 31/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lãi vay 388.254.766 | | |
| | | | | | 30/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lãi vay 388.254.766 | Hợp đồng cho vay ngày 02/04/2021 | |
| | | | | | 30/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lãi vay 392.521.302 | | |
| | | | | | 31/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Lãi vay 392,521,302 | | |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

TICCO

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ | |
|------|--|-----------------------------------|--|---|---------------------------------|-------------------------------------|---|--------------------|---------------------------------|
| VI | Công ty TNHH MTV Cơ Khí Công Trình TICCO | Công ty con cấp 2 | Giấy CNĐKDN số 1201534099 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 16/11/2022 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang | Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang | | | Giao dịch bán | 7.260.608 | |
| | | | | | 26/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Phí chi hộ | 7.260.608 | |
| | | | | | | | Giao dịch mua | | |
| VII | Công ty TNHH MTV Cọc TICCO | Công ty con cấp 2 | Giấy CNĐKDN số 1201537131 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 29/09/2022 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang | Lô 1 - 6 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang | | | Giao dịch bán | 391.426.027 | |
| | | | | | 22/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê thiết bị | 132.857.876 | |
| | | | | | 26/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê thiết bị | 130.476.370 | 07/HĐ2019/TICCO ngày 01/10/2019 |
| | | | | | 26/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê thiết bị | 128.091.781 | |
| VIII | Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO | Công ty con cấp 2 | Giấy CNĐKDN số 1201577198 đăng ký thay đổi lần 4 ngày 04/01/2023 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang | Số 490, Đình Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang | | | Giao dịch bán | 120.456.953 | |
| | | | | | 29/03/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước | 3.056.931 | |
| | | | | | 18/06/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước | 3.459.418 | |

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

T I C C O

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN | MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY | SỐ GIẤY NSH, NGÀY CẤP, NƠI CẤP NSH | ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC | THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY | SỐ NQ/ QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA | NỘI DUNG, TỔNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (đồng) | GHI CHÚ |
|-----|------------------------|---|------------------------------------|--|---------------------------------|--|--|--|
| | | | | | 24/09/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước 2.316.389 | |
| | | | | | 13/12/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Tiền điện nước 2.533.307 | |
| | | | | | 22/02/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 27.272.727 | |
| | | | | | 27/04/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 27.272.727 | |
| | | | | | 30/07/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 27.272.727 | |
| | | | | | 23/10/2024 | 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2024 | Cho thuê kiốt 27.272.727 | |
| IX | Bà Phạm Thị Tuyết Dung | Người liên quan của người nội bộ là Ông Vũ Huy Giáp - Tổng giám đốc Công ty | | | 31/12/2024 | Nghị quyết HĐQT số 108/NQ-HĐQT ngày 27/12/2024 | Quyền sử dụng đất dự án D7 4.409.131.850 | Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản số 25/HĐCN.D7.TICCO ngày 27/12/2024 |

CHƯƠNG VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

171

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

172

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2024



MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| 1. Thông tin chung | 1 - 2 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 6 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 10 - 11 |
| 7. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất | 12 - 58 |

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 01 năm 2004. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1200526842, điều chỉnh gần nhất là lần thứ 22 cấp ngày 19 tháng 7 năm 2024, đăng ký tăng vốn điều lệ lên 259.418.870.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có năm (05) công ty con trực tiếp, ba (03) công ty con gián tiếp, một (01) công ty liên kết, hai (02) chi nhánh và một (01) văn phòng đại diện.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh bê tông; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị; quản lý khai thác và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng thủy lực.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại : 0273 387 28 78

Fax : 0273 385 05 97

Website : <http://ticco.com.vn>

Mã số thuế : 1 2 0 0 5 2 6 8 4 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|--------------------------|--------------|
| Ông Trần Hoàng Hoàn | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | Phó Chủ tịch |
| Ông Vũ Huy Giáp | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Trúc Giang | Thành viên |
| Ông Phạm Văn Hậu | Thành viên |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|---------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Tiến Nhân | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Kiều Diễm Trang | Thành viên |
| Bà Đoàn Thị Hồng Cẩm | Thành viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|------------------------|-------------------|
| Ông Vũ Huy Giáp | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hoài Bắc | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Hùng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hữu Hiệp | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | Phó Tổng Giám đốc |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|---------------------|----------------------------|
| Ông Trần Hoàng Hoàn | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông Vũ Huy Giáp | Tổng Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Huy Giáp
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2025



Số: 075/2024/BCTCHN-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2662-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Hữu Thắng - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2818-2025-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.554.502.291.208 | 1.312.952.120.171 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 298.868.464.516 | 216.604.276.306 |
| 1 Tiền | 111 | | 122.784.137.166 | 103.154.573.645 |
| 2 Các khoản tương đương tiền | 112 | | 176.084.327.350 | 113.449.702.661 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 54.148.597.725 | 65.919.531.576 |
| 1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5 | 54.148.597.725 | 65.919.531.576 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 319.793.954.030 | 287.482.141.337 |
| 1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 267.138.637.206 | 264.860.199.951 |
| 2 Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 17.510.505.127 | 5.649.588.625 |
| 3 Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 74.991.333.769 | 52.310.771.039 |
| 4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (39.846.522.072) | (35.338.418.278) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10 | 857.581.215.586 | 730.160.294.207 |
| 1 Hàng tồn kho | 141 | | 857.948.656.168 | 730.527.734.789 |
| 2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (367.440.582) | (367.440.582) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 24.110.059.351 | 12.785.876.745 |
| 1 Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 17 | 63.322.436 | 216.738.841 |
| 2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 19.185.329.081 | 8.624.808.532 |
| 3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 20 | 4.861.407.834 | 3.944.329.372 |

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 627.241.191.253 | 539.277.979.161 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 330.945.615 | 330.945.615 |
| 1 Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 330.945.615 | 330.945.615 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 327.101.558.982 | 305.205.719.012 |
| 1 Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 294.298.704.732 | 271.340.345.330 |
| - Nguyên giá | 222 | | 757.439.129.451 | 699.472.728.910 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (463.140.424.719) | (428.132.383.580) |
| 2 Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 32.802.854.250 | 33.865.373.682 |
| - Nguyên giá | 228 | | 38.976.911.419 | 38.976.911.419 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (6.174.057.169) | (5.111.537.737) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 13 | 17.638.133.858 | 19.209.829.922 |
| - Nguyên giá | 231 | | 26.578.276.576 | 26.578.276.576 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (8.940.142.718) | (7.368.446.654) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 270.510.668.449 | 204.544.739.875 |
| 1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 14 | 270.510.668.449 | 204.544.739.875 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 16 | 360.374.165 | 368.501.505 |
| 1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 360.374.165 | 368.501.505 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 11.299.510.184 | 9.618.243.232 |
| 1 Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 17 | 4.440.394.997 | 4.393.695.551 |
| 2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | 36.2 | 6.859.115.187 | 5.224.547.681 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.181.743.482.461 | 1.852.230.099.332 |

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.450.411.871.412 | 1.163.756.079.868 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.214.926.356.586 | 990.639.071.167 |
| 1 Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 18 | 450.736.294.469 | 321.577.748.910 |
| 2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 19 | 314.362.507.913 | 252.277.970.888 |
| 3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 20 | 21.386.655.983 | 16.679.169.563 |
| 4 Phải trả người lao động | 314 | | 23.460.121.544 | 20.742.509.930 |
| 5 Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 21 | 94.866.821.095 | 43.922.140.789 |
| 6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 22 | 512.862.945 | 325.770.000 |
| 7 Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 23 | 29.602.914.018 | 1.349.949.536 |
| 8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 24 | 263.549.528.532 | 316.577.994.929 |
| 9 Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 25 | 11.852.887.039 | 9.860.583.522 |
| 10 Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 26 | 4.595.763.048 | 7.325.233.100 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 235.485.514.826 | 173.117.008.701 |
| 1 Phải trả dài hạn khác | 337 | 23 | 408.240.000 | 533.040.000 |
| 2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 24 | 229.998.190.876 | 169.061.553.542 |
| 3 Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 25 | 5.079.083.950 | 3.522.415.159 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 731.331.611.049 | 688.474.019.464 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 27 | 731.331.611.049 | 688.474.019.464 |
| 1 Vốn cổ phần | 411 | | 259.418.870.000 | 229.578.960.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 259.418.870.000 | 229.578.960.000 |
| 2 Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 5.700.930.000 | 5.700.930.000 |
| 3 Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| 4 Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 212.358.962.623 | 188.592.009.761 |
| 5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 241.314.345.478 | 252.866.508.953 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 99.500.339.104 | 136.201.825.039 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 141.814.006.374 | 116.664.683.914 |
| 6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 11.538.502.948 | 10.735.610.750 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.181.743.482.461 | 1.852.230.099.332 |

Huỳnh Thị Mỹ Hương
Người lập biểu

Huỳnh Thị Mỹ Hương
Kế toán trưởng

Vũ Huy Giáp
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 28 | 1.867.200.093.415 | 1.669.780.465.317 |
| 2 Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 28 | 1.867.200.093.415 | 1.669.780.465.317 |
| 4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp | 11 | 29 | 1.426.790.190.441 | 1.287.983.679.069 |
| 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 440.409.902.974 | 381.796.786.248 |
| 6 Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 30 | 5.111.042.223 | 8.994.934.831 |
| 7 Chi phí tài chính | 22 | 31 | 14.054.642.614 | 19.899.248.467 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 13.586.795.763 | 19.868.241.314 |
| 8 Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết | 24 | 16 | 86.711.643 | 84.194.915 |
| 9 Chi phí bán hàng | 25 | 32 | 195.663.364.106 | 161.087.424.070 |
| 10 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 33 | 63.516.082.584 | 61.999.600.604 |
| 11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 172.373.567.536 | 147.889.642.853 |
| 12 Thu nhập khác | 31 | 34 | 2.663.379.575 | 715.161.530 |
| 13 Chi phí khác | 32 | 34 | 545.094.887 | 1.321.876.001 |
| 14 Lợi nhuận khác | 40 | 34 | 2.118.284.688 | (606.714.471) |
| 15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 174.491.852.224 | 147.282.928.382 |
| 16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 36.1 | 31.729.316.334 | 27.360.402.251 |
| 17 Chi phí/(thu nhập) thuế Thu nhập doanh nghiệp | 52 | 36.2 | (1.634.567.506) | 1.087.761.822 |
| 18 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 144.397.103.396 | 118.834.764.309 |
| 19 Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ | 61 | | 141.814.006.374 | 116.664.683.914 |
| 20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 2.583.097.022 | 2.170.080.395 |
| 21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 38 | 5.139 | 4.317 |
| 22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 38 | 5.139 | 4.317 |

Huỳnh Thị Mỹ Hương
Người lập biểu

Huỳnh Thị Mỹ Hương
Kế toán trưởng

Vũ Huy Giáp
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1 Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 174.491.852.224 | 147.282.928.382 |
| 2 Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 35 | 54.582.017.005 | 52.343.534.487 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 8.057.076.102 | 1.440.383.935 |
| - (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 982.421 | (5.814.290) |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (5.903.318.442) | (9.073.315.456) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 31 | 13.586.795.763 | 19.868.241.314 |
| 3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 244.815.405.073 | 211.855.958.372 |
| - (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | | (44.986.255.270) | 40.017.120.119 |
| - Tăng hàng tồn kho | 10 | | (127.420.921.379) | (101.365.363.488) |
| - Tăng/(giảm) các khoản phải trả | 11 | | 244.508.658.726 | (13.016.879.203) |
| - Giảm chi phí trả trước | 12 | | 106.716.959 | 1.207.277.213 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (13.763.717.967) | (19.748.607.659) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 20 | (34.128.725.551) | (12.283.232.376) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | 26 | (7.786.671.880) | (12.726.507.460) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 261.344.488.711 | 93.939.765.518 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (134.226.865.122) | (16.621.112.869) |
| 2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 801.969.696 | - |
| 3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (10.161.241.415) | (24.426.088.844) |
| 4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 21.932.175.266 | 239.700.111 |
| 5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 5.181.563.533 | 8.864.620.534 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (116.472.398.042) | (31.942.881.068) |

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1 Tiền thu từ đi vay | 33 | 24 | 475.403.824.130 | 342.216.567.900 |
| 2 Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 24 | (467.495.653.193) | (348.509.496.441) |
| 3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (70.515.090.975) | (60.391.679.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (62.606.920.038) | (66.684.607.541) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 82.265.170.631 | (4.687.723.091) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 4 | 216.604.276.306 | 221.286.185.107 |
| - Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (982.421) | 5.814.290 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 4 | 298.868.464.516 | 216.604.276.306 |



Huỳnh Thị Mỹ Hương
Người lập biểu



Huỳnh Thị Mỹ Hương
Kế toán trưởng




Vũ Huy Giáp
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 01 năm 2004. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1200526842, điều chỉnh gần nhất là lần thứ 22 cấp ngày 19 tháng 7 năm 2024, đăng ký tăng vốn điều lệ lên 259.418.870.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

Công ty có trụ sở chính tại số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có năm (05) công ty con trực tiếp, ba (03) công ty con gián tiếp, một (01) công ty liên kết, hai (02) chi nhánh và một (01) văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

| Tên công ty | Trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết |
|--|---------------------------------|---|----------------------------------|
| Công ty con trực tiếp | | | |
| Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO | Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam | Sản xuất, kinh doanh bê tông | 100,00% |
| Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO | Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam | Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi | 66,67% |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO | Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam | Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi | 100,00% |
| Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước | Tân Phước, Tiền Giang, Việt Nam | Sản xuất, kinh doanh bê tông | 100,00% |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động Sản TICCO | Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam | Kinh doanh bất động sản | 100,00% |
| Công ty con gián tiếp | | | |
| Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO | Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 100,00% |
| Công ty TNHH MTV Cọc TICCO | Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam | Đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực | 100,00% |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO | Tân Phước, Tiền Giang, Việt Nam | Thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại | 100,00% |
| Công ty liên kết | | | |
| Công ty Cổ phần Testco | Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam | Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình | 20,00% |
| Tên chi nhánh/ văn phòng đại diện | | Địa chỉ | |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sân Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal) | | Số 46 - 48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang | |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO | | Cụm Công nghiệp Gia Thuận, ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang | |
| Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang | | Số 388 đường Nguyễn Trọng Dân, khu phố Long Mỹ, phường Long Chánh, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang | |

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Nhóm công ty") là sản xuất, kinh doanh bê tông; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị; quản lý khai thác và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; thi công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp của Nhóm Công ty căn cứ theo thời gian đầu tư/thi công của từng công trình/dự án. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty có thể kéo dài trên 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Nhóm Công ty không quá 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 684 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 670 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và được khấu trừ theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--|-------------|
| • Nhà cửa và vật kiến trúc | 04 - 30 năm |
| • Máy móc và thiết bị | 02 - 20 năm |
| • Phương tiện vận tải | 03 - 15 năm |
| • Thiết bị quản lý | 03 - 10 năm |
| • Quyền sử dụng đất | 25 - 50 năm |
| • Phần mềm máy tính | 05 - 06 năm |
| • Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao. | |

3.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các Bất động sản như sau:

| | |
|---------------------|-------------|
| • Quyền sử dụng đất | 46 năm |
| • Nhà cửa | 06 - 25 năm |
| • Kiot | 06 năm |

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thanh lý.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản của Nhóm Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí hoạt động phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11. Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở Công ty nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13. Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo trì công trình xây dựng

Dự phòng chi phí bảo trì công trình xây dựng được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2021/TT-BXD - "Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng" do Bộ Xây dựng ban hành ngày 08 tháng 9 năm 2021.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng và công trình cơ khí

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng và công trình cơ khí được trích lập cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong kỳ. Hết thời hạn bảo hành công trình xây dựng và cơ khí, số dư dự phòng bảo hành công trình chưa sử dụng hết được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.

3.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- **Quỹ Đầu tư phát triển**
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.
- **Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi**
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty về Hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 3.17).

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Doanh thu cho thuê lại quyền sử dụng đất khu công nghiệp được Nhóm Công ty ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Tổng doanh thu cho thuê ghi nhận một lần trong năm 2024 là 120.717.841.199 VND với lợi nhuận góp tương ứng là 68.746.550.594 VND. Đây là doanh thu từ các hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu một lần nêu trên. So với phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê, việc ghi nhận doanh thu một lần làm doanh thu và lợi nhuận góp năm 2024 tăng với số tiền lần lượt là 117.843.606.885 VND và 67.109.727.961 VND.

Doanh thu cho thuê tài sản khác theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17. Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.18. Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.19. Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.21. Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Nhóm Công ty một cách toàn diện.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | VND | |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền mặt | 1.973.733.395 | 1.735.523.801 |
| Tiền gửi ngân hàng | 120.368.499.631 | 101.419.049.844 |
| Tiền đang chuyển | 441.904.140 | - |
| Các khoản tương đương tiền | 176.084.327.350 (*) | 113.449.702.661 |
| TỔNG CỘNG | 298.868.464.516 | 216.604.276.306 |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, Nhóm Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.908.316.490 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 11.905.210.441 VND) để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn của Công ty và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICC O tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh số 24).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 54.148.597.725 | 54.148.597.725 | 65.919.531.576 | 65.919.531.576 |
| TỔNG CỘNG | 54.148.597.725 | 54.148.597.725 | 65.919.531.576 | 65.919.531.576 |

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới một năm tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, Nhóm Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 23.303.820.560 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.097.430.851 VND) để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn của Công ty và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh số 24).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------|--|
| | | | | |
| Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng | 2.153.134.975 | 1.872.263.680 | | |
| Phải thu từ hoạt động bán bê tông | 200.339.461.692 | 190.314.290.850 | | |
| Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng | 59.091.921.029 | 67.403.681.795 | | |
| Phải thu từ hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí | 795.063.725 | 1.335.755.540 | | |
| Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản | 4.759.055.785 | 3.934.208.086 | | |
| TỔNG CỘNG | 267.138.637.206 | 264.860.199.951 | | |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (39.535.429.972) | (35.236.441.278) | | |

Chi tiết phải thu ngắn hạn của các khách hàng như sau:

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang | 22.181.973.000 | 52.329.545.000 |
| Công ty TNHH MTV Trần Trần | 13.255.556.400 | 16.347.862.780 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tân Hoàn Thiện | 7.766.095.575 | 11.283.413.146 |
| Các khách hàng khác | 223.935.012.231 | 184.899.379.025 |
| TỔNG CỘNG | 267.138.637.206 | 264.860.199.951 |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------------------|------------|--|
| | | | | |
| Trả trước cho hoạt động sản xuất bê tông | 7.175.546.652 | 1.493.103.976 | | |
| Trả trước cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng | 79.140.754 | 19.620.000 | | |
| Trả trước cho hoạt động thi công công trình | 7.482.206.967 | 2.260.860.149 | | |
| Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản | 2.773.610.754 | 1.876.004.500 | | |
| TỔNG CỘNG | 17.510.505.127 | 5.649.588.625 | | |

Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi (311.092.100) (101.977.000)

Chi tiết trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

| | | |
|---|-----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tân Hoàn Thiện | 2.418.686.000 | - |
| Công ty TNHH Cơ khí Tín Phát | 3.926.624.000 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Vinh Quang | 354.158.000 | 1.000.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 10.811.037.127 | 4.649.588.625 |
| TỔNG CỘNG | 17.510.505.127 | 5.649.588.625 |

8. PHẢI THU KHÁC

VND

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|------------|--|
| | | | | |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tạm ứng cho nhân viên | 68.101.575.759 | 45.322.736.597 | | |
| Tạm ứng kinh phí bồi thường | 4.820.964.160 | 4.820.964.160 | | |
| Lãi tiền gửi phải thu | 1.024.547.032 | 1.070.837.084 | | |
| Kỳ quỹ, kỳ cược | 192.051.297 | 362.158.176 | | |
| Các khoản phải thu khác | 852.195.521 | 734.075.022 | | |
| TỔNG CỘNG | 74.991.333.769 | 52.310.771.039 | | |

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------|--------------------|--------------------|------------|--|
| | | | | |
| Dài hạn | | | | |
| Kỳ quỹ, kỳ cược | 330.945.615 | 330.945.615 | | |
| TỔNG CỘNG | 330.945.615 | 330.945.615 | | |

9. NỢ XẤU

| Đối tượng nợ (*) | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | | VND |
|--|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | |
| | | | | | | | |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 50.669.000.742 | 11.133.570.770 | (39.535.429.972) | 47.165.571.186 | 11.929.129.908 | (35.236.441.278) | |
| Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng | 1.062.526.900 | 138.000.000 | (924.526.900) | 1.302.526.900 | 480.024.320 | (822.502.580) | |
| Phải thu từ hoạt động bán bê tông | 46.216.727.862 | 10.389.302.491 | (35.827.425.371) | 44.023.344.052 | 11.449.105.588 | (32.574.238.464) | |
| Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng | 1.617.800.881 | - | (1.617.800.881) | 1.421.818.624 | - | (1.421.818.624) | |
| Phải thu từ hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí | 559.408.540 | - | (559.408.540) | 339.408.540 | - | (339.408.540) | |
| Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản | 1.212.536.559 | 606.268.279 | (606.268.280) | 78.473.070 | - | (78.473.070) | |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 325.988.000 | 14.895.900 | (311.092.100) | 101.977.000 | - | (101.977.000) | |
| Trả trước cho hoạt động thi công công trình xây dựng | - | - | - | 82.177.000 | - | (82.177.000) | |
| Trả trước cho hoạt động bán bê tông | 306.188.000 | 14.895.900 | (291.292.100) | - | - | - | |
| Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản | 19.800.000 | - | (19.800.000) | 19.800.000 | - | (19.800.000) | |
| TỔNG CỘNG | 50.994.988.742 | 11.148.466.670 | (39.846.522.072) | 47.267.548.186 | 11.929.129.908 | (35.338.418.278) | |

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại *Thuyết minh số 6* và *Thuyết minh số 7*.

10. HÀNG TỒN KHO

| | VND | | | |
|---|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng đang đi trên đường | 5.614.509.929 | - | 61.651.226 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 73.711.922.483 | - | 45.610.046.934 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 271.180.980 | - | - | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*) | 497.046.426.936 | (367.440.582) | 442.080.049.428 | (367.440.582) |
| Thành phẩm | 149.258.622.509 | - | 76.189.462.820 | - |
| Thành phẩm bất động sản (**) | 130.506.861.419 | - | 165.563.334.666 | - |
| Hàng hóa | 1.539.131.912 | - | 1.023.189.715 | - |
| TỔNG CỘNG | 857.948.656.168 | (367.440.582) | 730.527.734.789 | (367.440.582) |

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

| | VND | | | |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Các dự án kinh doanh bất động sản | 461.330.464.090 | - | 381.385.921.632 | - |
| Các công trình xây dựng | 28.276.037.755 | (367.440.582) | 58.966.001.612 | (367.440.582) |
| Các công trình thi công cơ khí | 7.439.925.091 | - | 1.728.126.184 | - |
| TỔNG CỘNG | 497.046.426.936 | (367.440.582) | 442.080.049.428 | (367.440.582) |

(**) Thành phẩm bất động sản của Công ty bao gồm:

- Đất nền phân lô thuộc dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gao, tỉnh Tiền Giang;
- Khu nhà ở Thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Dự án đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
- Dự án đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường.

Một số quyền sử dụng đất của Dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, Dự án đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường, Dự án đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (Thuyết minh số 24).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | VND | | | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải |
| Số đầu năm | 144.138.573.112 | 387.965.955.921 | 164.724.207.488 | 2.643.992.389 |
| Tăng trong năm | 3.592.597.154 | 52.276.562.250 | 19.079.637.885 | - |
| Thanh lý | - | (284.615.266) | (441.270.718) | - |
| Điều chỉnh | - | (16.256.510.764) | - | - |
| Phân loại lại | 8.006.625.509 | (12.563.943.842) | 5.116.468.429 | (559.150.096) |
| Số cuối năm | 155.737.795.775 | 411.137.448.299 | 188.479.043.084 | 2.084.842.293 |
| Trong đó: | | | | |
| Đã khấu hao hết | 1.460.973.881 | 146.719.184.658 | 28.134.597.124 | 1.858.024.111 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Số đầu năm | 54.473.829.855 | 274.873.970.119 | 96.427.560.633 | 2.357.022.973 |
| Khấu hao trong năm | 10.742.196.010 | 24.190.279.802 | 16.969.962.097 | 45.363.600 |
| Thanh lý | - | (241.978.888) | (441.270.718) | - |
| Điều chỉnh | - | (16.256.510.764) | - | - |
| Phân loại lại | 4.736.058.419 | (8.325.503.093) | 4.062.912.936 | (473.468.262) |
| Số cuối năm | 69.952.084.284 | 274.240.257.176 | 117.019.164.948 | 1.928.918.311 |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Số đầu năm | 89.664.743.257 | 113.091.985.802 | 68.296.646.855 | 286.969.416 |
| Số cuối năm | 85.785.711.491 | 136.897.191.123 | 71.459.878.136 | 155.923.982 |
| Trong đó: | | | | |
| Sử dụng để thế chấp (*) | 81.309.142.737 | 111.171.389.380 | 54.427.000.924 | - |
| Tổng cộng | 699.472.726.910 | 74.948.797.289 | (725.885.984) | (16.256.510.764) |
| Tổng cộng | 757.439.129.451 | 178.172.779.774 | 428.132.383.580 | 51.947.801.509 |
| | | | (683.249.606) | (16.256.510.764) |
| | | | 463.140.424.719 | |
| | | | 271.340.345.330 | |
| | | | 294.298.704.732 | |
| | | | 246.907.533.041 | |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 246.907.533.041 VND (31 tháng 12 năm 2023: 211.127.697.167 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 24).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | | | VND |
|--------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
| Nguyên giá: | | | |
| Số đầu năm | 38.541.147.619 | 435.763.800 | 38.976.911.419 |
| Tăng trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | <u>38.541.147.619</u> | <u>435.763.800</u> | <u>38.976.911.419</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết | - | 350.263.800 | 350.263.800 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | |
| Số đầu năm | 4.688.598.937 | 422.938.800 | 5.111.537.737 |
| Hao mòn trong năm | 1.049.694.432 | 12.825.000 | 1.062.519.432 |
| Số cuối năm | <u>5.738.293.369</u> | <u>435.763.800</u> | <u>6.174.057.169</u> |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Số đầu năm | <u>33.852.548.682</u> | <u>12.825.000</u> | <u>33.865.373.682</u> |
| Số cuối năm | <u>32.802.854.250</u> | <u>-</u> | <u>32.802.854.250</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Sử dụng để thế chấp (*) | 32.802.854.250 | - | 32.802.854.250 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 32.802.854.250 VND (31 tháng 12 năm 2023: 33.852.548.682 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các tổ chức tín dụng (Thuyết minh số 24).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | | | VND |
|--------------------------------|----------------------|----------------------------------|-----------------------|
| | Kiot cho thuê | Đất, văn phòng, nhà kho cho thuê | Tổng cộng |
| Nguyên giá: | | | |
| Số đầu năm | 1.580.316.192 | 24.997.960.384 | 26.578.276.576 |
| Số cuối năm | <u>1.580.316.192</u> | <u>24.997.960.384</u> | <u>26.578.276.576</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết | 1.580.316.192 | - | 1.580.316.192 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | |
| Số đầu năm | 1.580.316.192 | 5.788.130.462 | 7.368.446.654 |
| Khấu hao trong năm | - | 1.571.696.064 | 1.571.696.064 |
| Số cuối năm | <u>1.580.316.192</u> | <u>7.359.826.526</u> | <u>8.940.142.718</u> |

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

| | | | VND |
|-------------------------|---------------|----------------------------------|-----------------------|
| | Kiot cho thuê | Đất, văn phòng, nhà kho cho thuê | Tổng cộng |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Số đầu năm | - | 19.209.829.922 | 19.209.829.922 |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>17.638.133.858</u> | <u>17.638.133.858</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Sử dụng để thế chấp (*) | - | 15.030.788.471 | 15.030.788.471 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, bất động sản đầu tư của Công ty với tổng giá trị còn lại là 15.030.788.471 VND (31 tháng 12 năm 2023: 15.412.498.253 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang để Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 (Thuyết minh số 24).

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư như sau:

| | VND | |
|--|---------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư | 4.135.384.043 | 3.431.115.335 |
| Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư | 2.582.288.327 | 2.378.735.668 |

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản cũng như tình hình kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | VND | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 (*) | 126.769.615.069 | 160.598.599.016 |
| Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2 | 107.202.001.361 | 34.546.179.241 |
| Chi phí mua sắm tài sản cố định | 36.539.052.019 | 9.399.961.618 |
| TỔNG CỘNG | <u>270.510.668.449</u> | <u>204.544.739.875</u> |

(*) Một số quyền sử dụng đất tại dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Công ty tại các tổ chức tín dụng (Thuyết minh số 24).

15. CHI PHÍ ĐI VAY

| | VND | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay trong năm (Thuyết minh số 31) | 13.586.795.763 | 19.863.241.314 |
| Vốn hóa vào giá trị dự án bất động sản (*) | 10.756.053.119 | 6.146.087.540 |
| TỔNG CỘNG | <u>24.342.848.882</u> | <u>26.014.328.854</u> |

(*) Các khoản chi phí đi vay được vốn hóa liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư Dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường (Thuyết minh số 10) và Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2 (Thuyết minh số 14)

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình; trụ sở chính đặt tại Lô 1, 2, 3 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Chi tiết giá trị khoản đầu tư như sau:

| | VND | |
|--|--------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Giá gốc khoản đầu tư | 260.000.000 | 260.000.000 |
| Phần lãi lũy kế trong công ty liên kết | 100.374.165 | 108.501.505 |
| Giá trị thuần khoản đầu tư | 360.374.165 | 368.501.505 |

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

| | VND | |
|--|--------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 368.501.505 | 409.822.683 |
| Phần lãi trong công ty liên kết phát sinh trong năm | 86.711.643 | 84.194.915 |
| Cổ tức được chia | (78.000.000) | (88.400.000) |
| Giảm do công ty liên kết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (16.838.983) | (35.320.657) |
| Số cuối năm | 360.374.165 | 370.296.941 |

Thông tin tài chính tóm tắt của công ty liên kết như sau:

| | VND | |
|--|--------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tổng tài sản | 2.008.501.812 | 2.098.582.456 |
| Tổng nợ phải trả | 206.630.983 | 256.074.928 |
| Tài sản thuần | 1.801.870.829 | 1.842.507.528 |
| Tỷ lệ sở hữu | 20,00% | 20,00% |
| Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần | 360.374.165 | 368.501.505 |

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | VND | |
|----------------------------|-------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 52.791.288 | 61.894.288 |
| Thuế đất phi nông nghiệp | 5.472.748 | 5.472.748 |
| Chi phí trả trước khác | 5.058.400 | 149.371.805 |
| TỔNG CỘNG | 63.322.436 | 216.738.841 |

| | VND | |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Dài hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 2.854.922.112 | 3.795.575.598 |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng | 185.408.416 | 587.441.828 |
| Chi phí trả trước khác | 1.400.064.469 | 10.678.125 |
| TỔNG CỘNG | 4.440.394.997 | 4.393.695.551 |

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng | 99.728.400 | 99.728.400 | 98.098.129 | 98.098.129 |
| Phải trả cho hoạt động sản xuất bê tông | 415.450.972.962 | 415.450.972.962 | 283.070.325.396 | 283.070.325.396 |
| Phải trả cho hoạt động thi công công trình | 31.510.851.509 | 31.510.851.509 | 21.363.861.572 | 21.363.861.572 |
| Phải trả cho hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí | 3.510.280.808 | 3.510.280.808 | 6.301.640.201 | 6.301.640.201 |
| Phải trả cho hoạt động kinh doanh bất động sản | 164.460.790 | 164.460.790 | 10.743.823.612 | 10.743.823.612 |
| TỔNG CỘNG | 450.736.294.469 | 450.736.294.469 | 321.577.748.910 | 321.577.748.910 |

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn như sau:

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Đức Toàn | 118.184.047.800 | 76.139.995.390 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Nghĩa Cường | 58.183.464.693 | 39.154.269.817 |
| Công ty TNHH Thépovina | 25.413.311.473 | 11.959.141.238 |
| Công ty Cổ phần Thép Trung Dũng | 28.370.942.432 | 8.832.720.731 |
| Các nhà cung cấp khác | 220.584.528.071 | 185.491.621.734 |
| TỔNG CỘNG | 450.736.294.469 | 321.577.748.910 |
| Trong đó: | | |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 37) | 345.976.720 | 186.248.140 |
| Phải trả cho các bên khác | 450.390.317.749 | 321.391.500.770 |

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nhận trước tiền bán vật liệu xây dựng | 23.765.100 | 31.396.347 |
| Nhận trước tiền bán bê tông | 41.239.853.530 | 33.287.206.964 |
| Nhận trước tiền thi công công trình xây dựng | 89.953.922.710 | 67.779.500.289 |
| Nhận trước tiền chuyển nhượng bất động sản | 183.137.166.573 | 151.172.067.288 |
| Nhận trước tiền thi công cơ giới | 7.800.000 | 7.800.000 |
| TỔNG CỘNG | 314.362.507.913 | 252.277.970.888 |

Chi tiết người mua trả tiền trước ngắn hạn như sau:

| | | |
|---|------------------------|------------------------|
| Các khách hàng mua bất động sản | 183.137.166.573 | 151.172.067.288 |
| Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Tiền Giang | 24.666.712.000 | 46.809.237.000 |
| Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trà Vinh | 26.378.818.000 | - |
| Các khách hàng khác | 80.179.811.340 | 54.296.666.600 |
| TỔNG CỘNG | 314.362.507.913 | 252.277.970.888 |
| Trong đó: | | |
| Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 37) | 4.409.131.850 | - |
| Các bên khác trả tiền trước | 309.953.376.063 | 252.277.970.888 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Thuế phải nộp | Thuế nộp thừa (*) | Số phát sinh trong năm | Số đã nộp |
| Thuế Giá trị gia tăng | 676.442.965 | 3.934.038.665 | 22.870.788.168 | 16.932.860.300 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 15.869.453.753 | - | 31.729.316.334 | 34.128.725.551 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 131.450.045 | 10.290.707 | 4.352.624.712 | 4.102.115.077 |
| Các loại thuế khác | 1.822.800 | - | 275.859.078 | 274.479.406 |
| TỔNG CỘNG | 16.679.169.563 | 3.944.329.372 | 55.438.180.334 | 21.386.655.983 |
| | | | Thuế phải nộp | Thuế nộp thừa (*) |
| | | | 7.510.818.780 | 4.830.486.612 |
| | | | 13.470.044.536 | - |
| | | | 402.590.195 | 30.921.222 |
| | | | 3.202.472 | - |
| | | | 21.386.655.983 | 4.861.407.834 |

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Chi phí trích trước các dự án bất động sản | 53.173.227.568 | 36.544.259.939 |
| Chi phí thi công công trình xây dựng | 23.245.542.608 | 3.275.681.292 |
| Chi phí lãi vay | 804.132.182 | 2.324.491.608 |
| Chi phí sản xuất bê tông | 13.049.576.765 | - |
| Các khoản khác | 4.594.341.972 | 1.777.707.950 |
| TỔNG CỘNG | 94.866.821.095 | 43.922.140.789 |

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|--------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước | 512.862.945 | 325.770.000 |
| TỔNG CỘNG | 512.862.945 | 325.770.000 |

23. PHẢI TRẢ KHÁC

| | VND | |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | | |
| Kinh phí công đoàn | 23.798.553 | 23.798.553 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 119.500.000 | 71.500.000 |
| Cổ tức phải trả | 25.950.380.025 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 3.509.235.440 | 1.254.650.983 |
| TỔNG CỘNG | 29.602.914.018 | 1.349.949.536 |

Trong đó:

| | | |
|--|----------------|---------------|
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 37) | 13.186.591 | 13.186.591 |
| Phải trả cho các bên khác | 29.589.727.427 | 1.336.762.945 |

| | VND | |
|----------------------|--------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Dài hạn | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 408.240.000 | 533.040.000 |
| TỔNG CỘNG | 408.240.000 | 533.040.000 |

Mẫu số B09-DN/HN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

24. VAY

| | Số đầu năm | Tiền chi trả nợ gốc vay | Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả | Số cuối năm |
|---|------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn | 316.577.994.929 | (467.495.653.193) | 107.093.683.765 | 263.549.528.532 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 97.644.101.304 | (280.002.354.544) | - | 123.936.874.791 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (a) | 97.644.101.304 | (268.146.902.544) | - | 107.880.311.691 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (b) | - | - | - | 1.259.600.000 |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tiền Giang (c) | - | - | - | 2.521.311.000 |
| Vay các cá nhân (h) | - | (11.855.452.000) | - | 12.275.652.100 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 218.933.893.625 | (187.493.298.649) | 107.093.683.765 | 139.612.653.741 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (d) | 14.326.708.960 | (17.783.318.984) | 17.919.026.765 | 14.462.416.741 |
| Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (e) | 29.646.892.000 | (29.646.892.000) | 53.871.892.000 | 53.871.892.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (g) | 42.973.703.090 | (42.999.078.090) | 8.832.165.000 | 8.806.790.000 |
| Vay các cá nhân (h) | 131.986.589.575 | (97.064.009.575) | 26.470.600.000 | 62.471.555.000 |
| Vay dài hạn | 169.061.553.542 | (180.054.335.499) | (107.093.683.765) | 229.998.190.876 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (d) | 6.348.775.542 | (1.133.564.400) | (17.919.026.765) | 147.129.689.876 |
| Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (e) | 113.200.348.000 | 2.520.000.000 | (53.871.892.000) | 61.848.456.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (g) | 12.231.830.000 | (80.450.000) | (8.832.165.000) | 21.020.045.000 |
| Vay các cá nhân (h) | 37.280.600.000 | (10.810.000.000) | (26.470.600.000) | - |
| TỔNG CỘNG | 485.639.548.471 | (487.427.838.530) | (479.519.667.593) | 493.547.719.408 |
| Số có khả năng trả nợ | 485.639.548.471 | - | - | 493.547.719.408 |

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

| Hợp đồng vay | Số cuối năm (VND) | Thời hạn vay | Lãi suất (%/năm) | Mục đích vay | Tài sản đảm bảo |
|--|-------------------|------------------------|------------------|--|--|
| Số 01/2025/433488/HĐTD ngày 17 tháng 01 năm 2025 (*) | 38.023.937.000 | Từ 5 tháng đến 6 tháng | Từ 5,9 đến 6,5 | Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình | <p>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.692,8 m², địa chỉ: khu phố 6, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 600, tờ bản đồ số 33, diện tích 158,9 m², địa chỉ: ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3, diện tích 11.451,7 m², địa chỉ: xã Sơn Phú, huyện Giồng Chôm, tỉnh Bến Tre</p> <p>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 1030 và 1031 tờ bản đồ số 11, tổng diện tích 246 m², địa chỉ: khu phố Long Mỹ, phường Long Chánh, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang</p> <p>Quyền đòi nợ từ các hợp đồng thi công xây lắp/hợp đồng kinh tế</p> |
| Số 01/2025/1678922/HĐTD ngày 24 tháng 01 năm 2025 | 31.852.335.967 | 6 tháng | Từ 5,8 đến 6,2 | Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh | <p>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1601, tờ bản đồ số 4, diện tích 5.195,5 m², địa chỉ: ấp Ông Cai, xã Tân Trung, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1897, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.270,6 m², địa chỉ: ấp Sơn Quy A, xã Tân Trung, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 06, diện tích 118.574 m², địa chỉ: ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang</p> |

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

| Hợp đồng vay | Số cuối năm (VND) | Thời hạn vay | Lãi suất (%/năm) | Mục đích vay | Tài sản đảm bảo |
|--|------------------------|-----------------|---------------------|---|---|
| Số 09/2024/12223824/HĐTD ngày 01 tháng 8 năm 2024 | 38.004.038.724 | 5 tháng | Từ 5,8 đến 6,2 | Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 6, diện tích 118.574,5 m ² , địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2023/12223824/HĐBĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 |
| TỔNG CỘNG | 107.880.311.691 | | | | |

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

| Hợp đồng vay | Số cuối năm (VND) | Thời hạn vay | Lãi suất (%/năm) | Mục đích vay | Tài sản đảm bảo |
|---|----------------------|-----------------|---------------------|---|---|
| Số 0439/VCB-KH/24LD ngày 16 tháng 8 năm 2024 | 1.259.600.000 | 175 ngày | 5,5 | Tài trợ các nhu cầu tin dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh | Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 2144 và 2145, tờ bản đồ số GTC1, tổng diện tích 22.804,5 m ² , địa chỉ: ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang |

(c) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tiền Giang

| Hợp đồng vay | Số cuối năm (VND) | Thời hạn vay | Lãi suất (%/năm) | Mục đích vay | Tài sản đảm bảo |
|--|----------------------|-----------------|---------------------|---|---|
| Số 239455.24.748.34480719.TD ngày 08 tháng 10 năm 2024 | 2.521.311.000 | 6 tháng | 6,3 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh | Hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ của Ngân hàng, toàn bộ số dư và lãi của tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 239429.24.748.34480719.BD ký ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước với Ngân hàng. |

(d) **Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang**

| Hợp đồng vay | Số cuối năm (VND) | Thời hạn vay | Lãi suất (%/năm) | Mục đích vay | Tài sản đảm bảo |
|--|-------------------|--------------|------------------|---|--|
| Hợp đồng tín dụng số 01/2023/433488/HĐTD ngày 19 tháng 09 năm 2023 | 78.455.503.633 | 48 tháng | 7,9 | Đầu tư Dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường | Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 2134, 2135, 2136 và 2109, tờ bản đồ số GTC1, tổng diện tích 164.774,4 m ² , địa chỉ: Ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang Tài sản hình thành trong tương lai của Dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường |
| Hợp đồng tín dụng số 01/2024/433488/HĐTD ngày 19 tháng 09 năm 2024 | 44.206.251.500 | 84 tháng | 7,9 | Đầu tư Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2 | Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 2141, 2143, 2146 và 2163, tờ bản đồ số GTC1, tổng diện tích 56.686,2 m ² , địa chỉ: Ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang Tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 2 |
| Số 01/2024/1678922/HĐTD ngày 10 tháng 6 năm 2024 | 1.912.427.472 | 60 tháng | 7,0 | Mua khuôn cọc và dàn quay | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 02/2024/1678922/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2024 | 6.093.557.625 | 60 tháng | 7,0 | Đầu tư khuôn dầm Super T | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 03/2024/1678922/HĐTD ngày 20 tháng 11 năm 2024 | 3.766.000.000 | 60 tháng | 8,0 | Mua xe cầu bánh xích 150 tấn | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 01/2020/12223824/HĐTD ngày 30 tháng 01 năm 2020 | 57.085.394 | 60 tháng | 8,5 | Mua 10 bộ khuôn cọc tròn D600 mm, L17.4M (10.4+2+2+3) | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 02/2020/12223824/HĐTD ngày 27 tháng 02 năm 2020 | 241.500.000 | 60 tháng | 8,5 | Mua 04 xe bồn trộn bê tông Hyundai HD270 | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 03/2020/12223824/HĐTD ngày 28 tháng 7 năm 2020 | 589.163.000 | 60 tháng | 8,5 | Mua 01 xe xúc và 01 trạm trộn bê tông 120 m ³ /h | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 04/2020/12223824/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2020 | 108.300.000 | 60 tháng | 8,5 | Mua 01 xe ô tô Ford Everest | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 05/2020/12223824/HĐTD ngày 26 tháng 10 năm 2020 | 1.395.000.000 | 59 tháng | 8,5 | Mua 01 xe đầu kéo HONGYANG; 01 rơ moóc tải DOOSUNG và 05 xe bồn trộn bê tông HINO | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 06/2020/12223824/HĐTD ngày 07 tháng 12 năm 2020 | 300.000.000 | 57 tháng | 8,5 | Mua 01 xe HINO FM8JW7A lắp cầu thủy lực | Tài sản hình thành từ vốn vay |

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

| Hợp đồng vay | Số cuối năm (VND) | Thời hạn vay | Lãi suất (%/năm) | Mục đích vay | Tài sản đảm bảo |
|--|------------------------|--------------|------------------|--|-------------------------------|
| Số 01/2021/12223824/HĐTD ngày 15 tháng 6 năm 2021 | 193.023.547 | 60 tháng | 8,5 | Mua 20 bộ khuôn cọc ống D350, D400 và dàn quay ly tâm D300-D600. | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 01/2022/12223824/HĐTD ngày 17 tháng 5 năm 2022 | 879.318.921 | 60 tháng | 8,5 | Mua khuôn dầm I33 | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 01/2023/12223824/HĐTD ngày 12 tháng 01 năm 2023 | 1.178.732.680 | 60 tháng | 8,5 | Đầu tư xưởng sản xuất cọc vuông, gói công | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 02/2023/12223824/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2023 | 4.671.597.066 | 60 tháng | 8,0 | Xây dựng đường ray công trục, công trục, khuôn dầm Super T | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 03/2023/12223824/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2023 | 501.830.000 | 60 tháng | 8,0 | Đầu tư khuôn cọc ván W740, W940 | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 01/2024/12223824/HĐTD ngày 18 tháng 01 năm 2024 | 1.121.422.900 | 60 tháng | 8,0 | Đầu tư khuôn dầm Super T | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 02/2024/12223824/HĐTD ngày 24 tháng 01 năm 2024 | 928.941.300 | 60 tháng | 8,0 | Đầu tư khuôn cọc ván W740 lần 2 | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 03/2024/12223824/HĐTD ngày 09 tháng 5 năm 2024 | 7.840.000.000 | 60 tháng | 7,0 | Đầu tư 02 xe cầu bánh xích 150T | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 04/2024/12223824/HĐTD ngày 05 tháng 6 năm 2024 | 868.000.000 | 60 tháng | 7,0 | Đầu tư đầu kéo, rơ mooc kéo dầm | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 05/2024/12223824/HĐTD ngày 02 tháng 7 năm 2024 | 585.872.000 | 60 tháng | 7,5 | Đầu tư Palant 25 tấn | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 06/2024/12223824/HĐTD ngày 04 tháng 7 năm 2024 | 1.137.156.100 | 60 tháng | 7,5 | Đầu tư khuôn dầm các loại I33, T1240, T750, T550 | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 07/2024/12223824/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2024 | 1.649.963.479 | 60 tháng | 7,5 | Đầu tư khuôn dầm cầu I33m | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 08/2024/12223824/HĐTD ngày 12 tháng 7 năm 2024 | 2.261.460.000 | 60 tháng | 7,5 | Đầu tư đường ray, công trục xưởng Super T - PX2 | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 11/2024/12223824/HĐTD ngày 08 tháng 11 năm 2024 | 650.000.000 | 60 tháng | 7,5 | Đầu tư đường ray cầu trục xưởng cọc vuông mở rộng | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| TỔNG CỘNG | 161.592.106.617 | | | | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 14.462.416.741 | | | | |
| Vay dài hạn | 147.129.689.876 | | | | |

(e) **Vay dài hạn Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang**

| Hợp đồng vay | Số cuối năm (VND) | Thời hạn vay | Lãi suất (%/năm) | Mục đích vay | Tài sản đảm bảo |
|--|-------------------|--------------|------------------|---|--|
| Hợp đồng tín dụng số 02/2019/HĐTD ngày 04 tháng 6 năm 2019 | 18.820.348.000 | 72 tháng | 6,9 | Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 | <p>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 28, diện tích 465,6 m², địa chỉ: ấp 5, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11, diện tích 225,8 m², địa chỉ: ấp Long Thạnh, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang</p> |
| Hợp đồng tín dụng số 08/2022/HĐTD-TĐTD ngày 22 tháng 11 năm 2022 | 68.400.000.000 | 48 tháng | 6,6 | Đầu tư Dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường | <p>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 94, 95, 96, 97 tờ bản đồ số 12, tổng diện tích 460 m², địa chỉ: khu phố Long Mỹ, phường Long Chánh, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.034,3 m², địa chỉ: ấp Long Mỹ, phường Long Chánh, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2114, tờ bản đồ số GTC1, diện tích 24.726 m², địa chỉ: ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 506, tờ bản đồ số 33, diện tích 259,6 m², địa chỉ: ấp 2, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 28, diện tích 115 m², địa chỉ: ấp 5, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 3, diện tích 276 m², địa chỉ: khu phố 9, phường 2, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang</p> <p>Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2768, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.911 m², địa chỉ: ấp Long Thạnh, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang</p> |

Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (tiếp theo)

| Hợp đồng vay | Số cuối năm (VND) | Thời hạn vay | Lãi suất (%/năm) | Mục đích vay | Tài sản đảm bảo |
|--|------------------------|-----------------|---------------------|--|--|
| Hợp đồng tín dụng số 06/2023/HĐTD-TĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2023 | 28.500.000.000 | 60 tháng | 6,3 | Đầu tư Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2 | Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.010 m ² , địa chỉ: ấp Long Mỹ, phường Long Chánh, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2139, tờ bản đồ số GTC1, diện tích 9.750 m ² , địa chỉ: Ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang |
| TỔNG CỘNG | 115.720.348.000 | | | | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 53.871.892.000 | | | | |
| Vay dài hạn | 61.848.456.000 | | | | |

(g) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

| Hợp đồng vay | Số cuối năm (VND) | Thời hạn vay | Lãi suất (%/năm) | Mục đích vay | Tài sản đảm bảo |
|---|----------------------|-----------------|---------------------|--|-------------------------------|
| Số 0502/VCB-KH/24CD ngày 19 tháng 11 năm 2024 | 4.100.000.000 | 60 tháng | 6,9 | Mua xe cần trục bánh xích hiệu KOBELCO 7150 | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 0528/VCB-KH/20CD ngày 23 tháng 9 năm 2020 | 1.193.250.000 | 60 tháng | 7,9 | Mua 01 xe ô tô bơm bê tông hiệu KCP, cần dài 38 mét và 01 ô tô bơm bê tông hiệu KCP cần dài 45 mét | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 0653/VCB-KH/20CD ngày 25 tháng 11 năm 2020 | 1.414.000.000 | 60 tháng | 7,9 | Mua 06 xe ô tô chuyển trộn nhãn hiệu Hyundai | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 0570/VCB-KH/20CD ngày 25 tháng 11 năm 2020 | 1.414.000.000 | 60 tháng | 7,9 | Mua 06 xe ô tô chuyển trộn nhãn hiệu Hyundai | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 0446/VCB-KH/24CD ngày 28 tháng 8 năm 2024 | 4.984.630.000 | 60 tháng | 6,6 | Đầu tư trạm trộn hạng mục nâng cấp trạm điện (1x400 + 1x750 + 1x1250) kVA | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 0447/VCB-KH/19CD ngày 01 tháng 10 năm 2019 | 482.125.000 | 60 tháng | 6,6 | Đầu tư xe cầu và Rơ moóc (RM-84-R1) chở dầm bê tông | Tài sản hình thành từ vốn vay |

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

| Hợp đồng vay | Số cuối năm (VND) | Thời hạn vay | Lãi suất (%/năm) | Mục đích vay | Tài sản đảm bảo |
|---|-------------------|--------------|------------------|---|--|
| Số 0772/VCB-KH/22CD ngày 28 tháng 11 năm 2022 | 4.071.360.000 | 84 tháng | 11,0 | Đầu tư tài sản cố định căn nhà số A09-08 và A09-09 thuộc dự án đường Nguyễn Trọng Dân và KDC hai bên đường tại thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang | Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 425, tờ bản đồ số 9, diện tích 115 m ² , địa chỉ: khu phố 5, phường 4, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 426, tờ bản đồ số 9, diện tích 115 m ² , địa chỉ: khu phố 5, phường 4, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang |
| Số 0205/VCB-KH/24CD ngày 15 tháng 5 năm 2024 | 8.028.250.000 | 84 tháng | 6,0 | Tài trợ vốn đầu tư thực hiện phương án đầu tư tài sản cố định là thiết bị thi công cọc ván bê tông dự ứng lực | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 425, tờ bản đồ số 9, diện tích 115 m ² , địa chỉ: khu phố 5, phường 4, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 426, tờ bản đồ số 9, diện tích 115 m ² , địa chỉ: khu phố 5, phường 4, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang Tài sản hình thành từ vốn vay |
| Số 0874/VCB-KH/22CD ngày 28 tháng 12 năm 2022 | 4.139.220.000 | 84 tháng | 11,0 | Đầu tư tài sản cố định căn nhà số A09-06 và A09-07 thuộc dự án đường Nguyễn Trọng Dân và KDC hai bên đường tại thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang | Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 423, tờ bản đồ số 9, diện tích 115 m ² , địa chỉ: khu phố 5, phường 4, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 9, diện tích 115 m ² , địa chỉ: khu phố 5, phường 4, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang |

TỔNG CỘNG 29.826.835.000

Trong đó:
 Vay dài hạn đến hạn trả 8.806.790.000
 Vay dài hạn 21.020.045.000

(h) Vay các cá nhân

Khoản vay các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay từ 3 tháng đến 24 tháng, hình thức vay tín chấp, lãi suất theo thỏa thuận nhưng không vượt quá 12,5%/năm.

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | VND | | | | | | |
|---|------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
| Năm trước | | | | | | | |
| Số đầu năm | 199.638.930.000 | 5.700.930.000 | - | 159.810.401.016 | 267.414.673.370 | 9.172.159.278 | 641.737.093.664 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 116.664.683.914 | 2.170.080.395 | 118.834.764.309 |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận | - | - | - | 28.781.608.745 | (40.365.338.192) | (106.628.923) | (11.690.358.370) |
| Phát hành cổ phiếu trả cổ tức | 29.940.030.000 | - | - | - | (29.940.030.000) | - | - |
| Cổ tức bằng tiền | - | - | - | - | (59.891.679.000) | - | (59.891.679.000) |
| Công ty con chia cổ tức | - | - | 1.000.000.000 | - | (1.000.000.000) | (500.000.000) | (500.000.000) |
| Giảm do công ty liên kết trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (15.801.139) | - | (15.801.139) |
| Số cuối năm | <u>229.578.960.000</u> | <u>5.700.930.000</u> | <u>1.000.000.000</u> | <u>188.592.009.761</u> | <u>252.866.508.953</u> | <u>10.735.610.750</u> | <u>688.474.019.464</u> |
| Năm nay | | | | | | | |
| Số đầu năm | 229.578.960.000 | 5.700.930.000 | 1.000.000.000 | 188.592.009.761 | 252.866.508.953 | 10.735.610.750 | 688.474.019.464 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 141.814.006.374 | 2.583.097.022 | 144.397.103.396 |
| Trích lập quỹ từ lợi nhuận (a) (c) | - | - | - | 23.766.952.862 | (28.693.949.866) | (130.204.824) | (5.057.201.828) |
| Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (a) | 29.839.910.000 | - | - | - | (29.839.910.000) | - | - |
| Cổ tức bằng tiền (a) (c) | - | - | - | - | (68.873.584.000) | (1.650.000.000) | (70.523.584.000) |
| Tạm ứng cổ tức bằng tiền (b) | - | - | - | - | (25.941.887.000) | - | (25.941.887.000) |
| Giảm do công ty liên kết trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (16.838.983) | - | (16.838.983) |
| Số cuối năm | <u>259.418.870.000</u> | <u>5.700.930.000</u> | <u>1.000.000.000</u> | <u>212.358.962.623</u> | <u>241.314.345.478</u> | <u>11.538.502.948</u> | <u>731.331.611.049</u> |

(a) Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 là 43% vốn điều lệ (tương ứng 98.718.952.800 VND) bao gồm cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 30% vốn điều lệ và cổ tức chi trả bằng cổ phiếu với tỷ lệ 13% vốn điều lệ; trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi với mức trích lần lượt là 20% và 4% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 (tương ứng 23.332.936.783 VND và 4.666.587.357 VND).

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (b) Theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Quản trị, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 cho Cổ đông với tỷ lệ 10% mệnh giá (mỗi cổ phiếu nhận được 1.000 VND); ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền là ngày 16 tháng 12 năm 2024; ngày thanh toán là ngày 08 tháng 01 năm 2025.
- (c) Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ.XD TICCO ngày 12 tháng 4 năm 2024 với mức chia cổ tức là 30% vốn điều lệ (tương ứng 4.950.000.000 VND), trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi với mức trích lần lượt là 10% và 6% lợi nhuận sau thuế năm 2023 (tương ứng 651.024.119 VND và 390.614.471 VND).

27.2. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Vốn cổ phần đã góp | | |
| Số đầu năm | 229.578.960.000 | 199.638.930.000 |
| Tăng vốn do phát hành cổ phiếu trả cổ tức | 29.839.910.000 | 29.940.030.000 |
| Số cuối năm | <u>259.418.870.000</u> | <u>229.578.960.000</u> |
| Cổ tức đã trả | | |
| Cổ tức công bố | 94.815.471.000 | 59.891.679.000 |
| Cổ tức đã trả | 68.865.090.975 | 59.891.679.000 |

27.3. Cổ phiếu

| | Cổ phiếu | |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 25.941.887 | 22.957.896 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 25.941.887 | 22.957.896 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 25.941.887 | 22.957.896 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 25.941.887 | 22.957.896 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 25.941.887 | 22.957.896 |

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | VND | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán bê tông | 1.322.981.493.134 | 1.112.393.114.805 |
| Doanh thu thi công công trình xây dựng và cơ khí | 257.725.234.498 | 317.242.054.994 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | 256.170.416.410 | 210.735.878.592 |
| Doanh thu bán vật liệu xây dựng | 15.416.184.968 | 12.305.429.430 |
| Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư | 4.135.384.043 | 3.431.115.335 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 10.771.380.362 | 13.672.872.161 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.867.200.093.415</u> | <u>1.669.780.465.317</u> |

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | VND | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn bán bê tông | 1.036.242.662.905 | 862.897.492.661 |
| Giá vốn thi công công trình xây dựng và cơ khí | 228.604.257.057 | 285.921.251.995 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản | 141.516.721.634 | 117.868.853.559 |
| Giá vốn bán vật liệu xây dựng | 9.981.426.297 | 8.222.930.828 |
| Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư | 2.582.288.327 | 2.378.735.668 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 7.862.834.221 | 10.694.414.358 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.426.790.190.441</u> | <u>1.287.983.679.069</u> |

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | VND | |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 5.056.081.887 | 8.989.120.541 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 54.960.336 | 5.814.290 |
| TỔNG CỘNG | <u>5.111.042.223</u> | <u>8.994.934.831</u> |

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | VND | |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 13.586.795.763 | 19.868.241.314 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 467.846.851 | 31.007.153 |
| TỔNG CỘNG | <u>14.054.642.614</u> | <u>19.899.248.467</u> |

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | VND | |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên bán hàng | 22.504.670.768 | 18.119.979.253 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 38.309.309.265 | 44.616.172.581 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 50.175.259 | 10.634.693 |
| Chi phí khấu hao Tài sản cố định | 13.148.859.394 | 11.359.652.123 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 113.067.713.438 | 80.607.440.277 |
| Chi phí bán hàng khác | 8.582.635.982 | 6.373.545.143 |
| TỔNG CỘNG | <u>195.663.364.106</u> | <u>161.087.424.070</u> |

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 35.346.284.974 | 29.489.357.305 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 1.108.540.384 | 738.703.491 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.862.751.130 | 1.765.913.049 |
| Chi phí khấu hao Tài sản cố định | 2.205.087.787 | 1.839.157.936 |
| Thuế, phí và lệ phí | 864.017.585 | 772.338.052 |
| Chi phí dự phòng | 4.938.866.131 | 10.866.018.466 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.578.993.465 | 2.975.931.857 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 14.611.541.128 | 13.552.180.448 |
| TỔNG CỘNG | 63.516.082.584 | 61.999.600.604 |

34. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | VND | |
|--|----------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập khác | | |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | 827.106.045 | - |
| Hoàn nhập bảo hành công trình xây dựng | 1.557.313.872 | 480.106.664 |
| Các khoản khác | 278.959.658 | 235.054.866 |
| | 2.663.379.575 | 715.161.530 |
| Chi phí khác | | |
| Các khoản bị phạt | (218.443.518) | (121.392.834) |
| Các khoản khác | (326.651.369) | (1.200.483.167) |
| | (545.094.887) | (1.321.876.001) |
| LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN | 2.118.284.688 | (606.714.471) |

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VND | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.275.896.561.729 | 1.138.285.882.583 |
| Chi phí nhân công | 198.016.697.107 | 162.899.318.620 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 11, 12 và 13) | 54.582.017.005 | 52.343.534.487 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 696.009.813.456 | 169.993.737.910 |
| Các chi phí khác | 52.124.481.629 | 51.001.879.807 |
| TỔNG CỘNG | 2.276.629.570.926 | 1.574.524.353.407 |

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại huyện Tân Phước của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2017) và mức thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo; được miễn thuế bốn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Năm 2024, thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại huyện Tân Phước của công ty TNHH MTV Bê Tông TICCO Tân Phước áp dụng thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ thực hiện dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 của Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 17% trong 10 năm, được miễn thuế TNDN trong 02 năm (kể từ năm 2022) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2024, thu nhập từ thực hiện dự án này được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

Ngoài các ưu đãi thuế TNDN nói trên, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

36.1. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 31.729.316.334 | 27.360.402.251 |
| Chi phí/(thu nhập) thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | (1.634.567.506) | 1.087.761.822 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 30.094.748.828 | 28.448.164.073 |

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 174.491.852.224 | 147.282.928.382 |
| Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%) | 34.898.370.445 | 29.456.565.676 |
| Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) | | |
| Chênh lệch do áp dụng thuế suất ưu đãi | (3.912.283.119) | (2.431.623.137) |
| Lỗi đã ghi nhận thuế hoãn lại không được chuyển lỗ | - | 1.141.091.854 |
| Thu nhập không chịu thuế | (17.342.329) | (16.838.983) |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 1.111.894.932 | 1.041.157.283 |
| Thuế TNDN được giảm | (2.014.431.472) | (1.262.231.526) |
| Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước | 28.540.371 | 520.022.906 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 30.094.748.828 | 28.448.164.073 |

36.2. Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

| | Bảng cân đối kế toán hợp nhất | | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | |
|--|-------------------------------|----------------------|---|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Năm nay | Năm trước |
| | VND | | | |
| Các khoản lỗ tính thuế | 1.723.467.692 | 855.740.253 | 867.727.439 | (285.351.601) |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 73.488.116 | 73.488.116 | - | - |
| Khấu hao tài sản cố định | 117.613.857 | 117.613.857 | - | - |
| Lãi chưa thực hiện khi hợp nhất | 4.944.545.522 | 4.177.705.455 | 766.840.067 | (802.410.221) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 6.859.115.187 | 5.224.547.681 | | |
| Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh | | | 1.634.567.506 | (1.087.761.822) |

Lỗ tính thuế chuyển sang năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 8.617.338.461 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Đây là khoản lỗ tính thuế theo tờ khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp của các công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 1.723.467.692 VND từ các khoản lỗ lũy kế nói trên.

37. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

37.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Testco | Công ty liên kết |
| Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự chủ chốt |
| Bà Phạm Thị Tuyết Dung | Người liên quan của ông Vũ Huy Giáp - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc |

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | VND | |
|------------------------|--------------------|---------------|---------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Testco | Mua dịch vụ | 1.433.539.800 | 1.172.539.536 |
| | Cổ tức được chia | 78.000.000 | 65.200.000 |
| Bà Phạm Thị Tuyết Dung | Bán bất động sản | 4.409.131.850 | - |

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| Bên liên quan | VND | |
|--|----------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | |
| Công ty Cổ phần Testco | 345.976.720 | 186.248.140 |
| TỔNG CỘNG | 345.976.720 | 186.248.140 |
| Phải trả ngắn hạn khác | | |
| Công ty Cổ phần Testco | 13.186.591 | 13.186.591 |
| TỔNG CỘNG | 13.186.591 | 13.186.591 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | |
| Bà Phạm Thị Tuyết Dung | 4.409.131.850 | - |
| TỔNG CỘNG | 4.409.131.850 | - |

37.2: Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| Họ và tên | Chức danh | Năm nay | | | Năm trước | | |
|---------------------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| | | Lương chức danh | Lương kiêm nhiệm/Thưởng | Cộng | Lương chức danh | Lương kiêm nhiệm/Thưởng | Cộng |
| Hội đồng quản trị (HĐQT) | | 1.749.970.260 | 892.000.000 | 2.641.970.260 | 2.053.521.015 | 252.000.000 | 2.305.521.015 |
| Ông Trần Hoàng Huân | Chủ tịch - Thường trực HĐQT | 291.661.710 | 694.000.000 | 985.661.710 | 355.327.238 | 86.000.000 | 441.327.238 |
| Ông Vũ Huy Giáp | Thành viên | 291.661.710 | - | 291.661.710 | 355.327.238 | - | 355.327.238 |
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | Thành viên | 291.661.710 | - | 291.661.710 | 355.327.238 | - | 355.327.238 |
| Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên | 291.661.710 | 50.000.000 | 341.661.710 | 355.327.238 | 40.000.000 | 395.327.238 |
| Bà Nguyễn Thị Trúc Giang | Thành viên | 291.661.710 | 98.000.000 | 389.661.710 | 355.327.238 | 86.000.000 | 441.327.238 |
| Ông Phạm Văn Hậu | Thành viên | 291.661.710 | 50.000.000 | 341.661.710 | 276.884.825 | 40.000.000 | 316.884.825 |
| Ban kiểm soát | | 300.000.000 | 684.096.334 | 984.096.334 | 300.000.000 | 634.437.250 | 934.437.250 |
| Ông Nguyễn Tiến Nhân | Trưởng ban | 108.000.000 | 338.542.293 | 446.542.293 | 108.000.000 | 312.100.938 | 420.100.938 |
| Bà Nguyễn Kiều Diễm Trang | Thành viên | 96.000.000 | 219.976.959 | 315.976.959 | 96.000.000 | 197.351.730 | 293.351.730 |
| Bà Đoàn Thị Hồng Cẩm | Thành viên | 96.000.000 | 125.577.082 | 221.577.082 | 96.000.000 | 124.984.582 | 220.984.582 |
| Ban điều hành | | 1.403.250.000 | 416.300.000 | 1.819.550.000 | 1.302.000.000 | 217.600.000 | 1.519.600.000 |
| Ông Vũ Huy Giáp | Tổng Giám đốc | 524.750.000 | 149.900.000 | 674.650.000 | 486.000.000 | 74.800.000 | 560.800.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | Phó Tổng Giám đốc | 469.250.000 | 138.700.000 | 607.950.000 | 438.000.000 | 74.400.000 | 512.400.000 |
| Ông Nguyễn Hữu Hiệp | Phó Tổng Giám đốc | 409.250.000 | 127.700.000 | 536.950.000 | 378.000.000 | 68.400.000 | 446.400.000 |
| TỔNG CỘNG | | 3.453.220.260 | 1.992.396.334 | 5.445.616.594 | 3.655.521.015 | 1.104.037.250 | 4.759.558.265 |

38. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | |
| Lợi nhuận sau thuế (VND) | 141.814.006.374 | 116.664.683.914 |
| Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND) | (8.508.840.382) | (4.666.587.357) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 133.305.165.992 | 111.998.096.557 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (**) | 25.941.887 | 25.941.887 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 5.139 | 4.317 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 133.305.165.992 | 111.998.096.557 |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND) | - | - |
| Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng (VND) | 133.305.165.992 | 111.998.096.557 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân | 25.941.887 | 25.941.887 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 25.941.887 | 25.941.887 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 5.139 | 4.317 |

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 (Nghị quyết ĐHĐCĐ). Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

(**) Trong năm, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân năm 2023 như sau:

| | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | | |
|--|--|---------------|-----------------------|
| | Số liệu báo cáo trước đây | Điều chỉnh | Số liệu trình bày lại |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 109.664.802.879 | 2.333.293.678 | 111.998.096.557 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân | 22.957.896 | 2.983.991 | 25.941.887 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 4.777 | (460) | 4.317 |

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

39.1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công công trình; Kinh doanh bất động sản và Kinh doanh khác. Nhóm Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 5 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (công ty con cấp 2);
- Bộ phận sản xuất, kinh doanh bê tông: Sản xuất, kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con cấp 1), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (công ty con cấp 2).
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty; Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (công ty con cấp 1);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư, cho thuê bất động sản và cho thuê lại quyền sử dụng đất tại các cụm công nghiệp. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS TICCO (công ty con cấp 1), và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sân Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO;
- Bộ phận kinh doanh khác: Bao gồm hoạt động sản xuất gia công sản phẩm cơ khí, thi công cơ giới,... Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO (công ty con cấp 2).

TICCO

TICCO

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

| | Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông | Lĩnh vực thi công công trình | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực kinh doanh khác | Không phân bổ | Tổng cộng các bộ phận | Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận | Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất |
|---------------------------|---|---|---------------------------------|--|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|---|--|
| VND | | | | | | | | | |
| Số cuối năm | | | | | | | | | |
| Tài sản | | | | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 2.329.256.486 | 593.963.185.084 | 298.633.032.895 | 882.041.632.464 | 10.448.617.178 | - | 1.787.415.724.107 | | |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - | - | 1.185.409.362.170 | 1.185.409.362.170 | | |
| Tổng tài sản | 2.329.256.486 | 593.963.185.084 | 298.633.032.895 | 882.041.632.464 | 10.448.617.178 | 1.185.409.362.170 | 2.972.825.086.277 | (791.081.603.816) | 2.181.743.482.461 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 3.005.021.915 | 781.457.911.098 | 672.763.448.407 | 246.792.698.249 | 7.191.174.511 | - | 1.711.210.254.180 | | |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | - | - | 291.605.413.124 | 291.605.413.124 | | |
| Tổng nợ phải trả | 3.005.021.915 | 781.457.911.098 | 672.763.448.407 | 246.792.698.249 | 7.191.174.511 | 291.605.413.124 | 2.002.815.667.304 | (552.403.795.892) | 1.450.411.871.412 |
| Số đầu năm | | | | | | | | | |
| Tài sản | | | | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 2.638.187.336 | 360.905.265.371 | 366.808.354.208 | 635.901.027.511 | 12.385.874.582 | - | 1.378.638.709.008 | | |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - | - | 1.078.218.460.369 | 1.078.218.460.369 | | |
| Tổng tài sản | 2.638.187.336 | 360.905.265.371 | 366.808.354.208 | 635.901.027.511 | 12.385.874.582 | 1.078.218.460.369 | 2.456.857.169.377 | (604.627.070.045) | 1.852.230.099.332 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 4.608.345.646 | 547.445.736.730 | 444.469.811.608 | 210.679.164.760 | 8.932.032.897 | - | 1.216.135.091.641 | | |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | - | - | 344.645.737.959 | 344.645.737.959 | | |
| Tổng nợ phải trả | 4.608.345.646 | 547.445.736.730 | 444.469.811.608 | 210.679.164.760 | 8.932.032.897 | 344.645.737.959 | 1.560.780.829.600 | (397.024.749.732) | 1.163.756.079.868 |

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

| | VND | | | | | | | | |
|---|---|---|---------------------------------|--|-----------------------------|-----------------------|--------------------------|---|--|
| | Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông | Lĩnh vực thi công công trình | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực kinh doanh khác | Không phân bổ | Tổng cộng các bộ phận | Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận | Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất |
| Năm nay | | | | | | | | | |
| Doanh thu thuần bộ phận | 15.871.843.529 | 1.515.362.791.111 | 567.541.618.436 | 260.720.348.636 | 26.724.784.924 | - | 2.386.221.386.636 | (519.021.293.221) | 1.867.200.093.415 |
| Giá vốn bộ phận | 12.293.461.041 | 1.219.791.454.027 | 537.149.393.676 | 144.186.285.416 | 23.209.187.438 | - | 1.936.629.781.598 | (509.839.591.157) | 1.426.790.190.441 |
| Chi phí bán hàng | 2.221.460.893 | 190.583.855.268 | - | 7.802.580.454 | - | - | 200.607.896.615 | (4.944.532.509) | 195.663.364.106 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 1.015.074.447 | 29.615.797.005 | -17.767.390.630 | 14.718.057.071 | 1.023.407.805 | - | 64.139.726.958 | (623.644.374) | 63.516.082.584 |
| Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | 341.847.148 | 75.371.684.811 | 12.624.834.130 | 94.013.425.695 | 2.492.189.681 | - | 184.843.981.465 | (3.613.525.181) | 181.230.456.284 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 11.274.753 | 2.680.029.349 | 428.966.085 | 3.550.977.644 | 1.346.528 | 79.491.457.332 | 86.164.051.691 | (81.053.009.468) | 5.111.042.223 |
| Chi phí tài chính | - | 467.064.404 | 782.447 | - | - | 15.148.347.899 | 15.616.194.750 | (1.561.552.136) | 14.054.642.614 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | - | - | - | - | - | - | - | 86.711.643 | 86.711.643 |
| Thu nhập khác | 593.636.363 | 262.705.653 | 1.557.463.875 | 359.338.613 | 110.910.228 | - | 2.884.054.732 | (220.675.157) | 2.663.379.575 |
| Chi phí khác | - | 237.193.605 | 4.157.741 | 298.835.677 | 4.907.864 | - | 545.094.887 | - | 545.094.887 |
| Lợi nhuận trước thuế | 946.758.264 | 77.610.161.804 | 14.606.323.902 | 97.624.906.275 | 2.599.538.573 | 64.343.109.433 | 257.730.798.251 | (83.238.946.027) | 174.491.852.224 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 189.351.653 | 9.050.744.197 | 3.616.809.794 | 18.339.521.403 | 532.889.287 | - | 31.729.316.334 | - | 31.729.316.334 |
| Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | (867.727.439) | - | - | - | (867.727.439) | (766.840.067) | (1.634.567.506) |
| Lợi nhuận sau thuế | 757.406.611 | 68.559.417.607 | 11.857.241.547 | 79.285.384.872 | 2.066.649.286 | 64.343.109.433 | 226.869.209.356 | (82.472.105.960) | 144.397.103.396 |

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng | Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông | Lĩnh vực thi công công trình | Lĩnh vực kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực kinh doanh khác | Không phân bổ | Tổng cộng các bộ phận | Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận | Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất |
|---|---|---|---------------------------------|--|-----------------------------|-----------------------|--------------------------|---|--|
| VND | | | | | | | | | |
| Năm trước | | | | | | | | | |
| Doanh thu thuần bộ phận | 19.794.526.666 | 1.281.656.114.591 | 601.290.138.458 | 214.667.584.836 | 27.624.625.860 | - | 2.145.032.990.411 | (475.252.525.094) | 1.669.780.465.317 |
| Giá vốn bộ phận | 15.752.697.532 | 1.027.560.927.658 | 574.233.796.713 | 120.399.771.045 | 24.318.773.556 | - | 1.762.265.966.506 | (474.282.287.437) | 1.287.983.679.069 |
| Chi phí bán hàng | 1.069.796.529 | 161.238.605.070 | - | 3.223.641.314 | - | - | 165.532.042.913 | (4.444.618.843) | 161.087.424.070 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 917.022.138 | 33.548.890.180 | 18.001.183.752 | 9.127.733.602 | 1.001.407.879 | - | 62.596.237.551 | (596.636.947) | 61.999.600.604 |
| Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | 2.055.010.467 | 59.307.691.683 | 9.055.157.993 | 81.916.438.875 | 2.304.444.423 | - | 154.638.743.441 | 4.071.018.133 | 158.709.761.574 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 52.041.442 | 3.484.301.768 | 773.790.476 | 6.733.874.876 | 1.758.620 | 61.330.665.585 | 72.376.432.767 | (63.381.497.936) | 8.994.934.831 |
| Chi phí tài chính | - | 31.007.153 | - | - | - | 21.919.073.665 | 21.950.080.818 | (2.050.832.351) | 19.899.248.467 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | - | - | - | - | - | - | - | 84.194.915 | 84.194.915 |
| Thu nhập khác | - | 10.500.000 | 546.502.893 | 133.592.458 | 110.167.753 | - | 800.763.104 | (85.601.574) | 715.161.530 |
| Chi phí khác | - | 649.017.819 | 597.406.872 | 101.484.013 | 601.842 | - | 1.348.510.546 | (26.634.545) | 1.321.876.001 |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.107.051.909 | 62.122.468.479 | 9.778.044.490 | 88.682.422.196 | 2.415.768.954 | 39.411.591.920 | 204.517.347.948 | (57.234.419.566) | 147.282.928.382 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 421.475.182 | 7.904.628.188 | 3.438.147.866 | 15.175.352.747 | 420.798.268 | - | 27.360.402.251 | - | 27.360.402.251 |
| Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | 285.351.601 | - | - | - | 285.351.601 | 802.410.221 | 1.087.761.822 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.685.576.727 | 54.217.840.291 | 6.054.545.023 | 73.507.069.449 | 1.994.970.686 | 39.411.591.920 | 176.871.594.096 | (58.036.829.787) | 118.834.764.309 |

39.2. Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty tại tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

40. CAM KẾT THUÊ

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐ/TLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 11 năm 2003 và các Phụ lục số 01 ngày 18 tháng 11 năm 2004, Phụ lục số 02 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 37.805 m² đất thuộc lô đất số 1-8 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 11 năm 2003, đơn giá thuê là 0,6 USD/m²/năm.
- Hợp đồng thuê bãi số 38/HĐ.BB ngày 19 tháng 7 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 9.721 m² đất có chiều dài cập theo bờ sông Tiền 13 m và kênh Xáng Cụt là 355 m trong Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 40 năm bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2006, đơn giá thuê là 1 USD/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐTĐ ngày 23 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 21.482,4 m² đất tại số 490 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam để làm Văn phòng làm việc Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047. Phụ lục hợp đồng thuê đất số 2160/PLHĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với diện tích 7.692,8 m², mục đích sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Diện tích đất thuê còn trả tiền thuê hàng năm là 13.789,6 m², tiền thuê đất hàng năm là 138.427.504 VND, thời gian ổn định đơn giá thuê đất từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- Hợp đồng thuê đất số 1701/HĐTĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 1.822,3 m² đất tại số 490 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam thời hạn thuê là từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 4.236.848 VND, thời gian ổn định đơn giá thuê đất từ ngày 22 tháng 3 năm 2022 đến ngày 21 tháng 3 năm 2027.
- Hợp đồng thuê đất số 5125/HĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 118.574,5 m² đất tại ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm, thời hạn thuê là từ ngày 27 tháng 10 năm 2015 đến ngày 27 tháng 10 năm 2065, tiền thuê đất hàng năm là 249.006.450 VND.

41. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Ngoại tệ | | |
| Đô la Mỹ (USD) | 29,30 | 1.256,99 |
| Đồng Euro (EUR) | 3.374,54 | 3.385,77 |
| | | VND |
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nợ khó đòi đã xử lý (*) | | |
| Phải thu từ hoạt động bán bê tông | 4.954.312.988 | 4.954.312.988 |
| Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng | 2.515.058.223 | 2.515.058.223 |
| Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản | 446.526.500 | 446.526.500 |
| Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng | 15.000.000 | 15.000.000 |
| CỘNG | 7.930.897.711 | 7.930.897.711 |

(*) Nhóm Công ty xử lý xóa nợ các khoản nợ phải thu này do đã quá hạn trên 10 năm và không có khả năng thu hồi.

42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Huỳnh Thị Mỹ Hương
Người lập biểu


Huỳnh Thị Mỹ Hương
Kế toán trưởng


Vũ Huy Giáp
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2025

12/ HN 13/11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã được công bố thông tin đúng quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo website: <https://ticco.com.vn/>

TP. Mỹ Tho, ngày 14 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Vũ Huy Giáp
Tổng Giám đốc





TICCO

Tạo nền tảng vững chắc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Địa chỉ: 46 – 48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam

Số điện thoại: 02733872878 Email: ticco@ticco.com.vn

Website: <https://ticco.com.vn>

